PETROVIETNAM PSI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
DN: C=VN, S=Hà Nội, O=CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102095561
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.04.10 17:26:01+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.0.1

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
PETROVIETNAM SECURITIES INC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2025

Năng lượng mới - Giải pháp mới
New Energy - New Solution

PETROVIETNAM
PSI

BUSINESS BENEFIT

Danh mục viết tắt	Diễn giải
BGĐ	Ban Giám đốc
BKS/TV BKS	Ban Kiểm soát/Thành viên Ban Kiểm soát
CBNV	Cán bộ nhân viên
CNTT	Công nghệ thông tin
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
CTCP	Công ty Cổ phần
CT HĐQT	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
ĐVT	Đơn vị tính
ESG	Môi trường – Xã hội – Quản trị
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
HĐQT/ UV HĐQT	Hội đồng Quản trị/ Ủy viên Hội đồng Quản trị
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HOSE/HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc Tế
IPO	Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng
IR	Quan hệ nhà đầu tư
KSNB	Kiểm soát nội bộ
M&A	Mua bán và sáp nhập
NHTM	Ngân hàng thương mại
OTC	Thị trường giao dịch phi tập trung
PSI/Công ty	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
PVcomBank/PVCB	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam
Petrovietnam	Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam
QTRR	Quản trị rủi ro
TMCP	Thương mại cổ phần
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

MỤC LỤC



MỞ ĐẦU

04 THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
06 DẤU ẤN 2025
08 TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI

I. THÔNG TIN CHUNG

12 GIỚI THIỆU TỔNG QUAN CÔNG TY
13 LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
14 CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ THƯƠNG VỤ TIÊU BIỂU
16 NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
18 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ
22 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
23 ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO
26 CÁC RỦI RO

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025

32 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
36 NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH
37 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
38 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
40 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
41 YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG
47 VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

III. DỰ BÁO NĂM 2026 VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA PSI

50 TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2025
52 THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM TRONG NĂM 2025
54 TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2026
56 MỤC TIÊU HÀNH ĐỘNG 2026

IV. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

60 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
74 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
84 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
88 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI CÔNG TY
94 THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

V. HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

98 ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PSI
99 ĐỐI TƯỢNG LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
100 NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MỞ ĐẦU

04 THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
06 DẤU ẤN 2025
08 TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



THÔNG ĐIỆP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng ta luôn song hành cùng Petrovietnam:

> **“Đổi mới từ cốt lõi, quản trị sự biến động, bổ sung động lực mới, làm mới động lực cũ, phát triển mô hình vượt trội”**

BUSINESS – BENEFIT

Tổng doanh thu đạt
478,94 tỷ đồng
138% so với năm 2024

Tổng tài sản đạt
3.143 tỷ đồng
121% so với năm 2024

Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập đạt
60,94 tỷ đồng
152% so với kế hoạch đề ra

Kính gửi Quý Cổ đông,

Năm 2025 khép lại trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động. Tuy nhiên, Việt Nam tiếp tục khẳng định bản lĩnh và sức bật với tăng trưởng GDP đạt 8,02%, lạm phát được kiểm soát và nền tảng vĩ mô duy trì ổn định. Thị trường chứng khoán Việt Nam cũng đứng trước cơ hội nâng hạng lên thị trường mới nổi, thanh khoản thị trường được cải thiện rõ rệt, mở ra nhiều dư địa phát triển cho ngành tài chính – chứng khoán.

Trong bối cảnh đó, **PSI tiếp tục ghi dấu một năm tăng trưởng ấn tượng,** không chỉ duy trì đà phát triển mà còn từng bước củng cố nền tảng hoạt động theo hướng bền vững hơn. Kết quả đạt được là minh chứng cho hiệu quả của mô hình quản trị chủ động, linh hoạt và kỷ luật – những giá trị cốt lõi đã được PSI kiên định xây dựng trong suốt hành trình phát triển. Cùng với tăng trưởng kinh doanh, PSI cũng tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, từng bước khẳng định uy tín và năng lực trên thị trường. Niềm tin của khách hàng, cổ đông và đối tác chính là nguồn động lực quan trọng để Công ty tiếp tục tiến bước.

Bước sang **năm 2026 – cột mốc PSI tròn 20 năm phát triển,** chúng tôi lựa chọn tinh thần **“BUSINESS – BENEFIT”** như một định hướng xuyên suốt: không chỉ tạo ra giá trị kinh doanh, mà còn hướng tới **kiến tạo lợi ích bền vững cho khách hàng, cổ đông và cộng đồng.**

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng cao, PSI xác định cần **nghĩ khác, làm khác,** tiếp tục đổi mới mô hình kinh doanh theo hướng **số hóa toàn diện,** lấy công nghệ và kênh số làm động lực tăng trưởng cho giai đoạn mới. Đồng thời, Công ty tập trung phát triển các giải pháp tài chính chuyên biệt, được thiết kế linh hoạt theo từng phân khúc khách hàng, gia tăng giá trị cộng hưởng trong hệ sinh thái và củng cố năng lực cạnh tranh dài hạn.

Với nền tảng được vun đắp bền bỉ qua gần hai thập kỷ, cùng chiến lược rõ ràng và sự đồng hành quý báu của Quý cổ đông, chúng tôi tin tưởng PSI sẽ bước vào giai đoạn phát triển mới với vị thế vững vàng hơn, tầm nhìn dài hạn hơn và giá trị bền vững hơn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo, tôi xin trân trọng cảm ơn Quý Cổ đông đã luôn tin tưởng, gắn bó và đồng hành cùng PSI. Chúng tôi mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ quý báu đó trên hành trình phía trước – hành trình kiến tạo một PSI chuyên nghiệp và đóng góp ngày càng tích cực cho thị trường tài chính – chứng khoán Việt Nam.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, thành công và thịnh vượng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN ANH TUẤN

DẤU ẤN 2025

TIÊN PHONG CÔNG NGHỆ – DẪN DẮT HỆ SINH THÁI SỐ

• Hoàn tất nâng cấp Core, sẵn sàng chuẩn vận hành mới của **HOSE.**
• Nâng cấp PS - AI với **thuật toán vượt trội.**
• Tổ chức cuộc thi **"The AIVESTOR 2025"** cùng **Đại học Kinh tế Quốc dân** với sự tham gia của **hàng nghìn** sinh viên trên toàn quốc

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ HÀNG ĐẦU LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG

Ký mới nhiều hợp đồng với **những thương vụ lớn** trong ngành công nghiệp, năng lượng như: BSR, POW, PET, DCM...

CỦNG CỐ NĂNG LỰC PHÂN TÍCH, NGHIÊN CỨU

Các báo cáo phân tích được sự tham gia của nhiều chuyên gia và các tổ chức tư vấn **hàng đầu Việt Nam,** được đối tác **Bloomberg** tin tưởng đánh giá cao

GIA TĂNG NĂNG LỰC CẠNH TRANH

1.494 tỷ đồng

Dư nợ huy động các sản phẩm nguồn vốn bình quân tăng **20%** so với năm 2024

TĂNG TRƯỞNG VƯỢT TRỘI

478,94 tỷ đồng

Tổng Doanh thu tăng gần **38%** so với năm trước, hoàn thành **125%** kế hoạch

60,94 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập vượt **52% kế hoạch**

NỀN TẢNG TÀI CHÍNH VỮNG MẠNH

3.143 tỷ đồng

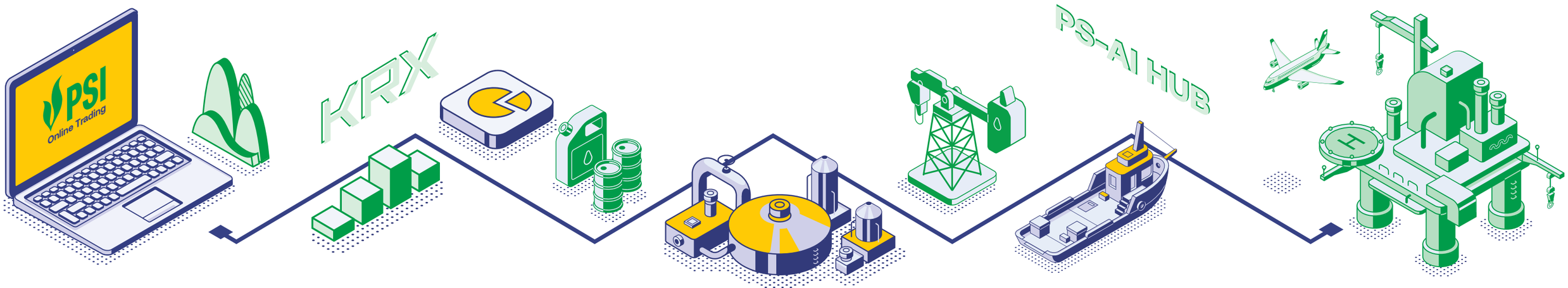
Tổng tài sản tăng **21%** so với năm 2024, nền tảng tài chính tiếp tục mở rộng

TƯ DUY ĐỔI MỚI, KHÁT VỌNG VƯƠN XA

Bộ nhận diện thương hiệu mới
- khát vọng bứt phá trong giai đoạn kỷ nguyên số

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI – ƯƠM MẦM TƯƠNG LAI

Quỹ học bổng **"Thắp sáng niềm tin PSI"** trao tặng **10 suất học bổng** dành cho các sinh viên xuất sắc của Đại Học Kinh Tế Quốc Dân.
Tổng trị giá **100 triệu đồng**



TẦM NHÌN
SỨ MỆNH
GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn

Công ty chứng khoán hoạt động theo mô hình Ngân hàng Đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp năng lượng.

Sứ mệnh

Cung cấp các dịch vụ tài chính trên nền tảng ứng dụng công nghệ tiên tiến và đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, mang đến cơ hội đầu tư, hiệu quả cho khách hàng.

Giá trị cốt lõi

- Kiên định mục tiêu chiến lược phát triển trên 3 trụ cột là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam), Ngân hàng mẹ (PVcomBank), tổ hợp đối tác nước ngoài (trọng tâm khách hàng Nhật Bản), trên nền tảng công nghệ và con người.
- Đặt yếu tố công nghệ làm trọng tâm trong hoạt động quản trị và phát triển sản phẩm phục vụ khách hàng. Ứng dụng các công nghệ hiện đại phù hợp với năng lực tài chính và nhu cầu của khách hàng.
- Tận dụng tối đa cơ hội thị trường trên cơ sở quản trị tốt các biến động, bổ sung các động lực phát triển mới đồng thời làm mới các động lực phát triển cũ.
- Nguồn nhân lực là tài sản của doanh nghiệp, là trọng tâm trong các chính sách, cơ chế để tạo động lực kinh doanh, thu hút nhân tài.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ với tinh thần tận tâm cống hiến, đem đến những trải nghiệm tốt nhất cho Khách hàng.



THÔNG TIN CHUNG

12 GIỚI THIỆU TỔNG QUAN CÔNG TY
13 LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
14 CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ THƯƠNG VỤ TIÊU BIỂU
16 NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
18 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ
22 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
23 ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO
26 CÁC RỦI RO

01



GIỚI THIỆU
TỔNG QUAN CÔNG TY

Tên Công ty bằng Tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
Tên Công ty bằng Tiếng Anh: Petrovietnam SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
Tên giao dịch: PSI
Tên viết tắt: PV SECURITIES., JSC
Giấy phép hoạt động: Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/12/2006 và Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 24/09/2020 cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp: Số 0102095561 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14 vào ngày 26/01/2026
Vốn điều lệ: 598.413.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 598.413.000.000 đồng
Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Hà Nội Tourist, số 18 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại: 024 3934 3888 **Số fax:** 024 3934 3999
Website: www.psi.vn
Mã cổ phiếu: PSI **Sàn niêm yết:** Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

LỊCH SỬ
HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) chính thức đi vào hoạt động ngày 07/02/2007 với Hội sở chính tại Hà Nội và 01 Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh với số vốn điều lệ ban đầu là 150 tỷ đồng. Sau gần 20 năm phát triển, PSI đã bám sát định hướng 3 trụ cột – 2 nền tảng – 1 mục tiêu để đứng vững trên thị trường, tự chủ trong hoạt động kinh doanh và xây dựng hình ảnh, vị thế mới là Công ty chứng khoán hoạt động theo mô hình Ngân hàng đầu tư trong lĩnh vực Công nghiệp - Năng lượng.

2006
Chính thức được cấp phép hoạt động vào ngày 19/12/2006.

2007
Chính thức đi vào hoạt động và lần lượt thành lập chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh, Vũng Tàu và Đà Nẵng từ 2007 - 2009.

2010
Tháng 7/2010: Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tháng 10/2010: Tăng vốn điều lệ lên 509,25 tỷ.

2011
Tăng vốn điều lệ lên 598,413 tỷ đồng thông qua việc chào bán thành công 14,9% cổ phần cho Đối tác SMBC Nikko (Nhật Bản).

2016
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng (PVcomBank) hoàn tất việc mua vào hơn 20,4 triệu cổ phiếu PSI, nâng tỷ lệ sở hữu lên 51,17% vốn điều lệ của PSI.

2018
Đầu tư mới phần mềm chứng khoán và hạ tầng công nghệ thông tin. Khai trương, đi vào hoạt động 03 điểm giao dịch tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

2022
Top 2 Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR được Nhà đầu tư yêu thích nhất 2022.

Top 3 Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR được Định chế tài chính đánh giá cao nhất 2022.

2023
PSI đã được công nhận trong Bảng xếp hạng tín nhiệm của FiinRatings ở mức BB+, cao hơn trung bình các doanh nghiệp trong ngành.

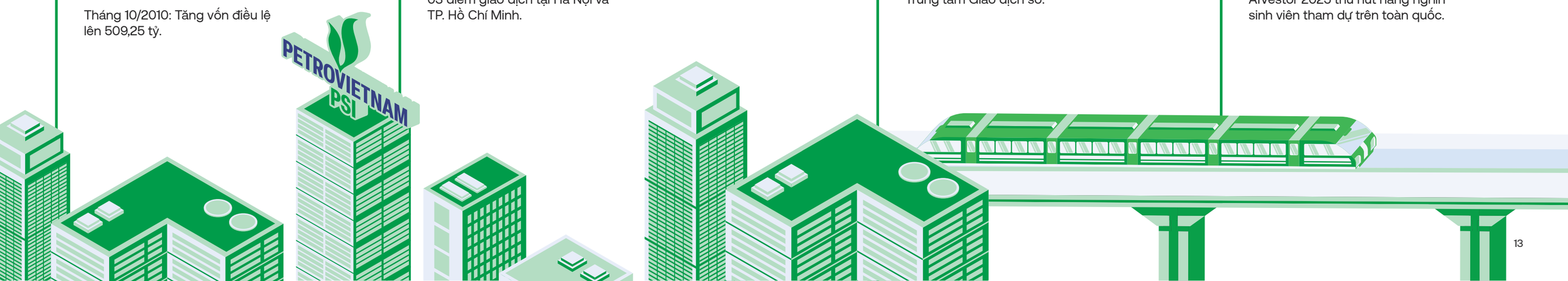
Chính thức ra mắt hệ thống giao dịch Trí tuệ nhân tạo (AI) và Trung tâm Giao dịch số.

2024
Top 5 Nhà tuyển dụng được yêu thích nhất Việt Nam năm 2024 - Nhóm Doanh nghiệp vừa.

Thành lập Quỹ học bổng "Thắp sáng niềm tin PSI". PSI thực hiện trao 7 suất học bổng dành cho sinh viên xuất sắc của Trường Kinh tế và Quản lý công - Đại học Kinh tế Quốc dân.

2025
Ban hành Bộ nhận diện thương hiệu mới, khẳng định tư duy đổi mới sáng tạo và khát vọng bứt phá của PSI.

Đơn vị tài trợ và đăng cai cuộc thi Đấu trường Chứng khoán – The AIVestor 2025 thu hút hàng nghìn sinh viên tham dự trên toàn quốc.



CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ THƯƠNG VỤ TIÊU BIỂU

Top 10 Công ty chứng khoán
CÓ LỢI NHUẬN CAO NHẤT THỊ TRƯỜNG
năm 2010

Giải thưởng Công ty có
THƯƠNG VỤ PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ TIÊU BIỂU
(với đối tác Nhật Bản) tại Diễn đàn Mua bán - Sáp nhập doanh nghiệp 2011

Giải thưởng
THƯƠNG HIỆU NỔI TIẾNG NHẤT NGÀNH CHỨNG KHOÁN TẠI VIỆT NAM
năm 2010 do người tiêu dùng bình chọn do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức

Giải thưởng
CÔNG TY TƯ VẤN M&A TIÊU BIỂU giai đoạn 2009 – 2013
do diễn đàn M&A 2013 trao tặng

Top 5 Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu trong
NGHIỆP VỤ TƯ VẤN NIÊM YẾT VÀ ĐẤU GIÁ
tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh năm 2015

TƯ VẤN IPO CHO 3 ĐƠN VỊ LỚN CỦA Petrovietnam
(Tổng Công ty Dầu Việt Nam - PVOIL, CTCP Lọc hóa Dầu Bình Sơn - BSR và Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – PV POWER)

Tổ chức thành công sự kiện
"HÀNH TRÌNH NĂNG LƯỢNG"
– chương trình nằm trong hoạt động của Bộ chỉ số Petrovietnam Index

Cùng cổ đông chiến lược SMBC Nikko triển khai thành công 2 hợp đồng
TƯ VẤN M&A VỚI MAEDA VÀ STANLEY

Top 10 Công ty chứng khoán
THỊ PHẦN MÔI GIỚI TRÁI PHIẾU LỚN NHẤT
năm 2021

Tư vấn thực hiện
M&A CHO TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI
trở thành cổ đông lớn của VPD

Top 3
DOANH NGHIỆP CÓ HOẠT ĐỘNG IR ĐƯỢC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ CAO NHẤT
năm 2022

Top 5
NHÀ TUYỂN DỤNG ĐƯỢC YÊU THÍCH NHẤT VIỆT NAM NĂM 2024
Nhóm Doanh nghiệp vừa do Career Builder bình chọn

TƯ VẤN THOÁI VỐN THÀNH CÔNG CHO SCIC
Năm 2025

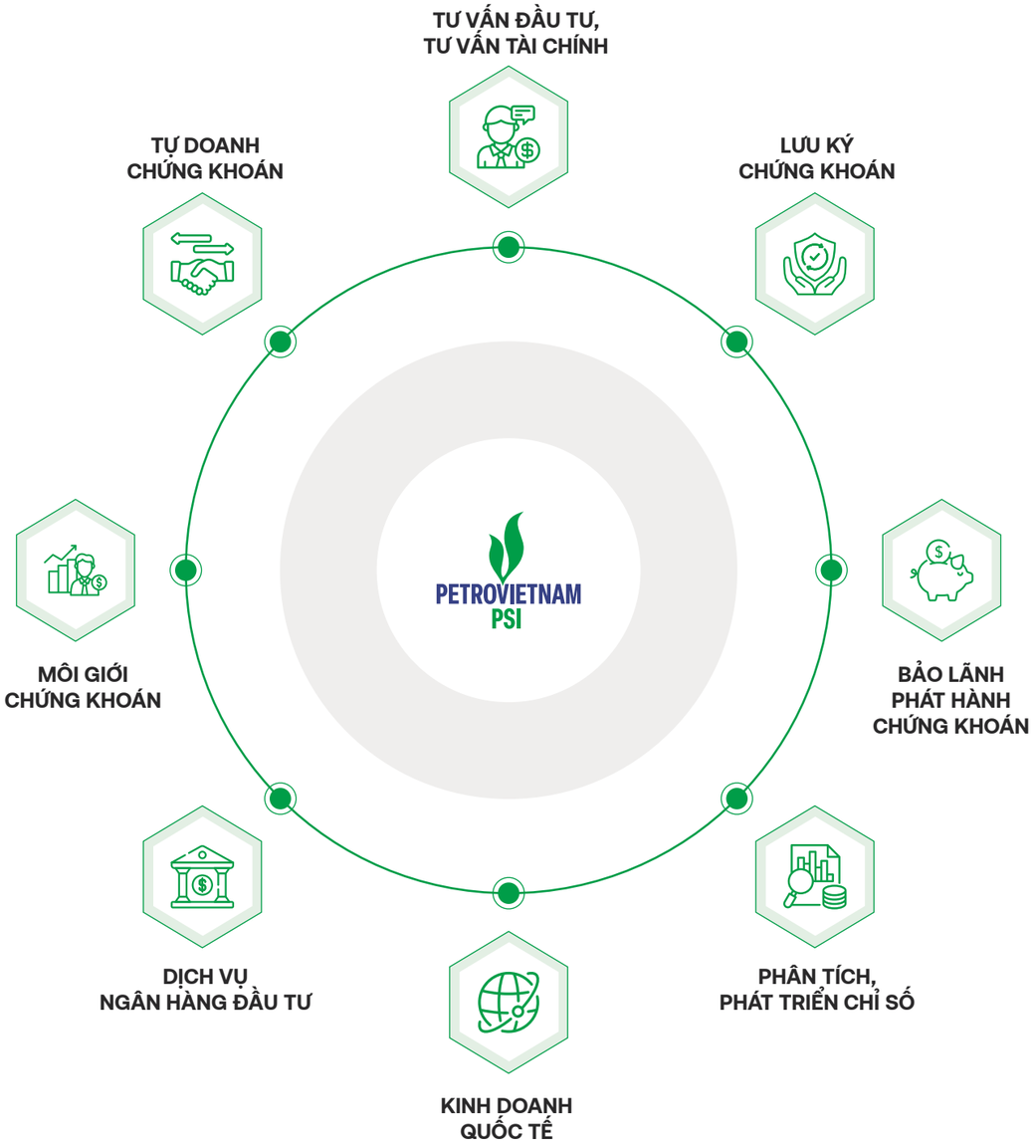
TƯ VẤN NIÊM YẾT CỔ PHIẾU BSR TẠI HOSE NĂM 2024 & CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CHO TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CTCP (PV POWER)
Năm 2025

Đối tác chiến lược về Tư vấn tài chính cho nhiều doanh nghiệp lớn:
PVOIL, PV GAS, PVCOMBANK, DPM, VIGLACERA, FECON, ...

Các báo cáo nghiên cứu, phân tích được
BLOOMBERG ĐÁNH GIÁ CAO VÀ TIN TƯỞNG HỢP TÁC
Năm 2025

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

PSI cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính theo Tiêu chuẩn Quốc tế bao gồm:





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất, bao gồm tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền: thông qua định hướng phát triển của Công ty; quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; quyết định về việc tăng giảm vốn điều lệ Công ty; quyết định tổ chức và giải thể Công ty và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Hội đồng Quản trị

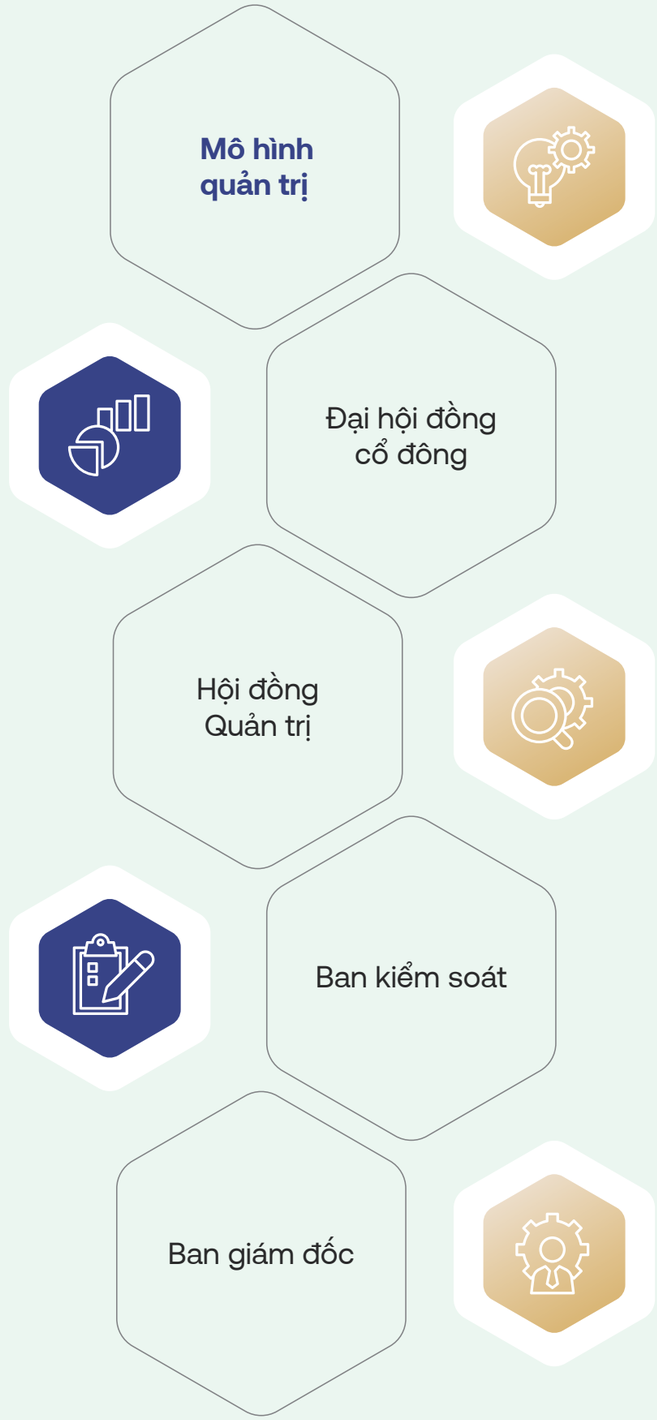
Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, bao gồm 5 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm. Ban Kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông giao thực hiện quyền giám sát Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc trong việc điều hành, quản lý Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại Hội đồng Cổ đông về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

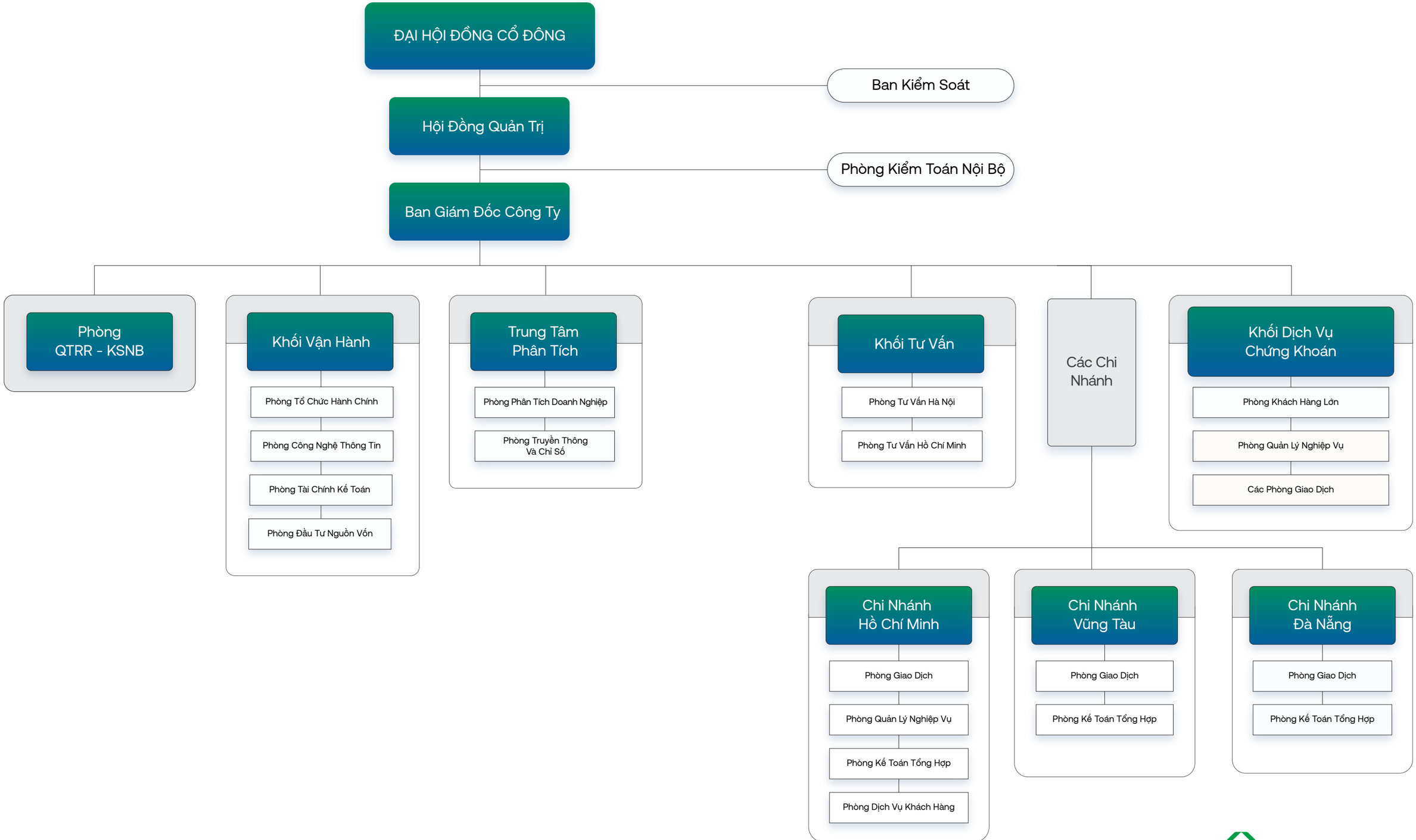
Ban giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm bao gồm 02 thành viên: 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc.



Cơ cấu bộ máy quản lý

Năm 2025, cơ cấu hoạt động của Công ty gồm 03 Khối (Khối Dịch vụ Chứng khoán, Khối Tư vấn, Khối Vận hành), 01 Trung tâm (01 Trung tâm Phân tích) và 03 Chi nhánh (01 Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh, 01 Chi nhánh phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh và 01 Chi nhánh Đà Nẵng).



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Định hướng chiến lược của PSI
3 trụ cột: Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam), Ngân hàng mẹ PVcomBank, tổ hợp các đối tác nước ngoài;
2 nền tảng: con người và công nghệ;
1 mục tiêu: hoàn chỉnh hoạt động theo mô hình Ngân hàng Đầu tư hàng đầu trong lĩnh vực Công nghiệp - Năng lượng.

Mạng lưới đối tác sâu rộng
Với định hướng đó, PSI đã xây dựng một hệ thống khách hàng thân thiết bao gồm những Tập đoàn, Doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước thuộc nhiều lĩnh vực, đặc biệt là các doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn Petrovietnam và khách hàng nước ngoài. PSI cũng sở hữu hệ thống môi giới mạnh tại Hà Nội, TP. HCM, Đà Nẵng và đội ngũ nhân sự chất lượng, tâm huyết, gắn bó với công ty.

Ứng dụng công nghệ
Cùng với việc ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất, PSI đã xây dựng hệ sản phẩm đa dạng, linh hoạt, tối ưu lợi ích sử dụng vốn của khách hàng, giúp khách hàng có hành trình đầu tư bền vững và hiệu quả.

ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO

Hội Đồng Quản Trị



Ông Nguyễn Anh Tuấn
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính



Bà Phan Quỳnh Nga
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Chứng khoán



Ông Trịnh Thế Phương
Thành viên Hội đồng quản trị

Thạc sỹ Luật, Luật sư
Hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính



Bà Hồ Việt Hà
Thành viên Hội đồng quản trị

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính



Ông Trần Tuấn Anh
Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thạc sỹ Tài chính ngân hàng
Hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính

Ban Giám Đốc



Bà Phan Quỳnh Nga
Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Chứng khoán



Bà Lưu Thị Việt Hà
Phó Giám đốc Công ty

Cử nhân kinh tế
Hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính

Ông Lê Đức Cường
Phụ trách Kế toán - Bổ nhiệm ngày 22/12/2025

Cử nhân Kế toán
Hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán, Tài chính

Bà Nguyễn Thị Hồng
Phụ trách Kế toán

Miễn nhiệm ngày 22/03/2025

Bà Nguyễn Thị Hằng
Phụ trách Kế toán

Miễn nhiệm ngày 22/12/2025

Ban Kiểm Soát



Bà Nguyễn Thị An
Trưởng Ban Kiểm soát

Cử nhân Tài chính doanh nghiệp
Hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán



Bà Nguyễn Thị Thu
Thành viên Ban Kiểm soát

Cử nhân Tài chính đầu tư
Hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính



Ông Bùi Thế Anh
Thành viên Ban Kiểm soát

Cử nhân Tài chính Đầu tư
Hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế thế giới

Bước sang năm 2026, bối cảnh kinh tế thế giới được dự báo tiếp tục tiềm ẩn nhiều rủi ro khó lường, tạo ra những tác động gián tiếp nhưng đáng kể tới thị trường tài chính Việt Nam nói chung và hoạt động của CTCP Chứng khoán Dầu khí (PSI) nói riêng. Các tổ chức quốc tế như IMF và World Bank dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2026 chỉ xoay quanh mức 2,8–3,0%, thấp hơn mức trung bình dài hạn trước đại dịch. Động lực tăng trưởng suy yếu chủ yếu đến từ kinh tế Mỹ và châu Âu tăng chậm, trong khi Trung Quốc đối mặt với các vấn đề cơ cấu như bất động sản suy giảm và tiêu dùng nội địa chưa phục hồi bền vững. Đối với Việt Nam, nền kinh tế có độ mở lớn với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tương đương khoảng 180–190% GDP, nên rất nhạy cảm với biến động bên ngoài. Khi kinh tế toàn cầu suy yếu, nhu cầu xuất khẩu giảm, dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài có xu hướng thận trọng hơn. Điều này có thể ảnh hưởng tới thanh khoản thị trường, doanh thu môi giới, hoạt động tự doanh và dịch vụ ngân hàng đầu tư của PSI.

Rủi ro về lạm phát

Lạm phát tiếp tục là một trong những biến số vĩ mô quan trọng ảnh hưởng đến triển vọng kinh tế và thị trường tài chính Việt Nam trong năm 2026. Theo các kịch bản dự báo phổ biến, lạm phát bình quân của Việt Nam năm 2026 được kỳ vọng dao động trong khoảng 3,5–4,5%, tiệm cận mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4,5% do Quốc hội đề ra. Tuy nhiên, mức dự báo này vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro tăng cao hơn trong trường hợp các yếu tố bất lợi cùng lúc xảy ra. Đối với thị trường chứng khoán, lạm phát cao thường kéo theo kỳ vọng thắt chặt chính sách tiền tệ, làm tăng chi phí vốn và giảm mức định giá (P/E) của cổ phiếu. Đối với PSI, rủi ro lạm phát thể hiện thông qua khả năng suy giảm thanh khoản thị trường, thu hẹp biên lợi nhuận tự doanh và ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng đòn bẩy tài chính của nhà đầu tư.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Năm 2026, tỷ giá hối đoái giữa VND và USD được dự báo tiếp tục chịu áp lực mất giá trong bối cảnh chênh lệch lãi suất VND–USD duy trì ở mức thấp và đồng USD vẫn giữ vai trò đồng tiền trú ẩn. Theo nhiều kịch bản dự báo, VND có thể mất giá khoảng 2–4% so với USD trong năm 2026, tương đương mức biến động đã từng ghi nhận trong các giai đoạn áp lực tỷ giá trước đây. Mặc dù mức mất giá này được đánh giá là trong tầm kiểm soát, song rủi ro biến động ngắn hạn vẫn hiện hữu. Đối với ngành chứng khoán, biến động tỷ giá mạnh có thể ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư nước ngoài và xu hướng dòng vốn. Trong các giai đoạn VND mất giá nhanh, thị trường thường ghi nhận hiện tượng khối ngoại bán ròng, gây áp lực giảm điểm và thanh khoản. Đối với PSI, rủi ro tỷ giá có thể tác động gián tiếp thông qua sự suy giảm hoạt động giao dịch của khách hàng tổ chức nước ngoài, cũng như ảnh hưởng đến giá trị các khoản đầu tư có yếu tố ngoại tệ. Ngoài ra, chi phí vay vốn hoặc thanh toán các dịch vụ công nghệ, dữ liệu quốc tế bằng USD cũng có thể gia tăng.

Rủi ro về lãi suất

Mặt bằng lãi suất năm 2026 được dự báo có xu hướng tăng trở lại nhưng với tốc độ chậm và mang tính chọn lọc, phù hợp với mục tiêu vừa kiểm soát lạm phát vừa hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Theo các kịch bản phổ biến, lãi suất huy động và cho vay có thể tăng thêm khoảng 0,5–1,0 điểm phần trăm so với mức bình quân năm 2025. Dù mức tăng không lớn, song đây vẫn là yếu tố nhạy cảm đối với thị trường tài chính. Đối với thị trường chứng khoán, lãi suất tăng thường làm giảm sức hấp dẫn tương đối của cổ phiếu so với các kênh đầu tư thu nhập cố định như tiền gửi và trái phiếu. Đồng thời, chi phí sử dụng đòn bẩy tài chính (margin) của nhà đầu tư gia tăng, có thể khiến giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường suy giảm. Thực tế cho thấy, trong các giai đoạn lãi suất tăng mạnh trước đây, thanh khoản thị trường thường giảm 15–25% so với giai đoạn lãi suất thấp.

Rủi ro về pháp luật

Giai đoạn 2025 - 2026 ghi nhận nhiều thay đổi quan trọng trong khung khổ pháp lý điều chỉnh hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam. Việc ban hành và triển khai các văn bản mới như Luật Chứng khoán sửa đổi, các nghị định và thông tư hướng dẫn về chào bán, giao dịch, quản trị công ty, an toàn tài chính và công bố thông tin nhằm nâng cao tính minh bạch và chuẩn mực thị trường. Trong ngắn hạn, các thay đổi này cũng có thể tạo ra rủi ro tuân thủ đối với các công ty chứng khoán. Cụ thể, các quy định chặt chẽ hơn về an toàn vốn, giới hạn cho vay ký quỹ, quản lý rủi ro tự doanh và chuẩn mực báo cáo có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ và đầu tư hệ thống. Ví dụ, yêu cầu nâng cao hệ số an toàn tài chính hoặc chuẩn hóa hệ thống công nghệ thông tin có thể khiến chi phí đầu tư ban đầu tăng đáng kể. Bên cạnh đó, các quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán ngày càng nghiêm khắc, với mức phạt có thể lên tới hàng tỷ đồng, làm gia tăng rủi ro pháp lý nếu Công ty không kịp thời thích ứng.

Rủi ro về nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố then chốt quyết định năng lực cạnh tranh và sự phát triển bền vững của các công ty chứng khoán. Trong bối cảnh thị trường tài chính ngày càng cạnh tranh và yêu cầu chuyên môn ngày càng cao, rủi ro về nguồn nhân lực đối với PSI có xu hướng gia tăng. Thị trường lao động ngành tài chính - chứng khoán thường xuyên chứng kiến sự dịch chuyển nhân sự, đặc biệt ở các vị trí môi giới giỏi, chuyên gia phân tích, quản lý rủi ro và công nghệ thông tin. Việc mất đi nhân sự chủ chốt không chỉ làm gián đoạn hoạt động kinh doanh mà còn ảnh hưởng đến quan hệ khách hàng và chất lượng dịch vụ. Đồng thời, chi phí tuyển dụng và đào tạo nhân sự mới ngày càng gia tăng, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh thu hút nhân tài ngày càng gay gắt.

Rủi ro cạnh tranh

Ngành chứng khoán Việt Nam đang đối mặt với mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt trong bối cảnh số lượng công ty chứng khoán duy trì ở mức cao và xu hướng tập trung thị phần vào nhóm doanh nghiệp dẫn đầu ngày càng rõ nét. Tính đến cuối năm 2025, thị trường có trên 70 công ty chứng khoán đang hoạt động, trong đó nhóm 10 công ty lớn nhất chiếm khoảng 60–65% thị phần môi giới cổ phiếu trên cả hai sàn HOSE và HNX. Các công ty này sở hữu lợi thế vượt trội về quy mô vốn, năng lực công nghệ, mạng lưới khách hàng và khả năng đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, tạo áp lực cạnh tranh đáng kể đối với các công ty chứng khoán quy mô trung bình và nhỏ. Đối với PSI, rủi ro cạnh tranh thể hiện ở thách thức duy trì và mở rộng thị phần trong bối cảnh áp lực từ các đối thủ có tiềm lực mạnh ngày càng gia tăng.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025

32 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
36 NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH
37 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
38 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
40 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
41 YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG
47 VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

02



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập

152% so với kế hoạch

Lợi nhuận sau thuế

149% so với kế hoạch

Trong năm 2025, nhờ sự điều hành hiệu quả của Chính phủ và các Bộ, Ngành, nền kinh tế Việt Nam phục hồi tích cực, tăng trưởng GDP duy trì ở mức cao. Thị trường Chứng khoán Việt Nam đứng trước thềm nâng hạng lên thị trường mới nổi (Emerging Market) cùng điểm nhấn nổi bật khi vận hành chính thức hệ thống công nghệ thông tin mới (KRX). Thị trường chứng khoán năm 2025 tăng trưởng tích cực với thanh khoản cải thiện mạnh so với cùng kỳ.

PSI tiếp tục nhận được sự ủng hộ từ Petrovietnam và Ngân hàng PVcomBank. Bên cạnh những thuận lợi trên PSI đã nỗ lực mở rộng quy mô, ứng biến linh hoạt với những thay đổi liên tục trong môi trường kinh doanh. Nhờ vậy, PSI đã đạt được kết quả kinh doanh năm 2025 như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025	Tỷ trọng thực hiện/ Kế hoạch 2025
I	**Tổng doanh thu**	**478,94**	**382,87**	**125%**
1	**Hoạt động Dịch vụ chứng khoán**	**293,53**	**214,30**	**137%**
1.1	Môi giới chứng khoán	87,82	55,00	160%
1.2	Lưu ký chứng khoán	7,93	7,00	113%
1.3	Dịch vụ tài chính	192,03	145,60	132%
1.4	Doanh thu khác	5,75	6,70	86%
2	**Hoạt động đầu tư, nguồn vốn**	**176,45**	**153,07**	**115%**
3	**Hoạt động Tư vấn - Phân tích**	**8,96**	**15,50**	**58%**
II	**Tổng chi phí**	**418,00**	**342,86**	**122%**
III	**Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập**	**60,94**	**40,01**	**152%**
IV	**Lợi nhuận sau thuế**	**44,60**	**30,00**	**149%**

Tổng doanh thu

125% so với kế hoạch

Hoạt động dịch vụ chứng khoán

293,53 tỷ đồng

Doanh thu từ hoạt động đầu tư, nguồn vốn

176,45 tỷ đồng

Năm 2025, VN-Index liên tục thiết lập các đỉnh mới cùng với giá trị giao dịch trên sàn HOSE tăng 42,2% so với cùng kỳ. Trong bối cảnh thị trường như vậy, PSI đã ghi nhận sự tăng trưởng đáng khích lệ với tổng doanh thu tăng gần 38% so với cùng kỳ và đạt 125% kế hoạch 2025. Cụ thể:

Hoạt động dịch vụ chứng khoán đóng góp chính vào tổng doanh thu đạt 293,53 tỷ đồng (đạt 137% kế hoạch). Trong đó, doanh thu môi giới chứng khoán đạt 87,82 tỷ đồng, bằng 160% kế hoạch; lưu ký chứng khoán đạt 7,93 tỷ đồng, đạt 113% kế hoạch; và dịch vụ tài chính đạt 192,03 tỷ đồng, vượt 32% so với kế hoạch.

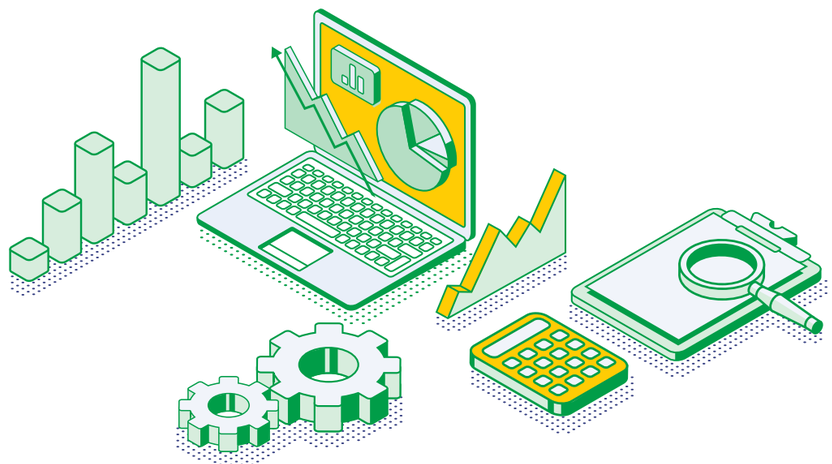
Doanh thu từ hoạt động đầu tư, nguồn vốn đạt 176,45 tỷ đồng, vượt kế hoạch tới 15%, đóng góp vào tăng trưởng chung của Công ty.

Hoạt động tư vấn – phân tích chiếm tỷ trọng nhỏ, với doanh thu 8,96 tỷ đồng, đạt gần 58% so với kế hoạch. Hoạt động tư vấn tiếp tục bám sát và khai thác các dịch vụ truyền thống từ các doanh nghiệp trong ngành (Petrovietnam). PSI là một trong những đơn vị thực hiện nhiều thương vụ tư vấn nhất cho SCIC và phát triển đa dạng các dịch vụ Tư vấn thị trường vốn và thị trường nợ cho các đối tượng khách hàng trong và ngoài ngành.

Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập đạt 60,94 tỷ đồng, vượt 52% so với kế hoạch năm 2025.

Lợi nhuận sau thuế đạt 44,60 tỷ đồng, đạt 149% kế hoạch năm 2025.

Năm 2025, PSI đã duy trì được đà tăng trưởng tích cực về quy mô tài sản và doanh thu, hiệu quả hoạt động được đảm bảo mặc dù đối mặt với áp lực chi phí gia tăng.



Kết quả kinh doanh của Công ty qua các năm

Tổng doanh thu

138%

so với năm 2024

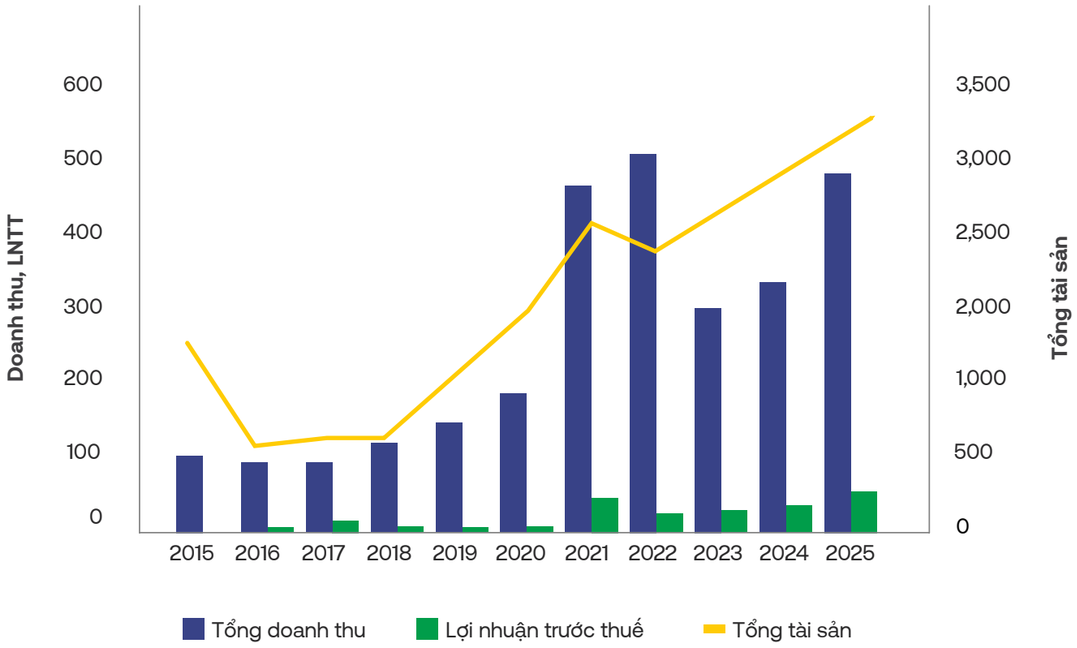
Năm 2025 ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực, đánh dấu năm thứ hai trong giai đoạn 10 năm Công ty đạt mức doanh thu cao ấn tượng, tiệm cận mức đỉnh trước đó. Lợi nhuận trước thuế tiếp tục cải thiện mạnh mẽ, là mức cao nhất trong giai đoạn 2015 - 2025, phản ánh hiệu quả kiểm soát chi phí và nâng cao chất lượng tăng trưởng.

Tổng tài sản mở rộng

121%

so với năm 2024

Bên cạnh đó, tổng tài sản tiếp tục được mở rộng với mức tăng hơn 21% so với năm 2024, khẳng định quy mô hoạt động ngày càng được nâng cao và năng lực tài chính được củng cố. Việc tăng trưởng đồng thời về doanh thu, lợi nhuận và tài sản cho thấy Công ty đang bước vào giai đoạn phát triển ổn định, bền vững và tạo nền tảng vững chắc cho các mục tiêu chiến lược trong các năm tiếp theo.





NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

- Miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Hồng, Phụ trách kế toán kể từ ngày 22/03/2025 theo QĐ số 12/QĐ-HĐQT-CKDK ngày 18/03/2025
- Giao nhiệm vụ Phụ trách kế toán đối với bà Nguyễn Thị Hằng từ ngày 22/03/2025 theo QĐ số 13/QĐ-HĐQT-CKDK ngày 18/03/2025
- Miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Hằng kể từ ngày 22/12/2025 theo QĐ số 67/QĐ-HĐQT-CKDK ngày 22/12/2025
- Giao nhiệm vụ phụ trách kế toán đối với ông Lê Đức Cường kể từ ngày 22/12/2025 theo QĐ số 66/QĐ-HĐQT-CKDK ngày 22/12/2025



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Đối với hoạt động đầu tư mới

Các hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn trong năm 2025 được xây dựng phương án đầu tư trên cơ sở phân tích dự báo tình hình thị trường và kinh tế trong, ngoài nước. Các cơ hội đầu tư đều được đánh giá độc lập bởi Trung tâm Phân tích PSI nhằm đảm bảo sự an toàn trong danh mục đầu tư và hạn chế những rủi ro từ các yếu tố thị trường. Thông qua các phương án đầu tư đã được kiểm định, PSI đánh giá và triển khai các cơ hội đầu tư phù hợp trong từng thời điểm giải ngân. Trong năm, PSI đã thực hiện đầu tư vào các các sản phẩm tài chính có nền tảng tốt, mang lại nguồn lợi tức ổn định.

Đối với hoạt động quản lý danh mục đầu tư

Hội đồng Quản trị, Ban Lãnh đạo Công ty tiếp tục tập trung vào nhiệm vụ cơ cấu lại danh mục đầu tư chứng khoán chưa niêm yết, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư, giảm tỷ lệ đầu tư chứng khoán chưa niêm yết xuống tỷ lệ theo đúng quy định. Mặt khác, trong năm 2025, PSI kiện toàn nhân sự quản lý danh mục đầu tư nhằm tăng cường vai trò giám sát, quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Bộ phận chức năng đã chủ động liên hệ với các doanh nghiệp để cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo định kỳ hàng tháng. Bên cạnh những hoạt động nắm bắt và hỗ trợ doanh nghiệp, PSI tích cực tìm kiếm các cơ hội thoái vốn các khoản đầu tư trong danh mục để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của PSI.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Kết quả kinh doanh

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm		Tăng trưởng
	2025	2024	
Tổng giá trị tài sản	3.143,02	2.598,63	21%
Doanh thu thuần	477,13	343,54	39%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	56,15	33,75	66%
Lợi nhuận khác	(0,70)	(0,58)	21%
Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập	60,94	34,25	78%
Lợi nhuận trước thuế, sau trích lập	55,45	33,17	67%
Lợi nhuận sau thuế	44,60	25,90	72%
Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-
Lợi nhuận còn lại của năm	44,60	25,90	72%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

- Doanh thu thuần đạt 477,1 tỷ đồng, tăng 39% so với năm 2024.
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 56,1 tỷ đồng, tăng 66,4% so với năm trước.
- Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập đạt 60,94 tỷ đồng, tăng 78% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 44,6 tỷ đồng, tăng trưởng 72% so với năm 2024.
- Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần duy trì ở mức 9,3%, cho thấy hiệu quả kinh doanh ổn định.

Các chỉ số tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm	
	2025	2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,30	1,40
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,30	1,40
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,76	0,73
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	3,18	2,67
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	15,18%	13,22%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9,31%	7,49%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	5,94%	3,66%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,43%	1,00%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần	11,62%	9,66%

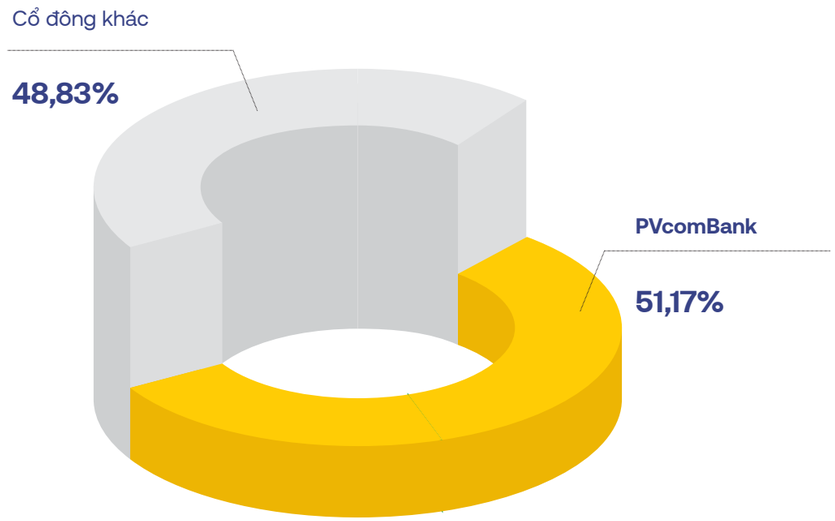
Tình hình tài chính 2025

- Hệ số thanh toán ngắn hạn duy trì ở mức an toàn, đạt 1,3 lần, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn.
- Hệ số nợ/Tổng tài sản tăng nhẹ lên 0,76 (so với 0,73 năm 2024), phản ánh việc công ty có sử dụng nợ vay nhưng vẫn trong mức kiểm soát an toàn.
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu đạt 3,18 lần, cao hơn năm trước, tuy nhiên chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu tăng từ 3,66% lên 5,94% cho thấy hiệu quả sử dụng đòn bẩy tài chính vẫn đảm bảo.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thông tin về cổ phần Công ty

Số cổ phần đang lưu hành	59.841.300 cổ phần
Số cổ phần tự do chuyển nhượng	59.841.300 cổ phần
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần



STT	Tên cổ đông	Vốn góp tại 27/03/2025		
		Số lượng	Giá trị (đồng)	Tỉ lệ
1	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	30.622.674	306.226.740.000	51,17%
2	Các cổ đông khác	25.287.426	252.874.260.000	48,83%
	Cộng	**59.841.300**	**598.413.000.000**	**100%**

YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG

Về Công nghệ thông tin

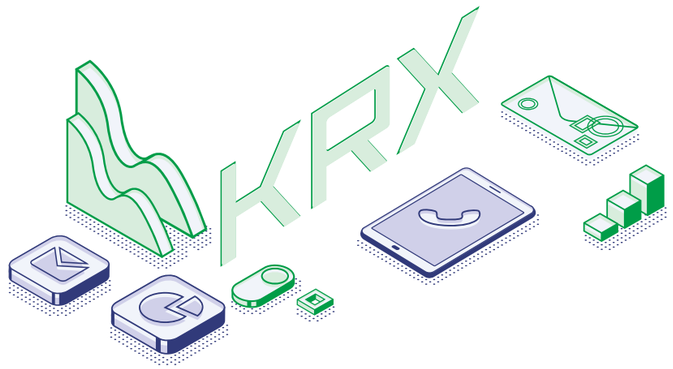
Trong năm qua, Công nghệ thông tin tiếp tục đóng vai trò là nền tảng quan trọng bảo đảm cho hoạt động vận hành ổn định, an toàn và liên tục của Công ty, đặc biệt trong bối cảnh thị trường chứng khoán có nhiều thay đổi lớn liên quan đến lộ trình triển khai hệ thống KRX. Phòng CNTT đã chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp kỹ thuật, chuẩn hóa hệ thống thông tin và kết nối, bảo đảm khả năng tương thích, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu mới từ các Sở giao dịch HSX, HNX và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSDC), góp phần duy trì hoạt động giao dịch thông suốt và ổn định.

Song song với đó, CNTT phối hợp với nhà cung cấp Hệ thống Core tiếp tục phát hành các phiên bản nâng cấp của ứng dụng giao dịch, bổ sung nhiều tính năng và tiện ích mới, hướng tới nâng cao tốc độ xử lý, độ ổn định và mức độ thân thiện đối với người sử dụng. Hệ thống giao dịch được vận hành với mức độ sẵn sàng cao, hạn chế tối đa gián đoạn, đáp ứng tốt nhu cầu giao dịch ngày càng gia tăng của khách hàng và thị trường, góp phần trực tiếp vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của Công ty.

Trong lĩnh vực An ninh mạng, Bảo mật và an toàn thông tin, Công ty đặc biệt chú trọng công tác xây dựng và hoàn thiện khung quản trị an toàn dữ liệu và bảo mật với việc ban hành Hồ sơ An toàn thông tin cấp độ 3, đồng thời tăng cường giám sát, phòng ngừa và nâng cao năng lực ứng phó sự cố. Công ty tiếp tục hợp tác với các đơn vị an ninh mạng có uy tín như VCS nhằm khai thác hiệu quả các giải pháp giám sát và vận hành an ninh mạng tập trung (SOC/SIEM). bảo vệ chuyên sâu, từ đó nâng cao khả năng phòng chống các nguy cơ tấn công mạng và bảo đảm an toàn cho hệ thống công nghệ cũng như dữ liệu khách hàng.

Bên cạnh việc bảo đảm ổn định hạ tầng và hệ thống giao dịch, Công ty từng bước triển khai các hoạt động chuẩn hóa và quản trị dữ liệu, hướng tới xây dựng nền tảng dữ liệu tập trung phục vụ công tác báo cáo và quản trị, điều hành. Các nguồn dữ liệu trọng yếu được rà soát, chuẩn hóa và tích hợp, giúp nâng cao tính chính xác, nhất quán và kịp thời của các báo cáo quản trị, hỗ trợ Ban Lãnh đạo trong việc theo dõi tình hình hoạt động và ra quyết định.

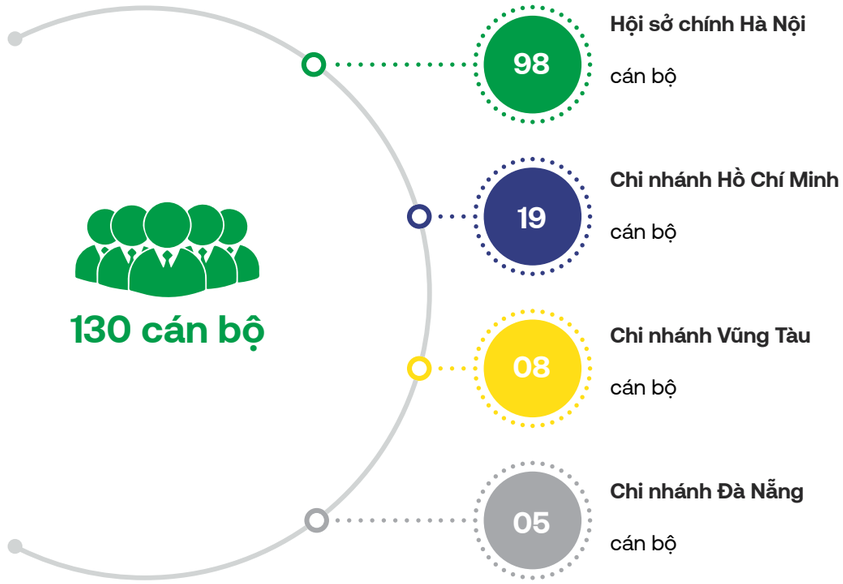
Với định hướng lấy ổn định – an toàn – hiệu quả làm trọng tâm, Công nghệ thông tin tiếp tục là đơn vị hỗ trợ nòng cốt, đồng hành cùng các đơn vị trong toàn Công ty, góp phần duy trì năng lực vận hành, củng cố uy tín thương hiệu và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của PSI trong các giai đoạn tiếp theo.



Về nguồn nhân lực



Tính đến 31/12/2025, tổng số lượng cán bộ nhân viên công ty là **130** cán bộ, trong đó:



Chính sách đãi ngộ, tuyển dụng nhân tài

Chính sách tuyển dụng

Trong năm 2025, mục tiêu cốt lõi của PSI là xây dựng đội ngũ nhân sự tinh nhuệ, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên tài chính số. Tiêu chí tuyển dụng không chỉ dừng lại ở năng lực chuyên môn chứng khoán truyền thống mà còn ưu tiên các ứng viên có tư duy đổi mới sáng tạo, khả năng thích ứng công nghệ và tố chất cá nhân phù hợp với văn hóa chuyển đổi số của Công ty. PSI tập trung thu hút các nhân sự chất lượng cao trong lĩnh vực chứng khoán, Fintech và trí tuệ nhân tạo (AI) để củng cố sức mạnh nền tảng.

Chính sách đào tạo

PSI nâng cấp hệ thống đào tạo thường niên thành một "Hệ sinh thái học tập chủ động". Bên cạnh đào tạo hội nhập và chứng chỉ chuyên môn, Công ty đặc biệt chú trọng bồi dưỡng năng lực số (Digital Literacy), kỹ năng ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong phân tích tài chính và quản trị sự thay đổi. Hình thức đào tạo được đa dạng hóa: kết hợp giữa huấn luyện chuyên sâu bởi đội ngũ "Giảng viên nội bộ" và cử nhân sự tham gia các chương trình Hội thảo/đào tạo bên ngoài để tối ưu hóa việc chuyển giao tri thức và kinh nghiệm thực tiễn ngay tại chỗ.

Chính sách đãi ngộ

Trong năm 2025, PSI vận hành cơ chế trả lương dựa trên hiệu quả công việc (KPIs) và giá trị đóng góp thực tế của từng cá nhân vào sự phát triển chung. Hệ thống lương thưởng được tinh chỉnh để đảm bảo tính công bằng, cạnh tranh cao so với các Công ty trong lĩnh vực chứng khoán và Fintech. Công ty áp dụng các mô hình đãi ngộ linh hoạt nhằm khuyến khích những sáng kiến đổi mới mang lại đột phá trong kinh doanh và vận hành.

Mục tiêu hướng tới:

- Tối ưu hóa giá trị: Trả công tương xứng với năng lực, phẩm chất và đặc biệt là hiệu quả đóng góp trong việc thúc đẩy các giải pháp tài chính số.
- Duy trì nội lực: Giữ chân đội ngũ chuyên gia giỏi, tận tâm thông qua môi trường làm việc hạnh phúc và lộ trình thăng tiến rõ ràng.
- Thu hút nhân sự chất lượng: Xây dựng PSI thành điểm đến hấp dẫn cho đội ngũ lãnh đạo xuất sắc, có tầm nhìn chiến lược và đạo đức nghề nghiệp.
- Tự hoàn thiện: Khuyến khích mỗi cá nhân tự nâng cấp bản thân để trở thành phiên bản tốt hơn, phù hợp với năng lực cốt lõi và định hướng tương lai của Công ty.
- Sự gắn kết đồng nhất: Gắn liền lợi ích và sự thành công của cá nhân với sự phát triển bền vững của PSI.

Tổ chức các phong trào thi đua hoàn thành nhiệm vụ







Đẩy mạnh công tác truyền thông các chương trình thúc đẩy kinh doanh tới toàn thể công đoàn viên tại đơn vị, qua đó tạo động lực thi đua sôi nổi và tinh thần đồng hành vì mục tiêu chung. Song song với hoạt động truyền thông, Công ty tổ chức vinh danh và trao các phần thưởng giá trị cao cho các CBNV, cộng tác viên đạt thành tích bán hàng xuất sắc trong từng đợt triển khai chương trình.

Tiêu biểu là các chương trình Thúc đẩy Tăng trưởng Sản phẩm nguồn vốn trong các kỳ tháng 06/2025–08/2025 và tháng 11/2025–12/2025, ghi nhận sự bứt phá về hiệu quả kinh doanh và tinh thần chủ động khai thác thị trường của đội ngũ. Hoạt động khen thưởng không chỉ là sự ghi nhận xứng đáng đối với những cá nhân nổi bật mà còn góp phần nuôi dưỡng văn hóa hiệu suất cao và khát vọng chinh phục các mục tiêu tăng trưởng mới tại PSI.

Chính sách chăm sóc sức khỏe, đời sống người lao động của Công đoàn PSI

Công tác chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động luôn được xác định là trọng tâm để xây dựng một PSI đoàn kết và phát triển bền vững.

Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần

- Hệ thống phúc lợi định kỳ: Chuẩn hóa quy trình chi trả các chế độ thăm hỏi, sinh nhật, hiếu hỉ... đảm bảo tính kịp thời và sự quan tâm sâu sát đến từng đoàn viên Công đoàn.
- Hỗ trợ khẩn cấp: Duy trì cơ chế thăm hỏi, động viên kịp thời các trường hợp CBNV hoặc thân nhân điều trị nội viện, thể hiện tinh thần tương thân tương ái của gia đình PSI.
- Đãi ngộ Lễ tết: Thực hiện chương trình chi khuyến khích, tặng quà tri ân cho toàn thể người lao động dịp Tết Nguyên đán và các ngày lễ lớn trong năm 2025.
- Nâng cấp bảo hiểm sức khỏe: Tiếp tục phối hợp tối ưu hóa chính sách bảo hiểm khám chữa bệnh chất lượng cao, đồng thời tổ chức triển khai khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CBNV Công ty. Đặc biệt, năm 2025 Công đoàn Công ty đẩy mạnh hỗ trợ cán bộ đăng ký các gói bảo hiểm ưu đãi cho thân nhân, gia tăng sự an tâm công tác cho người lao động.

Tham mưu, tham gia xây dựng, triển khai, giám sát thực hiện các chính sách liên quan đến người lao động

- Chủ trì tổ chức thành công Hội nghị Người lao động 2026 và Tổng kết hoạt động Công đoàn 2025.
- Phát huy vai trò phản biện và đóng góp ý kiến thực chất trong Hội đồng Lương, Hội đồng Thi đua khen thưởng và Tổ Tư vấn Lương nhằm đảm bảo mọi quyền lợi của CBNV được thực thi minh bạch, công bằng.
- Hướng dẫn ký kết hợp đồng lao động, đào tạo, hội nhập PSI/PVcomBank.

Tổ chức các hoạt động khác

- Từ ngày 26/09/2025-28/09/2025, Công đoàn PSI đã tích cực tham gia Ngày hội văn hóa do Ngân hàng PVcomBank – đơn vị mẹ tổ chức, với các hoạt động thể thao (pickleball, bóng đá, cầu lông, cờ tướng) và xây dựng gian hàng văn hóa. Hoạt động đã góp phần tăng cường giao lưu, gắn kết giữa CBNV PSI và toàn hệ thống, đồng thời nâng cao tinh thần đoàn kết, quảng bá hình ảnh đơn vị.
- Công đoàn phối hợp Đoàn thanh niên đã tổ chức thí điểm cho CBNV Hội Sở tham gia hoạt động thể thao (pickleball...), tạo sân chơi lành mạnh, nâng cao sức khỏe, góp phần xây dựng đời sống văn hóa tinh thần phong phú, tăng cường tinh thần đoàn kết trong tập thể.

Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng

- Duy trì sự kết nối chặt chẽ với Công đoàn PVcomBank và Công đoàn Dầu khí thông qua việc tham gia đầy đủ, trách nhiệm các kỳ hội nghị, các lớp tập huấn và chương trình hành động chung.
- Lắng nghe và Thấu hiểu: Thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của CBNV để kịp thời tháo gỡ khó khăn, xây dựng môi trường làm việc cởi mở và tin cậy.
- Bồi dưỡng nhân tố ưu tú: Tích cực giới thiệu các đoàn viên, thanh niên có thành tích xuất sắc tham gia các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, tạo nguồn cán bộ kế cận có bản lĩnh chính trị vững vàng.

Công tác nữ công

- Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 08/03, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10: tổ chức tặng quà cán bộ nữ tại Hà Nội và chi hỗ trợ đối với các Chi nhánh, tổ chức meeting chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam đầm ấm, trang trọng;
- Công đoàn Công ty tổ chức nhiều hoạt động ý nghĩa nhân dịp Quốc tế Thiếu nhi 1/6 và Tết Trung thu dành cho con em CBNV, góp phần mang đến niềm vui, sự gắn kết và thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Công ty đối với đời sống gia đình người lao động.

Công tác từ thiện, an sinh xã hội

- Tham gia chương trình hiến máu "Giọt xuân hồng" tại PVcomBank Hội Sở.
- Thực hiện đóng góp cho các chương trình an sinh xã hội tại địa bàn khi có các chương trình vận động: Đồng hành cùng Công đoàn PVcomBank chương trình "Xuân trao yêu thương" tại Trường PTDTBT TH – THCS Cốc Đán, Thái Nguyên và chương trình "Tết đoàn viên 2026" tại Bệnh viện Phong Chí Linh, Hải Phòng.
- Trao tặng 10 suất học bổng "Thắp sáng niềm tin" với tổng trị giá 100 triệu đồng cho các sinh viên xuất sắc có hoàn cảnh khó khăn.

Công tác Văn hoá văn nghệ, Thể dục thể thao

- Văn hóa tinh thần: Là lực lượng nòng cốt trong chuỗi sự kiện Ngày hội Văn hóa PVcomBank 2025. Duy trì và phát triển các CLB Thể thao (Bóng đá, Chạy bộ, Yoga...) nhằm nâng cao thể chất và tinh thần đoàn kết.
- Sức trẻ PSI: Phát huy vai trò xung kích của Đoàn Thanh niên trong việc tổ chức các hoạt động phong trào, biến văn hóa doanh nghiệp thành động lực thúc đẩy năng suất lao động.

Công tác theo dõi, đánh giá và đề xuất thi đua khen thưởng công đoàn

- Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá hoạt động phong trào gắn liền với hiệu quả chuyên môn. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể có đóng góp tích cực cho hoạt động Công đoàn, tạo khí thế thi đua sôi nổi trong toàn hệ thống.

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Văn hóa dầu khí

Khát vọng và nhiệt huyết là giá trị nổi bật trong văn hóa dầu khí, được xây dựng và bồi đắp suốt 60 năm phát triển của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam, gắn liền với hình ảnh "những người đi tìm lửa". Đây là giá trị được PSI - công ty thành viên của Petrovietnam luôn gìn giữ và phát huy. Khát vọng của PSI là khẳng định vị thế và bản sắc riêng trên thị trường: Một Ngân hàng đầu tư tập trung vào lĩnh vực năng lượng.

Nét riêng trong Văn hóa PSI

Sự cần mẫn kiên trì của người làm nghề dịch vụ tài chính

Sự năng động, nhạy bén của người làm ngành chứng khoán

Đoàn kết, hỗ trợ giữa các thành viên. Các giải pháp của PSI để xây dựng văn hóa doanh nghiệp

- Phát triển môi trường làm việc cởi mở, tạo điều kiện phát huy năng lực và mở ra cơ hội phát triển cho mỗi cá nhân
- Thúc đẩy hoạt động truyền thông nội bộ để làm cầu nối giữa tiếng nói của Ban lãnh đạo với lao động, giúp 2 bên thấu hiểu nhau, lan tỏa văn hóa doanh nghiệp và gắn kết các nhân sự, truyền tải tình yêu doanh nghiệp, tạo nên sức mạnh tập thể.

Tại PSI, con người là một trong 2 nền tảng và luôn được xem là tài sản trân quý nhất. Ban lãnh đạo quan điểm "công ty là ngôi nhà thứ 2", cần tạo dựng môi trường lành mạnh, công bằng, tạo động lực phấn đấu và phát huy khả năng của mỗi cá nhân, giúp họ yên tâm công tác và luôn mang trong mình niềm tự hào khi là thành viên của công ty.
Chính sách thu nhập tại PSI luôn tương xứng với những gì CBNV cống hiến và đời sống tinh thần luôn được đặc biệt quan tâm.

DỰ BÁO NĂM 2026 VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA PSI

50 TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2025

52 THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM TRONG NĂM 2025

54 TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2026

56 MỤC TIÊU HÀNH ĐỘNG 2026

03



TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2025

Tăng trưởng GDP 8,02%

GDP cả năm 2025 tăng trưởng 8,02% so với cùng kỳ, đạt mục tiêu Quốc hội nhờ sản xuất lấy lại đà tăng trưởng và bứt tốc trong những tháng cuối năm. Sức mua nội địa tăng đáng kể so với cùng kỳ và nhu cầu quốc tế hồi phục đối với hàng hoá xuất khẩu đã đóng góp tích cực vào tăng trưởng sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu.

Vốn FDI đăng ký +0,5%

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/12/2025 đạt 38,42 tỷ USD, tăng 0,5% so với năm trước. Đáng chú ý, số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện cả năm ước đạt 27,62 tỷ USD, tăng 9% so với cùng kỳ và xác lập mức cao nhất trong giai đoạn 2021-2025.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) 3,31%

Lạm phát 2025 chỉ tăng 3,31%, đảm bảo dưới mục tiêu của NHNN. Nhìn chung năm 2025, giá cả những nhóm hàng hoá chiếm tỷ trọng lớn trong rổ CPI tăng chậm trong khi các chi phí cho dịch vụ công có xu hướng tăng nhanh hơn. Lạm phát lõi gần như bằng lạm phát tổng thể, phản ánh tình trạng giá cả tăng mang tính chất lâu dài, tác động tiêu cực tới sức mua thực tế của người tiêu dùng.

Tín dụng 19,1%

Tăng trưởng tín dụng tính đến cuối năm 2025 đạt khoảng 19,1%. Mặt bằng lãi suất thấp trong suốt cả năm là động lực chính cho tăng trưởng tín dụng.

Huy động 11,53%

Huy động tiền gửi 9T2025 tăng 11,53% so với cuối năm 2024. Lãi suất huy động có xu hướng tăng từ Q3/2025 đã thu hút thêm tiền gửi vào hệ thống.

Xuất khẩu +17%

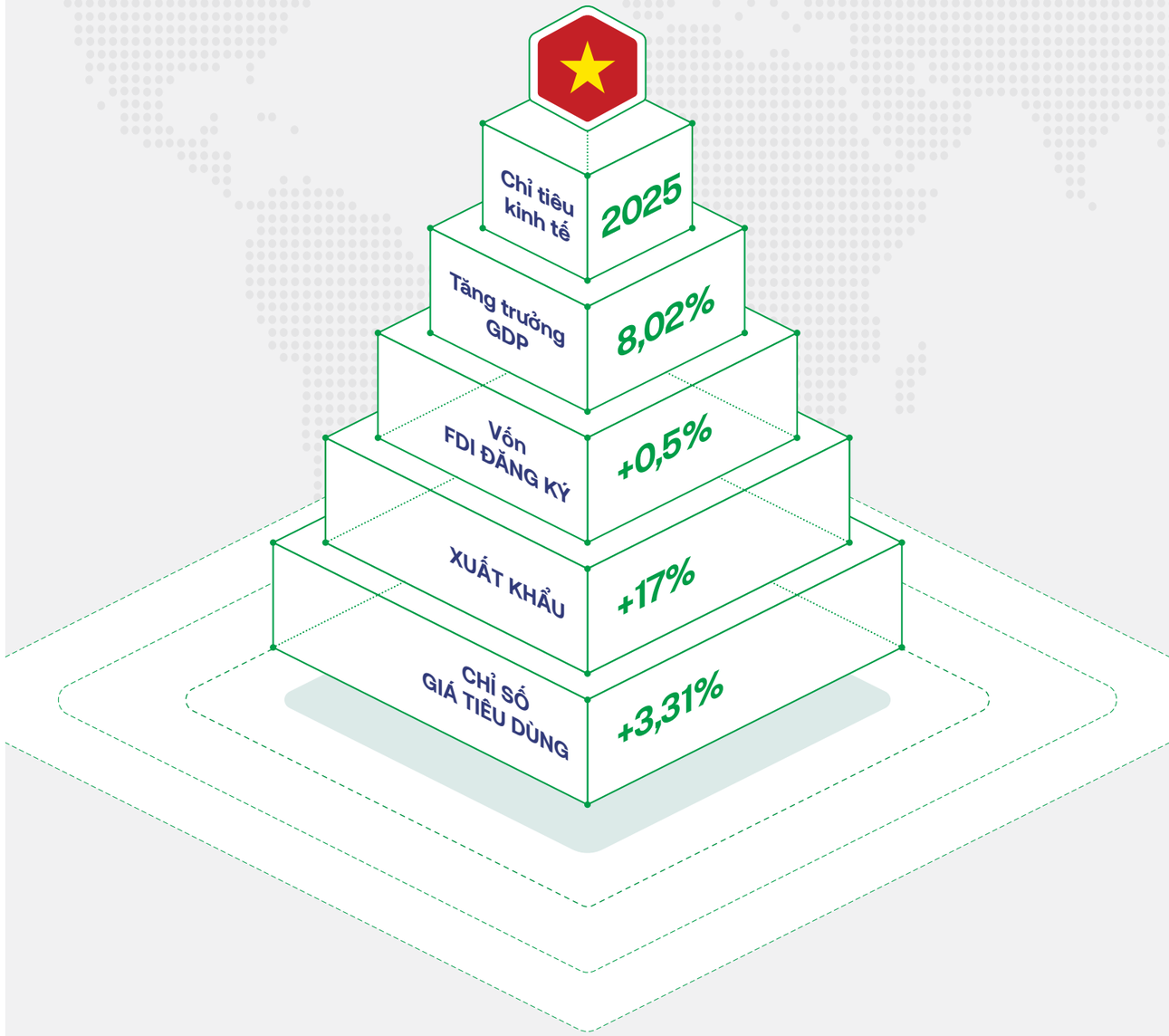
Hoạt động xuất khẩu hàng hoá năm 2025 tăng 17% so với cùng kỳ nhờ sự dẫn dắt của nhóm hàng điện tử của các doanh nghiệp FDI trong khi nhóm doanh nghiệp nội chứng kiến 8 tháng liên tiếp tăng trưởng âm. Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam bất chấp những rào cản thuế quan trong năm 2025.

Lãi suất tiền gửi

3M: 3,9% - 6M: 5,1% - 12M: 5,5%
Mặt bằng lãi suất huy động bắt đầu tăng nhẹ. Áp lực thanh khoản và chênh lệch huy động-cho vay lớn đã khiến các Ngân hàng thương mại phải tăng lãi suất để thu hút thêm tiền gửi. Lãi suất huy động tăng chủ yếu ở các kỳ hạn ngắn 3M và 6M và ở hầu hết tất cả các NHTM.

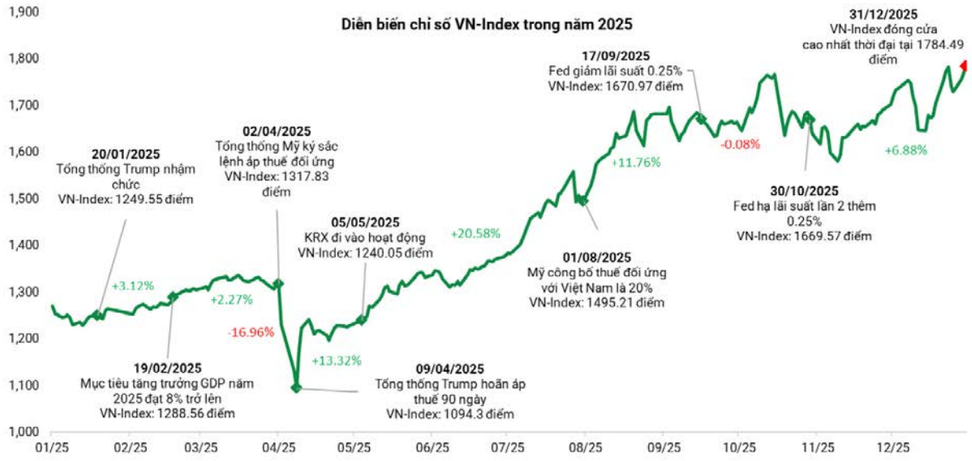
Nhập khẩu +19,4%

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá 2025 của Việt Nam tăng 19,4%, tương ứng giá trị nhập khẩu hơn 455 tỷ USD. Nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu và chủ yếu tăng nhập tư liệu sản xuất cho thấy triển vọng tích cực của hoạt động sản xuất nhất là trong giai đoạn Q4/2025 và những tháng đầu năm 2026 khi nhu cầu quốc tế bắt đầu phục hồi và các đơn hàng mới quay trở lại.

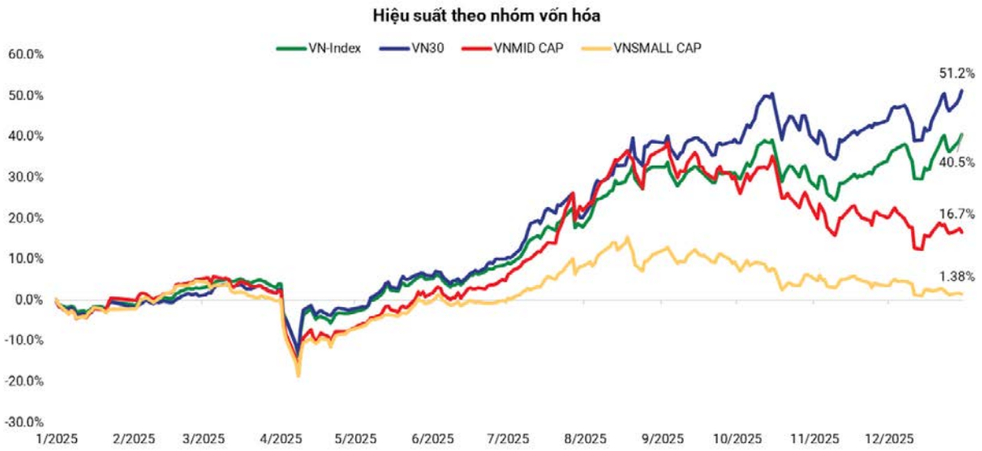


THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM TRONG NĂM 2025

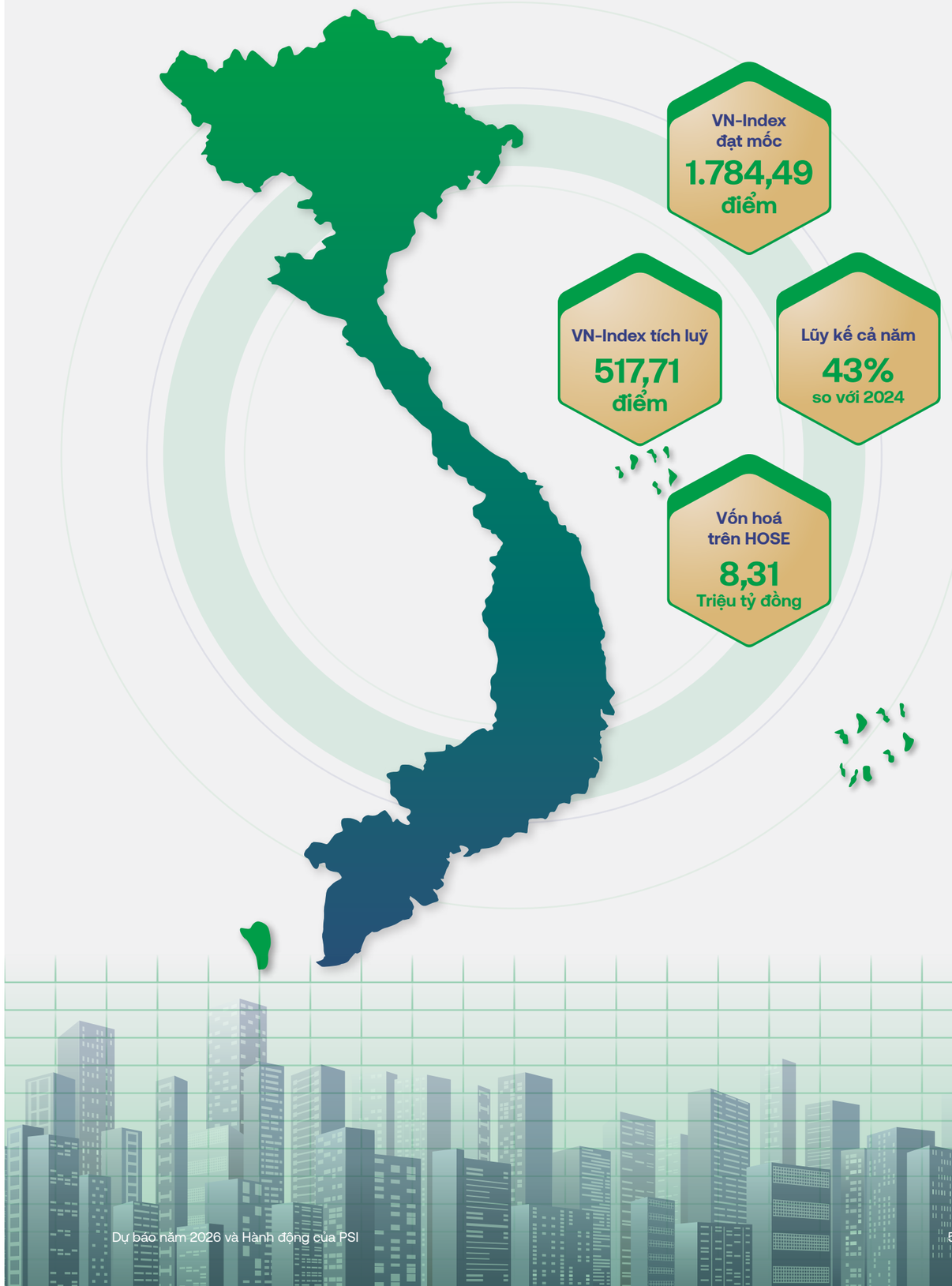
Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 ghi dấu sự chuyển đổi trạng thái rõ nét – từ phục hồi thận trọng sau khủng hoảng sang những bước đi đầu tiên của một chu kỳ tăng trưởng mới. Thị trường chứng khoán Việt Nam kết thúc phiên giao dịch ngày 31/12 đóng cửa tại mốc 1.784,49 điểm, chính thức vượt đỉnh mọi thời đại (tính theo giá đóng cửa). 2025 có thể xem là năm tích cực nhất trong lịch sử chứng khoán Việt Nam khi VN-Index tích lũy tổng cộng 517,71 điểm, tương ứng tăng 40,87%. Đây là năm thứ ba liên tiếp chỉ số cải thiện, đồng thời ghi nhận mức tăng tốt nhất trong 8 năm qua kể từ năm 2017.



Lũy kế cả năm 2025, giá trị giao dịch trung bình khớp lệnh phiên toàn thị trường đạt hơn 26.000 tỷ đồng/phiên, tăng gần 43% so với năm 2024. Dòng tiền tập trung mạnh vào nhóm vốn hóa lớn VN30, chiếm tới 50,3% giá trị giao dịch trong cả năm 2025. VN30 trở thành động lực tăng trưởng chính của thị trường, trong khi mid-cap tăng khiêm tốn và small - cap gần như đi ngang do không thu hút được dòng tiền.



Tính đến hết ngày 31/12/2025, HOSE có 681 mã chứng khoán đang niêm yết và giao dịch. Giá trị vốn hóa cổ phiếu trên HOSE đạt hơn 8,31 triệu tỷ đồng, tương đương 72,18% GDP năm 2024, chiếm hơn 95,10% tổng giá trị vốn hóa cổ phiếu niêm yết toàn thị trường.



TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2026

Triển vọng kinh tế

Quốc hội đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 đạt 10%. Các động lực chính để kinh tế Việt Nam có thể đạt được mục tiêu trên là:

Tiếp tục mở rộng tài khoá, đặc biệt là đầu tư công vào các dự án hạ tầng trọng điểm. Các chính sách mới về thuế đối với các doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh bắt đầu áp dụng từ 01/7/2025 đã góp phần đáng kể giúp Nhà nước thu Ngân sách hiệu quả hơn. Chúng tôi cho rằng hiệu ứng tích cực này sẽ tiếp tục trong năm 2026, làm tăng đáng kể nguồn thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp. Ngân sách dồi dào củng cố sức khoẻ tài khoá của Việt Nam, giúp tăng dư địa chi tiêu công và hạn chế việc Chính phủ phải tăng vay nợ để tài trợ cho nhu cầu chi tiêu đầu tư phát triển. Dự toán chi tiêu Ngân sách Nhà nước 2026 tăng thêm 9,3% so với 2025, trong đó 36% là chi tiêu cho đầu tư phát triển, tương đương với 1,12 triệu tỷ đồng.

Duy trì chính sách tiền tệ mở rộng, hỗ trợ cả cung và cầu cho nền kinh tế. Ngân hàng vẫn là kênh dẫn vốn quan trọng nhất của nền kinh tế Việt Nam, vì vậy, để đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế, chúng tôi dự báo tăng trưởng tín dụng năm 2026 đạt khoảng 18%, tương đương với khoảng 2,9 triệu tỷ đồng vốn tăng thêm cho nền kinh tế.

Xuất khẩu tăng trưởng nhờ động lực từ nhóm doanh nghiệp FDI. Chúng tôi ước tính xuất khẩu sẽ tiếp tục tăng trưởng khoảng 17% trong năm 2026 với động lực chính vẫn đến từ nhóm doanh nghiệp FDI cùng các sản phẩm điện thoại, máy ảnh, thiết bị điện tử và linh kiện với lợi thế về mức thuế tổng hợp trong khi các doanh nghiệp nội sản xuất hàng dệt may, da giày, thuỷ sản và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp khác có thể phải đối mặt với cạnh tranh cao hơn. Dù vậy, chúng tôi kỳ vọng nhóm doanh nghiệp nội địa có thể chứng kiến giá trị xuất khẩu tăng trưởng dương trong năm tới từ mức nền thấp của 2025.

Về lạm phát

Chúng tôi cho rằng lạm phát đang bắt đầu được cảm nhận rõ rệt dần lên và áp lực sẽ tăng đáng kể trong năm 2026 dưới tác động của:

Cung tiền năm 2025 tăng tăng mạnh nhất trong 10 năm trở lại đây và lạm phát thường tăng nhanh sau 12-18 tháng cung tiền tăng mạnh;
Nhu cầu tiêu dùng nội địa tốt hơn đáng kể so với cùng kỳ sẽ tạo áp lực từ cầu kéo;
Đồng nội tệ suy yếu làm tăng giá nhập khẩu, tạo áp lực từ chi phí đẩy.

Xu thế lãi suất

Chúng tôi cho rằng các NHTM sẽ phải tăng lãi suất huy động và phát hành lượng lớn trái phiếu để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng tín dụng và đáp ứng chỉ số an toàn vốn. Mặt bằng lãi suất tới cuối năm 2026 được chúng tôi dự báo là sẽ tăng nhẹ và làm tăng chi phí vốn huy động của các Ngân hàng thương mại, đặc biệt là ở nhóm Ngân hàng thương mại nhỏ với thị phần khiêm tốn. Tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước có thể sẽ tiếp tục bơm tiền để hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống và tránh tình trạng chi phí vốn của các Ngân hàng thương mại tăng quá nhanh.

Triển vọng Thị trường Chứng khoán Việt Nam năm 2026

Thị trường chứng khoán Việt Nam bước vào năm 2026 với nền tảng vững chắc và nhiều động lực mạnh mẽ cho giai đoạn mở rộng tiếp theo. Sau hai năm phục hồi ổn định, thị trường đang dần chuyển sang một chu kỳ tăng trưởng bền vững hơn, nhờ nền tảng vĩ mô vững vàng, định giá còn hấp dẫn và tiến trình cải cách toàn diện của nền kinh tế. Nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục nằm trong nhóm tăng trưởng nhanh nhất châu Á, khi Chính phủ đặt mục tiêu tăng GDP bình quân năm ở mức hai con số đến năm 2030 theo chiến lược phát triển mới.

Mặc dù đã ghi nhận mức tăng giá mạnh trong năm 2025, định giá thị trường vẫn còn hấp dẫn. VN-Index hiện đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 2026 là 13,8 lần, thấp hơn mức trung bình 5 năm (16,6x lần). So với các thị trường trong khu vực, Việt Nam vẫn nổi bật nhờ sự kết hợp hài hòa giữa tốc độ tăng trưởng cao và mức định giá hợp lý, cho thấy thị trường vẫn đang ở giai đoạn đầu của chu kỳ tăng mới.

Trong bối cảnh định giá hấp dẫn, lợi nhuận doanh nghiệp cải thiện và dòng vốn ngoại dần quay trở lại, chúng tôi cho rằng thị trường vẫn còn dư địa để được định giá lại ở mức cao hơn. Trong báo cáo chiến lược năm 2026 chúng tôi kì vọng mục tiêu cho VN-Index ở mức 1.800 điểm trong năm 2026 trong kịch bản cơ sở, với kịch bản tích cực khi dòng tiền khối ngoại quay trở lại mạnh mẽ chỉ số có thể hướng tới vùng đỉnh lịch sử cao hơn tại 1.900 điểm.



MỤC TIÊU HÀNH ĐỘNG 2026

BUSINESS – BENEFIT



ĐỔI MỚI TỪ CỐT LÕI - QUẢN TRỊ BIẾN ĐỘNG
BỔ SUNG ĐỘNG LỰC MỚI - LÀM MỚI ĐỘNG LỰC CŨ
PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH VƯỢT TRỘI

Dấu ấn Hoạt động kinh doanh: Bứt phá thành công

- **Doanh thu:** tăng trưởng tối thiểu **20%**
- **Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập:** tăng trưởng tối thiểu **20%**
- **Quy mô tổng tài sản** tăng trưởng tối thiểu **20%**
- **Vốn chủ sở hữu** đạt **800 tỷ** đồng
- **Đẩy mạnh dịch vụ đầu tư và nguồn vốn:** đạt **40%** tổng doanh thu toàn công ty
- **Tỷ lệ tăng trưởng tài khoản** active tối thiểu **30%** so với năm 2025

Dấu ấn Hạ tầng: Phát triển sức mạnh nền tảng

- **Nâng cấp, đầu tư mới và đưa vào hoạt động** hệ thống Core giao dịch chứng khoán
- **Phát triển hạ tầng công nghệ** từ hướng làm chủ từng phần tới đa dạng hóa các đối tác công nghệ
- **Hoàn thiện cải tạo** trụ sở làm việc, đưa nhận diện thương hiệu mới vào vận hành

Dấu ấn Chiến lược: 20 năm PSI

- **Công bố chiến lược kinh doanh** đến **2030** và **tầm nhìn** đến **2035**
- **Quản trị hệ thống, quản trị hiệu quả** gia tăng năng suất
- **Phát triển ứng dụng sản phẩm PS-AI** bổ sung giá trị gia tăng cho Khách hàng
- **Xây dựng chính sách** cho các nhân sự core team, xây dựng đội ngũ nhân sự gắn kết đồng hành và phát triển PSI
- **Triển khai chính sách tiền lương** cạnh tranh, nâng cao năng suất lao động

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

60 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

74 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

84 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

88 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO CỦA CÔNG TY

94 THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

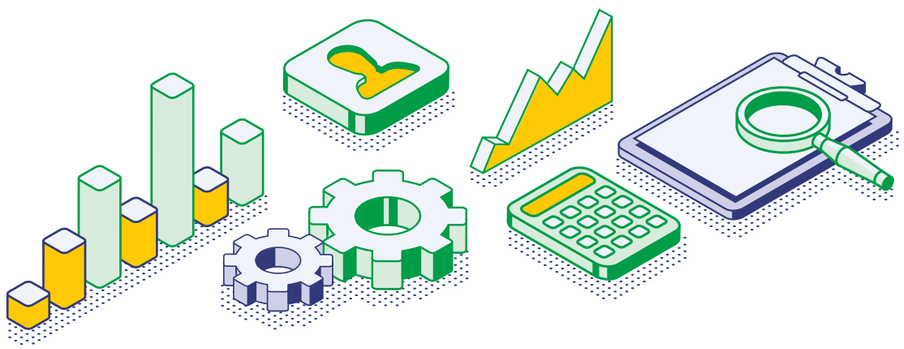
04



BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị năm 2025

STT	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ	Ngày bắt đầu /không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự cuộc họp
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	CT. HĐQT	Bắt đầu: 26/04/2017	04/04	100%
2	Bà Hồ Việt Hà	UV. HĐQT	Bắt đầu: 15/01/2020	04/04	100%
3	Ông Trịnh Thế Phương	UV. HĐQT	Bắt đầu: 26/04/2017	04/04	100%
4	Ông Trần Tuấn Anh	UV. HĐQT	Bắt đầu: 28/04/2022	04/04	100%
5	Bà Phan Quỳnh Nga	UV. HĐQT	Bắt đầu 26/04/2023	04/04	100%



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động Công ty

Đánh giá chung

Thuận lợi

- Sự điều hành quyết liệt, hiệu quả của Đảng và Chính phủ; Sự phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ có hiệu quả các Bộ, ngành và sự đồng lòng của các doanh nghiệp và các nhà đầu tư, thị trường chứng khoán năm 2025 vẫn duy trì sự ổn định, an toàn và tiếp tục thể hiện được vai trò là kênh dẫn vốn trung, dài hạn cho nền kinh tế, thu hút sự tham gia tích cực của nhà đầu tư trong và ngoài nước. Theo đó, thị trường chứng khoán năm 2025 vẫn được đánh giá là thị trường có tăng trưởng tích cực so với các nước trong khu vực và trên thế giới.
- PSI tiếp tục nhận được sự ủng hộ từ Tập đoàn Petrovietnam và Ngân hàng PVcomBank để mở rộng thị phần và phát triển công nghệ thông tin.

Khó khăn

Năm 2025, kinh tế Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong và ngoài nước như: căng thẳng địa chính trị gia tăng ở nhiều khu vực trên thế giới, dòng chảy thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu bị ngưng trệ; tăng trưởng kinh tế thấp, nhu cầu tiêu dùng giảm; thanh khoản gần như đóng băng trên Thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản...

Kết quả hoạt động 2025

Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu năm 2025 đạt 478,94 tỷ đồng, hoàn thành 125% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập năm 2025 đạt 60,94 tỷ đồng, hoàn thành 152% kế hoạch.
- Chỉ tiêu an toàn tài chính tại ngày 31/12/2025 đạt là 214,88% (trên mức tối thiểu 180%) theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng doanh thu đạt

478,94 tỷ đồng

138% so với năm 2024

Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập đạt

60,94 tỷ đồng

152% so với kế hoạch đề ra

Hoạt động quản trị

Nhận định thách thức cùng thời cơ thị trường, Hội đồng quản trị đã có những chỉ đạo quyết liệt; trực tiếp tham gia hỗ trợ các phương án kinh doanh; thống nhất ban hành 100 Nghị quyết/Quyết định với các định hướng, chính sách quan trọng để nâng cao năng lực quản trị, năng lực kinh doanh của Công ty:

Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển đến 2025 được Đại hội đồng cổ đông thông qua; theo đó, PSI hoạt động theo mô hình Ngân hàng đầu tư tập trung vào 3 trụ cột và 2 nền tảng, cụ thể:

03 TRỤ CỘT

02 NỀN TẢNG

Ba trụ cột:

- Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) với vị thế là đầu tàu kinh tế với **hơn 30 Công ty thành viên** hoạt động trên nhiều lĩnh vực và **40.000 Cán bộ nhân viên**. Tăng trưởng bình quân hàng năm **20%** và đóng góp vào GDP trên **10%/năm.**
- Ngân hàng mẹ PVcomBank, PSI có sự hỗ trợ về vốn để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh nguồn và trái phiếu. Đồng thời, bán chéo dịch vụ trên tập khách hàng và **130 Phòng Giao dịch, Chi nhánh** trên cả nước của PVcomBank.
- Đối tác nước ngoài, nắm bắt cơ hội từ làn sóng Nhà đầu tư ngoại dự kiến sẽ tăng trưởng mạnh mẽ trong thời gian tới.

Hai nền tảng:

- Con người
- Công nghệ

Một số kết quả cụ thể:

Tổng tài sản năm 2025 đạt

3.143 tỷ đồng

121% so với năm 2024

- **Về quy mô Tổng tài sản và Tỷ lệ an toàn tài chính**
  Quy mô tổng tài sản năm 2025 đạt 3.143 tỷ đồng, tăng trưởng 21% so với năm 2024;
  Tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2025 đạt 214,88% (cao hơn tỷ lệ quy định tối thiểu 180% của UBCKNN).
- **Sản phẩm dịch vụ**
  Vận hành giải pháp kết nối các kênh giao dịch với Ngân hàng; Tiếp tục từng bước mở rộng tệp khách hàng; Thường xuyên nghiên cứu và phát triển chính sách sản phẩm đa dạng, cạnh tranh với thị trường.
- **Quản trị rủi ro**
  Xây dựng chính sách rủi ro, bảng chỉ tiêu hệ số rủi ro 2025.
- **Công nghệ số**
  Phối hợp PVcomBank triển khai mở tài khoản liên kết sử dụng công nghệ eKYC trên nền tảng PVcomBank tạo tiền đề gia tăng tệp khách hàng; nâng cấp hạ tầng công nghệ, chuyển đổi theo xu hướng mới đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh.
- **Năng lực đội ngũ**
  Xây dựng kế hoạch và thực hiện các khóa đào tạo đội ngũ kế cận, xây dựng kế hoạch chính sách đãi ngộ, cơ chế tiền lương tạo môi trường làm việc cạnh tranh với thị trường.

Nhằm đảm bảo tổ chức tốt công tác điều hành hoạt động kinh doanh của công ty theo các quyết định, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Hội đồng Quản trị thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Điều hành và các bộ phận khác thông qua cơ chế phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng nhằm đánh giá hiệu quả làm việc của Ban Điều hành đảm bảo hoạt động của Công ty được minh bạch, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.



Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Ban Điều hành như sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị đã ban hành, kiểm tra hoạt động điều hành của Ban giám đốc trong các hoạt động kinh doanh.
- Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo minh bạch, kịp thời theo đúng quy định;
- Hội đồng quản trị xem xét đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Điều hành và báo cáo quý gửi Hội đồng quản trị.
- Xem xét các báo cáo, đề xuất từ các tiểu ban giúp việc để giám sát tính tuân thủ và định hướng các hoạt động của Ban Điều hành.

Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị

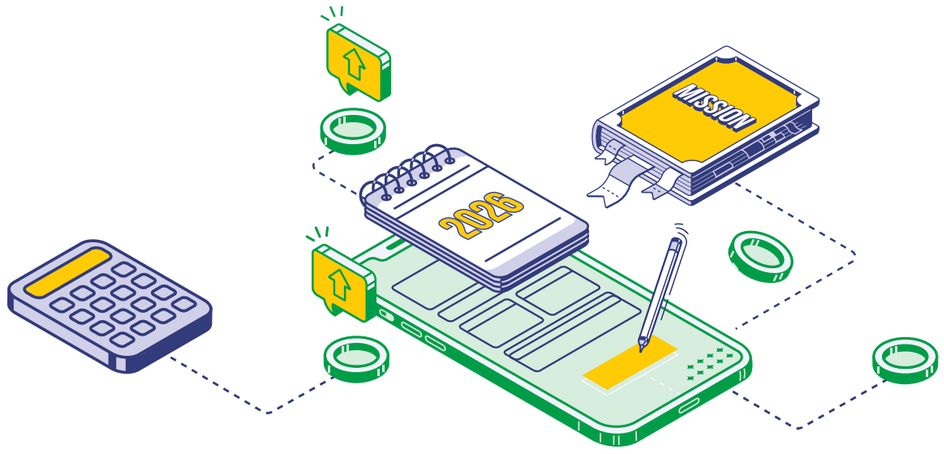
Quốc hội Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 ở mức cao, phấn đấu đạt từ 10% trở lên. Đây là chỉ tiêu đột phá nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội. Để đạt mục tiêu này, Chính phủ tập trung vào các công tác: ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đẩy mạnh đột phá thể chế, phát triển hạ tầng chiến lược, chuyển đổi số - xanh và cắt giảm thủ tục hành chính.

Trong đó, có nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về việc thực hiện quyết liệt các giải pháp phát triển thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu doanh nghiệp ổn định, an toàn, lành mạnh, trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn hiệu quả phục vụ tăng trưởng hai con số.

Năm 2026, mặt bằng lãi suất được dự báo sẽ tăng nhẹ từ vùng đáy nhưng vẫn duy trì ở mức hợp lý để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, với mức tăng 50-70 điểm cơ bản. Tín dụng dự kiến tăng trưởng mạnh (15%-18%) nhờ nhu cầu vốn cao, tín dụng giảm tỷ trọng cho vay bất động sản, đồng thời tín dụng được tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, bán lẻ, và tiêu dùng để phục vụ mục tiêu tăng trưởng GDP.

Tăng trưởng tín dụng cao và việc Chính phủ đặt ra các nhiệm vụ giải pháp phát triển thị trường chứng khoán được PSI đánh giá là cơ hội tốt cho thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, rủi ro từ bối cảnh vĩ mô thế giới như chiến tranh thương mại, biến động địa chính trị tiếp tục là những nhân tố tác động tiêu cực tới dự triển vọng của thị trường chứng khoán.

Trên cơ sở đánh giá thời cơ, cơ hội cũng như các thách thức trong năm 2026, Hội đồng quản trị đã có chỉ đạo định hướng thông qua các nhiệm vụ trọng tâm theo từng mảng hoạt động và lĩnh vực cụ thể tại Kế hoạch trình ĐHCĐ thông qua.



Định hướng quản trị 2026

Trong năm 2026, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục chỉ đạo thực hiện các định hướng như sau:

1. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển đến 2030 đã được ĐHCĐ thông qua, trong đó chú trọng vào 03 Trụ cột là Petrovietnam, PVcomBank, tổ hợp các đối tác nước ngoài; 02 nền tảng là Con người, Công nghệ và 01 Mục tiêu trở thành Công ty Chứng khoán theo mô hình Ngân hàng Đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp năng lượng.
2. Hỗ trợ định hướng các giải pháp, mạng lưới khách hàng, kết nối các cơ hội hợp tác để hoàn thành và phấn đấu vượt kế hoạch kinh doanh năm 2026 được ĐHĐCĐ giao.
3. Chỉ đạo hoàn thiện chính sách tiền lương, đảm bảo phát triển ổn định về chất lượng và số lượng nguồn nhân lực.
4. Mở rộng mạng lưới và thị phần thông qua đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số theo tinh thần chủ động, đi trước đón đầu.
5. Quan tâm công tác đào tạo nhằm nâng cao năng suất lao động, khơi dậy tinh thần sáng tạo, đổi mới.
6. Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống quản trị rủi ro, chủ động kiểm soát các biến động.
7. Tăng cường kỷ cương kỷ luật hành chính, văn hóa làm việc nơi công sở. Xây dựng tinh thần kinh doanh năng động, nhiệt huyết, Môi trường làm việc thân thiện, công bằng.

Quản trị công ty

Thành viên Hội đồng Quản trị
Đến ngày 31/12/2025, Hội đồng quản trị Công ty bao gồm:

STT	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ	Nhiệm kỳ
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	2022 - 2027
2	Bà Hồ Việt HàW	UV. HĐQT	2022 - 2027
3	Ông Trịnh Thế Phương	UV. HĐQT	2022 - 2027
4	Bà Phan Quỳnh Nga	UV. HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	2022 - 2027
5	Ông Trần Tuấn Anh	UV. HĐQT Độc Lập	2022 - 2027

Hoạt động của các thành viên hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn
Chủ tịch HĐQT

- Với tư cách Chủ tịch HĐQT, Ông Nguyễn Anh Tuấn đã triệu tập, chủ trì và chỉ đạo các phiên họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung lấy ý kiến HĐQT trong năm 2025.
- Giám sát, chỉ đạo và hỗ trợ hoạt động của Ban Điều hành và các đơn vị kinh doanh.
- Trực tiếp chủ trì các cuộc họp của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính, Hội đồng đầu tư, Hội đồng thi đua khen thưởng... trực tiếp chỉ đạo triển khai chiến lược phát triển của PSI; chiến lược phát triển công nghệ thông tin...
- Hỗ trợ mở rộng quan hệ khách hàng, làm việc với các Cơ quan quản lý cấp trên và kết nối các cơ hội kinh doanh.

Bà Hồ Việt Hà
Thành viên HĐQT

- Với tư cách thành viên HĐQT, Bà Hồ Việt Hà đã tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị, tham mưu và cho ý kiến biểu quyết các nội dung xin ý kiến Hội đồng Quản trị; tham mưu và cho ý kiến các phương án kinh doanh, các vấn đề về quản trị doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động của PSI.
- Hỗ trợ thúc đẩy sản phẩm bán chéo với Ngân hàng mẹ - PVcomBank.
- Cho ý kiến xây dựng, sửa đổi bổ sung các Quy chế, Quy định trong quản trị nội bộ Công ty.

Ông Trịnh Thế Phương
Thành viên HĐQT

- Với tư cách thành viên HĐQT, Ông Trịnh Thế Phương đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tham mưu và cho ý kiến biểu quyết các nội dung xin ý kiến HĐQT; Tham mưu về pháp lý, phổ biến các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Hỗ trợ thúc đẩy sản phẩm bán chéo với Ngân hàng mẹ - PVcomBank.
- Cho ý kiến xây dựng, sửa đổi bổ sung các Quy chế, Quy định trong quản trị nội bộ Công ty.

Bà Phan Quỳnh Nga
Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

- Với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Bà Phan Quỳnh Nga đã tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị, tham mưu và cho ý kiến biểu quyết các nội dung xin ý kiến Hội đồng Quản trị. Với vai trò Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty, Bà Phan Quỳnh Nga thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn vai trò Giám đốc, được quy định tại Điều lệ Công ty.
- Tổ chức thực hiện Nghị Quyết, Quyết định HĐQT, trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động chung của Công ty; Hoạt động kinh doanh hàng ngày; Công tác tài chính kế toán; Công tác kế hoạch; Công tác cán bộ trong phạm vi được ủy quyền; Thường trực tại Hội sở chính, xử lý kịp thời các công việc đảm bảo hoạt động của Công ty được liên tục, thông suốt.
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.

Ông Trần Tuấn Anh
Thành viên HĐQT độc lập

- Hỗ trợ PSI các mối quan hệ với các Đơn vị trong và ngoài ngành để thúc đẩy hoạt động kinh doanh, tham mưu cho HĐQT trong việc đánh giá năng lực hoạt động của Ban Điều hành, đưa ra các mức thù lao đối với các thành viên Ban điều hành và thành viên HĐQT
- Rà soát báo cáo tài chính và thực hiện ngăn ngừa, giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông hoặc cán bộ quản lý Công ty.
- Hỗ trợ thúc đẩy các quan hệ hợp tác trong và ngoài nước.

Hoạt động của các tiểu ban

Phòng kiểm toán nội bộ

- Là đơn vị độc lập, trực thuộc Hội đồng quản trị.
- Thực hiện kiểm tra, đánh giá tính đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ và quy trình quản trị rủi ro của Công ty.
- Đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hệ thống chính sách, quy chế, quy định và quy trình của PSI.
- Xây dựng và trình phê duyệt Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025 theo định hướng quản trị rủi ro.
- Triển khai các cuộc kiểm toán nội bộ định kỳ và đột xuất đối với các lĩnh vực: tài chính – kế toán, nghiệp vụ kinh doanh, quản trị nội bộ và tuân thủ pháp luật.
- Lập báo cáo kiểm toán, theo dõi và đôn đốc thực hiện kiến nghị kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán.
- Tham gia rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung quy chế, quy trình nội bộ; phối hợp với Ban Kiểm soát, Kiểm toán độc lập và các đơn vị liên quan.
- Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất về hoạt động kiểm toán nội bộ cho Hội đồng quản trị theo quy định.

Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính

- Đánh giá tính phù hợp của hệ thống lãi suất, cơ chế cấp vốn và hệ thống các chính sách khác áp dụng cho hoạt động dịch vụ tài chính của PSI và quyết định điều chỉnh cho phù hợp với thực tế;
- Ban hành danh mục chứng khoán cho vay tiền giao dịch ký quỹ trên cơ sở danh mục cho phép của Sở giao dịch chứng khoán và các tỷ lệ cho vay ký quỹ đảm bảo an toàn, hiệu quả và kiểm soát được rủi ro, bảo toàn vốn và thu được khoản lợi nhuận tương ứng với số tiền sử dụng cho dịch vụ này;
- Quyết định biện pháp xử lý kịp thời khi thị trường có biến động lớn để đảm bảo hạn chế rủi ro cũng như tổn thất cho PSI.

Hội đồng đầu tư

- Thẩm định, phê duyệt phương án đầu tư có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của PSI tại Báo cáo tài chính gần nhất;
- Quyết định việc chuyển về tự doanh các khoản đầu tư PSI thực hiện theo nghĩa vụ của hợp đồng bảo lãnh phát hành hoặc các hợp đồng khác của PSI;
- Đánh giá các khoản mục đã thực hiện đầu tư và đưa ra phương án giải quyết.

Cơ cấu sở hữu của các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ	Ghi chú
Ông Nguyễn Anh Tuấn	CT.HĐQT	14.140.499	23,63%	Đại diện cho phần vốn của PVcomBank
Bà Hồ Việt Hà	UV. HĐQT	8.443.607	14,11%	Đại diện cho phần vốn của PVcomBank
Ông Trịnh Thế Phương	UV. HĐQT	8.038.568	13,43%	Đại diện cho phần vốn của PVcomBank
Bà Phan Quỳnh Nga	UV. HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	-	-	-
Ông Trần Tuấn Anh	UV. HĐQT	-	-	-

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

ĐVT: Đồng

STT	Chức danh	Số thành viên	Mức thù lao/ người/tháng (VND)	Quỹ thù lao kế hoạch (VND)
I	**Người đại diện PVcomBank**			**1.242.000.000**
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	72.500.000	870.000.000
2	UV HĐQT kiêm nhiệm	2	9.000.000	216.000.000
3	Trưởng BKS kiêm nhiệm	1	8.000.000	96.000.000
4	TV BKS kiêm nhiệm	1	5.000.000	60.000.000
II	**Thành viên khác**			**276.000.000**
1	UV HĐQT kiêm nhiệm	2	9.000.000	216.000.000
2	TV BKS kiêm nhiệm	1	5.000.000	60.000.000
Tổng cộng				1.518.000.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ
Không có

Các giao dịch khác
Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Ngày cấp Giấy NSH	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	CTCP Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCB Capital)	NLQ của PSI	0102574966	14/12/2007	28/02/2025	NQ số 01/NQ-HĐQT-CKDK ngày 13/01/2025	630.136.987
2	CTCP Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCB Capital)	NLQ của PSI	0102574966	14/12/2007	14/03/2025	NQ số 01/NQ-HĐQT-CKDK ngày 13/01/2025	1.642.808.219
3	CTCP Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCB Capital)	NLQ của PSI	0102574966	14/12/2007	29/05/2025	NQ số 01/NQ-HĐQT-CKDK ngày 13/01/2025	20.616.438.356
4	CTCP Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCB Capital)	NLQ của PSI	0102574966	14/12/2007	13/06/2025	NQ số 01/NQ-HĐQT-CKDK ngày 13/01/2025	2.363.013.699
5	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	NLQ của PSI	0101057919	01/10/2013	26/06/2025	NQ số 15/NQ-HĐQT-CKDK ngày 25/06/2025	330.000.000
6	Trịnh Thế Phương	Thành viên HĐQT	038077005775	06/03/2018	25/08/2025	NQ số 20/NQ-HĐQT-CKDK ngày 21/08/2025	7.162.476.869
7	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	NLQ của PSI	0102276173	31/05/2007	17/10/2025	21/NQ-HĐQT-CKDK ngày 25/09/2025	410.000.000

Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát
Không có giao dịch

Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)
Có phát sinh giao dịch.

Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành
Không có giao dịch

Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành
Không có giao dịch.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ
Không có giao dịch.

Việc thực hiện các quy định về Quản trị công ty
Đã thực hiện theo quy định Pháp luật và các quy định nội bộ của PSI.
Trên cơ sở tuân thủ Luật Chứng khoán 2019, Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Công ty đã thực hiện các quy định về quản trị Công ty, cụ thể như sau:

Công ty đã xây dựng Quy chế quản trị ▶

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động của Hội đồng quản trị được triển khai theo đúng quy định ▶

Tổ chức họp Hội đồng Quản trị theo định kỳ tối thiểu 01 lần /Quý; Thực hiện xin ý kiến Hội đồng Quản trị đối với các vấn đề trong phạm vi thẩm quyền bằng nhiều hình thức (lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tổ chức họp lấy ý kiến); đảm bảo đủ tỷ lệ thành viên Hội đồng Quản trị tham gia dự họp và đảm bảo đủ các tỷ lệ thông qua các Quyết định và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị; thực hiện soạn thảo và ban hành các Biên bản và Nghị quyết Hội đồng Quản trị theo đúng thể thức và đúng thời hạn theo quy định Pháp luật và quy định nội bộ; thực hiện công bố thông tin đúng hạn và kịp thời đối với các nội dung cần công bố theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin.

Xây dựng hoàn thiện hệ thống phân quyền, ủy quyền ▶

Trên cơ sở các quy định Pháp luật, Công ty đã hoàn thiện việc xây dựng hệ thống phân quyền, ủy quyền rõ ràng, phù hợp và minh bạch nhằm đảm bảo các thẩm quyền ký kết của Hội đồng Quản trị /Chủ tịch Hội đồng Quản trị, đảm bảo thẩm quyền hoạt động và ký kết của các Giám đốc / Phó Giám đốc phụ trách các mảng dịch vụ chứng khoán, tư vấn và vận hành. Ngoài ra, để đảm bảo các hoạt động trong từng thời kỳ phát triển cụ thể của Công ty, các văn bản này cũng được chỉnh lý và bổ sung cần thiết, phân công lại các hoạt động trong Ban Giám đốc và thay đổi các ủy quyền cần thiết.

Ban hành các Nghị quyết quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty: ▶

Quyết định việc cử các đại diện vốn góp của Công ty tham gia vào quản trị và kiểm soát tại các công ty thành viên và các công ty có vốn góp; đưa ra các yêu cầu và các quyết định liên quan đến đầu tư tài chính, thoái vốn các khoản đầu tư OTC và các quyết định trích lập dự phòng nhằm cân đối tài chính của Công ty; quyết định các chính sách liên quan đến việc miễn lãi cho khách hàng, giải quyết các khoản đầu tư tồn đọng của các khách hàng từ các giai đoạn trước, lành mạnh hóa tình hình tài chính của Công ty và các nội dung khác.



BÁO CÁO
CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH/KH
I	**Tổng doanh thu**	**382,87**	**478,94**	**125%**
1	**Hoạt động Dịch vụ chứng khoán**	**214,30**	**293,53**	**137%**
1.1	Môi giới chứng khoán	55,00	87,82	160%
1.2	Lưu ký chứng khoán	7,00	7,93	113%
1.3	Dịch vụ tài chính	145,60	192,03	132%
1.4	Doanh thu khác	6,70	5,75	86%
2	**Hoạt động đầu tư, nguồn vốn**	**153,07**	**176,45**	**115%**
3	**Hoạt động Tư vấn - Phân tích**	**15,50**	**8,96**	**58%**
II	**Tổng chi phí**	**342,86**	**418,00**	**122%**
III	**LNTT, TTL**	**40,01**	**60,94**	**152%**

Đánh giá chung

Chất lượng và tốc độ tăng trưởng

- Trong năm 2025, chất lượng và tốc độ tăng trưởng hoạt động kinh doanh ổn định và đạt mục tiêu tăng trưởng theo chiến lược Công ty. Theo đó, Công ty đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch lợi nhuận năm 2025. Tổng doanh thu năm 2025 đạt 478,94 tỷ đồng hoàn thành 125% kế hoạch năm đề ra, lợi nhuận trước thuế, trước trích lập đạt 60,94 tỷ đồng hoàn thành 152% kế hoạch năm 2025.
- Quy mô tổng tài sản tại 31/12/2025 đạt 3.143 tỷ đồng, tăng trưởng quy mô 21% so với tổng tài sản tại 31/12/2024 và bám sát mục tiêu kế hoạch tăng trưởng bình quân hàng năm 20%.
- Tỷ lệ An toàn tài chính đạt 214,88% mức ổn định, an toàn vốn (so với mức quy định là 180%).

Cơ cấu tăng trưởng

- Bên cạnh đẩy mạnh quy mô hoạt động cốt lõi là Dịch vụ chứng khoán, Công ty đã phát huy thế mạnh của hoạt động nguồn vốn, thay đổi chất lượng hoạt động trong cơ cấu doanh thu bao gồm: lĩnh vực dịch vụ chứng khoán; nguồn vốn - đầu tư; tư vấn - phân tích, giúp hoạt động kinh doanh có được sự tăng trưởng ổn định và bền vững.
- Với mục tiêu năm 2025 phát triển đồng đều tỷ trọng doanh thu/lợi nhuận giữa các lĩnh vực, theo đó, lĩnh vực Dịch vụ chứng khoán năm 2025 chiếm tỷ trọng 61%, lĩnh vực nguồn vốn – đầu tư chiếm 37%, lĩnh vực tư vấn – phân tích chiếm 2% doanh thu toàn Công ty.



Tình hình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

Công tác quản trị rủi ro

Công ty luôn xác định quản trị được rủi ro là yếu tố quan trọng, nhằm hạn chế tối đa rủi ro, góp phần giúp các đơn vị nghiệp vụ hoạt động an toàn hiệu quả và bền vững, tuân thủ quy định pháp luật.

- Về pháp lý: vận hành hệ thống pháp lý nội bộ bao quát các hoạt động kinh doanh của công ty; tổ chức công tác quản trị doanh nghiệp bài bản, hiệu quả cao, tuân thủ các quy trình, quy định nội bộ.
- Về vận hành: kiểm soát rủi ro phân cấp: Bộ phận Quản trị rủi ro tham gia đánh giá và nhận diện sớm rủi ro tiềm ẩn - Bộ phận Kiểm soát nội bộ kiểm soát quy trình nội bộ một cách chặt chẽ, độc lập.
- Công tác quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ được triển khai toàn diện, sâu rộng nhằm đảm bảo chất lượng giám sát về cả chuyên môn và tính tuân thủ.

Công tác công nghệ và chuyển đổi số

- Vận hành hệ thống ổn định và thông suốt, đẩy mạnh an ninh thông tin an toàn hệ thống.
- Từng bước tự chủ từng phần trong công nghệ khi tìm kiếm và liên kết các đối tác chiến lược công nghệ tạo tiền đề phát triển các hoạt động tự chủ và đào tạo bài bản đội ngũ CNTT.
- Phát triển hệ thống đáp ứng nhu cầu giao dịch sẵn sàng tham gia vào hệ thống giao dịch mới (KRX) của thị trường góp phần nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam. Ngày 05/05/2025, hệ thống KRX đã chính thức đi vào vận hành hoạt động toàn thị trường.

Công tác nâng cao năng lực đội ngũ

- Rà soát mô hình tổ chức, tối ưu hóa sự phân công công việc, thay đổi trong cách thức phối hợp giữa các Đơn vị, bộ phận, tạo điều kiện thuận lợi và sự linh hoạt trong hoạt động, tạo sự liên kết bổ trợ lẫn nhau giữa các hoạt động nghiệp vụ cũng như đào tạo được các lớp đội ngũ kế cận.
- Tổ chức các khóa đào tạo nội bộ và đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực chứng khoán, chứng chỉ hành nghề và các khóa đào tạo kế toán – kiểm toán, chuyên môn khác tạo điều kiện nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ.



Kế hoạch phát triển năm 2026

Trên cơ sở phân tích xu hướng thị trường, PSI cần nhìn nhận thực tế những **điểm mạnh – điểm yếu – cơ hội – thách thức** của mình để kịp thời đưa ra phương án kinh doanh phù hợp, cụ thể như sau:

Điểm mạnh (Strengths)

- PSI hoạt động theo định hướng mô hình Ngân hàng đầu tư tập trung khai thác các lợi thế đến từ 3 trụ cột chính:
  + Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) với vị thế là đầu tàu kinh tế với hơn 30 Công ty thành viên hoạt động trên nhiều lĩnh vực.
  + Ngân hàng mẹ PVcomBank hỗ trợ PSI trong việc phát triển mạng lưới và hệ thống khách hàng.
  + Đối tác nước ngoài, nắm bắt cơ hội từ làn sóng Nhà đầu tư nước ngoài dự kiến sẽ tăng trưởng mạnh mẽ trong thời gian tới.

- Thương hiệu: PSI được hưởng lợi ích từ giá trị thương hiệu do Petrovietnam mang lại.

Cơ hội (Opportunities)

- **Thứ nhất,** tệp khách hàng trong ngành Năng lượng còn dư địa khai thác lớn. Với lợi thế gắn kết hệ sinh thái ngành, PSI có điều kiện thuận lợi tiếp cận nhóm khách hàng doanh nghiệp và cá nhân trong lĩnh vực năng lượng – dầu khí, bao gồm các đơn vị thành viên, đối tác, cán bộ nhân viên và nhà đầu tư liên quan. Đây là phân khúc có nhu cầu đa dạng về dịch vụ tài chính, đầu tư và tư vấn, tạo nền tảng cho tăng trưởng ổn định và bền vững trong thời gian tới.

- **Thứ hai,** cơ hội mở rộng khai thác khách hàng tiềm năng từ hệ sinh thái ngân hàng và mạng lưới rộng khắp. Thông qua tệp khách hàng tổ chức và cá nhân của PVcomBank cùng mạng lưới các phòng giao dịch/chi nhánh trên toàn quốc, PSI có thể đẩy mạnh bán chéo sản phẩm, phát triển dịch vụ chứng khoán đến nhóm khách hàng hiện hữu, qua đó gia tăng thị phần và độ phủ thương hiệu.

- **Thứ ba,** cơ hội tham gia tư vấn cho các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước trong lộ trình tái cơ cấu và cổ phần hóa giai đoạn 2026–2030. Trong bối cảnh Chính phủ tiếp tục thúc đẩy tái cơ cấu khu vực doanh nghiệp nhà nước, nhu cầu về tư vấn tài chính, định giá, IPO và phát hành vốn được dự báo sẽ gia tăng. Đây là phân khúc phù hợp với định hướng phát triển theo mô hình ngân hàng đầu tư, tạo cơ hội nâng cao vị thế và gia tăng doanh thu từ hoạt động tư vấn.

Điểm yếu (Weaknesses)

- Quy mô vốn còn hạn chế dẫn đến PSI chưa đủ điều kiện để triển khai được đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán như: phái sinh, chứng quyền...

- Chính sách giá: chưa thể cạnh tranh được về giá so với các công ty chứng khoán có quy mô lớn nên khó khăn trong việc phát triển quy mô khách hàng kể cả đối với tệp khách hàng trong ngành Năng lượng, tệp Khách hàng PVcomBank.

- Hoạt động đầu tư của Công ty còn chịu các giới hạn theo quy định nội bộ từ Ngân hàng mẹ PVcomBank, khiến mức độ chủ động và linh hoạt trong phân bổ nguồn vốn, triển khai chiến lược đầu tư và phát triển sản phẩm mới chưa thực sự tối ưu. Yếu tố này phần nào làm chậm tốc độ ra quyết định và hạn chế khả năng tận dụng các cơ hội thị trường trong những thời điểm biến động nhanh.

Thách thức (Threats)

- **Thứ nhất,** hạ tầng công nghệ thông tin chưa theo kịp tốc độ số hóa của thị trường, trong bối cảnh các công ty chứng khoán lớn liên tục đầu tư mạnh vào hệ thống giao dịch, nền tảng số và trải nghiệm khách hàng. Nguồn lực đầu tư còn hạn chế khiến PSI gặp áp lực trong việc nâng cấp hệ thống đồng bộ và triển khai các sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao.

- **Thứ hai,** môi trường pháp lý đối với hoạt động của Công ty chứng khoán ngày càng được siết chặt. Các quy định từ cơ quan quản lý nhà nước có xu hướng nâng cao yêu cầu về quản trị rủi ro, an toàn tài chính, giới hạn đầu tư và tuân thủ, đòi hỏi Công ty phải tăng cường nguồn lực cho hệ thống kiểm soát nội bộ và tuân thủ pháp lý.

- **Thứ ba,** tâm lý nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán còn thận trọng, đặc biệt sau những giai đoạn biến động mạnh và các sự kiện tiêu cực liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến thanh khoản thị trường, nhu cầu sử dụng dịch vụ tài chính và hiệu quả kinh doanh của các công ty chứng khoán nói chung.

- **Thứ tư,** mức độ cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt, đặc biệt từ các công ty chứng khoán có quy mô vốn lớn, tiềm lực tài chính mạnh và chiến lược giá linh hoạt. Áp lực cạnh tranh về phí giao dịch, lãi suất margin, chất lượng dịch vụ và sản phẩm đầu tư ngày càng gia tăng, đặt PSI trước yêu cầu phải nâng cao năng lực cạnh tranh và định vị rõ nét hơn trên thị trường.

Kế hoạch kinh doanh năm 2026

Trên cơ sở đánh giá thị trường chứng khoán, thị trường tài chính cũng như các vấn đề nội tại của PSI, Ban Giám đốc xác định Kế hoạch kinh doanh năm 2026 như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025		Kế hoạch năm 2026	Tăng trưởng	
		Kế hoạch	Thực hiện		So với KH 2025	So với TH 2025
I	**Tổng doanh thu**	**382,87**	**478,94**	**505,81**	**132%**	**106%**
1	**Hoạt động Dịch vụ chứng khoán**	**214,30**	**293,53**	**286,36**	**134%**	**98%**
1.1	Môi giới chứng khoán	55,00	87,82	77,80	141%	89%
1.2	Lưu ký chứng khoán	7,00	7,93	7,53	108%	95%
1.3	Dịch vụ tài chính	145,60	192,03	191,69	132%	100%
1.4	Doanh thu khác	6,70	5,75	9,34	139%	162%
2	**Hoạt động Đầu tư, nguồn vốn**	**153,07**	**176,45**	**203,45**	**133%**	**115%**
3	**Hoạt động Tư vấn - Phân tích**	**15,50**	**8,96**	**16,00**	**103%**	**179%**
II	**Tổng chi phí**	**342,86**	**418,00**	**445,81**	**130%**	**107%**
III	**LNTT, TTL**	**40,01**	**60,94**	**60,00**	**150%**	**98%**
IV	**Lợi nhuận khác**	**-**	**-**	**10.00**	**-**	**-**
V	**LNTT, TTL (bao gồm LN khác)**	**40,01**	**60,94**	**70,00**	**175%**	**115%**

Chi tiết các hoạt động trong năm 2026

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Doanh thu kế hoạch năm 2026 hoạt động DVCK dự kiến 286,36 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 57% kế hoạch doanh thu toàn công ty, tiếp tục tập trung vào 02 mảng hoạt động chính là Môi giới chứng khoán và Dịch vụ tài chính với doanh thu tương ứng là 77,8 tỷ đồng và 191,69 tỷ đồng.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ, NGUỒN VỐN

Doanh thu hoạt động đầu tư – kinh doanh nguồn vốn năm 2026 dự kiến đạt 203,45 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 40% kế hoạch doanh thu toàn Công ty, cụ thể thông qua các hoạt động:

- Đẩy mạnh kinh doanh nguồn vốn qua các công cụ nợ, giấy tờ có giá.
- Ổn định duy trì nguồn vốn đầu vào đảm bảo hiệu quả hoạt động vốn.
- Triển khai thực hiện đa dạng các nghiệp vụ đầu tư.

HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN, PHÂN TÍCH CHỈ SỐ

Doanh thu hoạt động tư vấn, phân tích chỉ số năm 2026 dự kiến đạt 16 tỷ đồng thông qua các hoạt động:

- Duy trì mục tiêu ưu tiên với nhóm khách hàng trong ngành, bám sát kế hoạch kinh doanh tập trung đẩy mạnh hoạt động tư vấn đối với nhóm khách hàng trong lĩnh vực năng lượng.
- Duy trì quan hệ và tiếp tục tìm kiếm các Doanh nghiệp có tiềm lực tài chính tốt, cung cấp đa dạng các sản phẩm: tư vấn, phân tích, dự báo, đánh giá...mang lại hiệu quả thiết thực cho khách hàng và mở rộng thêm tệp khách hàng.
- Quản lý truyền thông, thương hiệu, thiết kế các sản phẩm hỗ trợ hoạt động kinh doanh và hình ảnh của PSI.

CHI PHÍ VÀ LỢI NHUẬN

- Tổng chi phí dự kiến năm 2026 là **445,81 tỷ đồng.**
- Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập dự kiến là **70,00 tỷ đồng.**

Nhiệm vụ trọng tâm

- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2026
- Để đạt được mục tiêu hoàn thành kế hoạch năm 2026, PSI đề ra những nhiệm vụ và phương hướng hành động cụ thể:

Phát triển toàn diện – bền vững

- Tỷ trọng doanh thu từ hoạt động đầu tư – nguồn vốn tối thiểu 40% doanh thu toàn Công ty bên cạnh lĩnh vực Dịch vụ chứng khoán cốt lõi.
- Phát triển mạng lưới khách hàng mục tiêu; Khẳng định rõ nét hình ảnh, vị thế của PSI trên thị trường trong và ngoài nước trong lĩnh vực công nghiệp năng lượng, từng bước đẩy mạnh thị phần giao dịch.
- Đẩy mạnh ứng dụng số hóa và kinh doanh số, từng bước làm chủ từng phần hệ thống công nghệ gia tăng tiện ích với khách hàng.
- Tiếp tục cải cách tiền lương, thu nhập; tuyển dụng nhân sự chuyên nghiệp, chất lượng cao.

Mục tiêu hành động

- Triển khai và cụ thể hóa mục tiêu phát triển PSI trở thành Công ty chứng khoán hoạt động theo mô hình Ngân hàng đầu tư hoàn chỉnh trong lĩnh vực năng lượng; trong đó, trọng tâm là nâng cao năng lực cạnh tranh của PSI trên thị trường bằng Nguồn vốn, Công nghệ, Thị phần giao dịch, Mạng lưới hoạt động, Sản phẩm dịch vụ và Mạng lưới khách hàng, đẩy mạnh hoạt động IB.
- Xây dựng và công bố chiến lược kinh doanh giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn đến 2035.
- Về Công nghệ: Nâng cấp, đầu tư mới hệ thống Core giao dịch chứng khoán và đưa vào vận hành. Vận hành sản phẩm PS-AI dấu ấn công nghệ Trung tâm giao dịch số.
- Về Sản phẩm dịch vụ: Phát triển các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng đầu tư, tăng cường bán chéo với Ngân hàng.
- Về thị phần và mạng lưới khách hàng: Tăng thị phần giao dịch và số lượng khách hàng cá nhân thông qua việc triển khai các ứng dụng công nghệ theo xu thế mới.
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức, nhân sự, đào tạo. Xây dựng hệ thống công cụ quản lý và nâng cao năng suất lao động. Cải thiện môi trường làm việc, xây dựng chính sách tiền lương hợp lý, chăm lo đời sống vật chất tinh thần và vật chất của nhân viên.



BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 nhân sự, cụ thể:

Bà Nguyễn Thị An Trưởng Ban kiểm soát (không chuyên trách);	Ông Bùi Thế Anh Thành viên Ban kiểm soát (không chuyên trách);	Bà Nguyễn Thị Thu Thành viên Ban kiểm soát (không chuyên trách).

Tổng kết các cuộc họp trong năm

Phiên họp thứ nhất (25/04/2025): Nội dung các quyết định:
- Ban kiểm soát thảo luận và thống nhất thông qua việc triển khai thực hiện kế hoạch kiểm soát năm 2025.

Phiên họp thứ hai (18/12/2025): Nội dung các quyết định:
- Xem xét kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty.
- Tổng kết đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2025.
- Thông qua kế hoạch công tác năm 2026.
- Các công việc khác có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát.

Công tác kiểm soát trong năm 2025

- Ban Kiểm soát duy trì việc trao đổi thông tin thông qua các phương thức phù hợp như email, điện thoại và các hình thức khác khi cần thiết nhằm hỗ trợ công tác giám sát và đưa ra ý kiến đối với hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Nội dung trao đổi tập trung vào việc theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như mức độ tuân thủ các quy định nội bộ và quy định pháp luật trong công tác quản lý, điều hành.
- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát không ghi nhận yêu cầu từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên đề nghị xem xét các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty hoặc công tác điều hành. Trong phạm vi thông tin được cung cấp, Ban Kiểm soát nhận được sự phối hợp từ Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc để thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, quyền hạn được giao.



Hoạt động của từng Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị An
Trưởng BKS
(không chuyên trách)

- Trong năm 2025, với vai trò Trưởng Ban Kiểm soát không chuyên trách, bà Nguyễn Thị An đã tham dự một số cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc theo điều kiện thực tế, qua đó cập nhật thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh, công tác quản lý và điều hành của Công ty, đồng thời trao đổi, đóng góp ý kiến trong phạm vi phù hợp nhằm hỗ trợ việc thực hiện các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công tác quản trị nội bộ.
- Ban Kiểm soát đã thực hiện việc xem xét, thẩm định trên cơ sở các tài liệu và báo cáo do Công ty cung cấp, bao gồm: báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính đã được kiểm toán, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và báo cáo kết quả hoạt động của Ban Giám đốc, làm cơ sở để báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Ngoài ra, Ban Kiểm soát thực hiện các hoạt động giám sát khác theo chức năng, nhiệm vụ và trong phạm vi thông tin, nguồn lực cho phép

Bà Nguyễn Thị Thu
Thành viên BKS
(không chuyên trách)

- Thực hiện công tác giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong hoạt động quản lý, điều hành Công ty trên cơ sở các thông tin, tài liệu được cung cấp.
- Thực hiện việc xem xét, đánh giá trong phạm vi phù hợp đối với tính hợp lý, hợp pháp, mức độ trung thực và thận trọng trong việc triển khai các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của Công ty, bao gồm môi giới, bảo lãnh phát hành, tư vấn đầu tư và lưu ký chứng khoán trong năm 2025.
- Thực hiện xem xét, thẩm định các báo cáo do Công ty lập và cung cấp, bao gồm: báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính đã được kiểm toán, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và báo cáo kết quả hoạt động của Ban Giám đốc, làm cơ sở trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng, quyền hạn của Ban Kiểm soát và theo yêu cầu phát sinh (nếu có)

Ông Bùi Thế Anh
Thành viên BKS
(không chuyên trách)

- Thực hiện công tác giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong hoạt động quản lý, điều hành Công ty trên cơ sở các thông tin, tài liệu được cung cấp.
- Thực hiện việc xem xét, đánh giá trong phạm vi phù hợp đối với việc triển khai nghiệp vụ tự doanh chứng khoán và hoạt động đầu tư tài chính trong năm 2025, bao gồm các khía cạnh về tính hợp lý, hợp pháp, mức độ trung thực và thận trọng.
- Thực hiện xem xét, thẩm định các báo cáo do Công ty lập và cung cấp, bao gồm: báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính đã được kiểm toán, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và báo cáo kết quả hoạt động của Ban Giám đốc, làm cơ sở trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng, quyền hạn của Ban Kiểm soát và theo yêu cầu phát sinh (nếu có).

Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2026

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và định hướng hoạt động năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

- Thực hiện giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty trên cơ sở các thông tin, tài liệu được cung cấp.
- Xem xét, đánh giá trong phạm vi phù hợp đối với tính hợp lý, hợp pháp, mức độ trung thực và thận trọng trong công tác quản lý, điều hành; cũng như việc tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thực hiện thẩm định trên cơ sở các báo cáo do Công ty lập và cung cấp, bao gồm báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính năm và bán niên năm 2025, cùng báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, làm cơ sở báo cáo Đại hội đồng cổ đông theo quy định.
- Rà soát các giao dịch với bên liên quan trong phạm vi được cung cấp thông tin, đồng thời đưa ra ý kiến, khuyến nghị về thẩm quyền phê duyệt theo quy định (nếu cần thiết).
- Rà soát, đánh giá trong phạm vi phù hợp đối với hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty.
- Xem xét sổ sách kế toán, tài liệu và các nội dung liên quan đến công tác quản lý, điều hành theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát hoặc theo yêu cầu hợp lệ của cổ đông (nếu có).
- Đưa ra các kiến nghị (nếu cần thiết) nhằm hoàn thiện cơ cấu tổ chức, hệ thống quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp liên quan theo điều kiện thực tế.
- Thực hiện xem xét các vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành theo đề nghị hợp lệ của cổ đông (nếu có).
- Theo dõi, giám sát tình hình tài chính và việc tuân thủ quy định pháp luật của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cá nhân quản lý khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI CÔNG TY

Bộ máy quản trị rủi ro

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Bà Hồ Việt Hà	Ủy viên
3	Ông Trịnh Thế Phương	Ủy viên
4	Bà Phan Quỳnh Nga	Ủy viên
5	Ông Trần Tuấn Anh	Ủy viên

Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị An	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Bùi Thế Anh	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Giám đốc

STT	Thành viên Ban Giám đốc	Chức vụ
1	Bà Phan Quỳnh Nga	Giám đốc
2	Bà Lưu Thị Việt Hà	Phó Giám đốc



Cơ cấu tổ chức của bộ máy quản trị rủi ro

Bộ máy tổ chức và nhân sự Quản trị rủi ro ("QTRR") của PSI bao gồm: Hội đồng quản trị, Hội đồng đầu tư, Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính, Phòng Kiểm toán Nội bộ, Giám đốc, Phòng Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ ("QTRR.KSNB"), và các bộ phận nghiệp vụ.

Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cao nhất về hoạt động quản trị rủi ro tại PSI. Hội đồng quản trị phân công 01 Ủy viên Hội đồng quản trị phụ trách Quản trị rủi ro có nhiệm vụ hỗ trợ Hội đồng quản trị thực hiện các chức năng nhiệm vụ liên quan đến hoạt động Quản trị rủi ro;
- Hàng năm tiến hành rà soát và phê duyệt các chính sách, hạn mức rủi ro trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Công ty;
- Chỉ đạo xử lý kịp thời các tồn tại trong công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Giám đốc, Phòng QTRR.KSNB và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động QTRR;
- Kiểm tra, đánh giá đầy đủ tính hiệu quả và hiệu lực của các bộ phận liên quan đến hoạt động QTRR.

Hội đồng đầu tư

- Hội đồng đầu tư hoạt động theo Quy chế hoạt động đầu tư của PSI;
- Thẩm định, phê duyệt phương án đầu tư có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của PSI tại Báo cáo tài chính gần nhất;
- Quyết định việc chuyển về tự doanh các khoản đầu tư PSI thực hiện theo nghĩa vụ của hợp đồng bảo lãnh phát hành hoặc các hợp đồng khác của PSI;
- Đánh giá các khoản mục đã thực hiện đầu tư và đưa ra phương án giải quyết.

Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính

- Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính hoạt động theo Quy chế Hoạt động Dịch vụ tài chính của PSI;
- Đánh giá tính phù hợp của hệ thống lãi suất, cơ chế cấp vốn và hệ thống các chính sách khác áp dụng cho hoạt động dịch vụ tài chính của PSI và quyết định điều chỉnh cho phù hợp với thực tế;
- Ban hành danh mục chứng khoán cho vay tiền giao dịch ký quỹ trên cơ sở danh mục cho phép của Sở giao dịch chứng khoán và các tỷ lệ cho vay ký quỹ đảm bảo an toàn, hiệu quả và kiểm soát được rủi ro, bảo toàn vốn và thu được khoản lợi nhuận tương ứng với số tiền sử dụng cho dịch vụ này;
- Quyết định biện pháp xử lý kịp thời khi thị trường có biến động lớn để đảm bảo hạn chế rủi ro cũng như tổn thất cho PSI.

Giám đốc

- Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT trong việc triển khai chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt.
- Xây dựng chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro trình HĐQT phê duyệt; Xây dựng các tiêu chuẩn quản trị rủi ro;
- Định kỳ hàng quý báo cáo HĐQT việc triển khai thực hiện quản trị rủi ro, đánh giá tính phù hợp của chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình quản trị rủi ro;
- Đảm bảo hệ thống quản trị rủi ro được hiểu và vận hành thống nhất từ trên xuống dưới trong PSI phù hợp với chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt;
- Xây dựng và triển khai các quy trình xử lý rủi ro phù hợp với chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro, sức chịu đựng rủi ro của PSI;
- Đảm bảo các quy trình quản trị rủi ro và bộ phận quản trị rủi ro được thiết lập và tổ chức đầy đủ, rõ ràng, đủ nhân sự và nguồn lực tài chính;
- Báo cáo Hội đồng quản trị về trạng thái rủi ro trọng yếu

Phòng Kiểm toán nội bộ

- Là một đơn vị độc lập trực thuộc HĐQT;
- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống;
- Đánh giá quy trình quản trị rủi ro;
- Đưa ra đề xuất, khuyến nghị nhằm thiết lập và nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hệ thống các chính sách, quy chế, quy định, quy trình của PSI.

Phòng Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá và đo lường các rủi ro của PSI;
- Rà soát, điều chỉnh các mô hình định giá và hệ thống đánh giá các công cụ tài chính được sử dụng bởi các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh;
- Đề xuất các chính sách quản trị rủi ro cho Giám đốc; Đề xuất hạn mức rủi ro cho bộ phận nghiệp vụ;
- Đánh giá mức độ rủi ro và trạng thái tập trung rủi ro, thiệt hại thực tế phát sinh và thiệt hại được dự báo bởi bộ phận quản trị rủi ro;
- Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị phê duyệt;
- Lập báo cáo định kỳ hàng tháng về quản trị rủi ro thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ để báo cáo Giám đốc Công ty;
- Trưởng bộ phận quản trị rủi ro thực hiện theo dõi, đánh giá hàng ngày trạng thái rủi ro của PSI.

Các bộ phận nghiệp vụ

- Các Giám đốc Chi nhánh/trưởng phòng nghiệp vụ trong Công ty phải tuân thủ và thực hiện quản trị rủi ro hàng ngày theo đúng quy trình quản trị rủi ro, chính sách quản trị rủi ro của PSI đã được phê duyệt.
- Phối hợp cùng Phòng QTRR.KSNB tính toán, xây dựng hạn mức rủi ro cho đơn vị mình đảm bảo sát thực với hoạt động sản xuất kinh doanh và phù hợp với điều kiện của đơn vị và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.

Công tác kiểm tra giám sát của Công ty về quản trị rủi ro

Nội dung kiểm tra, giám sát

- Tiến hành rà soát và phê duyệt định kỳ hàng năm các chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro;
- Kiểm tra, đánh giá đầy đủ tính hiệu quả của Bộ phận quản trị rủi ro;
- Đánh giá tính phù hợp của chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình quản trị rủi ro;
- Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.

Số lần kiểm tra trong năm

- Theo dõi cảnh báo xử lý giảm giá giao dịch ký quỹ, hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Định kỳ hàng tháng, Trưởng Phòng QTRR.KSNB báo cáo Giám đốc Công ty việc triển khai thực hiện quản trị rủi ro, theo dõi thực hiện trên thực tế các chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Định kỳ hàng quý, Giám đốc Công ty báo cáo Hội đồng quản trị Công ty việc triển khai thực hiện quản trị rủi ro, đánh giá tính phù hợp của chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình quản trị rủi ro;
- Định kỳ 6 tháng/ năm công ty thực hiện các báo cáo Quản trị rủi ro theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.
- Thực hiện kiểm tra các vụ việc cụ thể (nếu có).

Báo cáo kết quả kiểm tra

- Công ty đã tuân thủ các hạn mức rủi ro, chính sách rủi ro đã được Hội đồng quản trị phê duyệt đầu năm.
- Luôn đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính trên 180%;
- PSI luôn không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động; xây dựng mối quan hệ thân thiết với cổ đông, khách hàng, khách hàng ngành Dầu khí, và các đối tượng khách hàng khác đồng thời có các chính sách phù hợp với từng thời kỳ cũng như đảm bảo quyền lợi của khách hàng, cổ đông, nhà đầu tư nhằm giảm thiểu rủi ro hoạt động, rủi ro thương hiệu;

Đánh giá tính độc lập ngăn ngừa xung đột lợi ích

Trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý công ty

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- PSI tuân thủ các quy định về các đối tượng trong công ty chứng khoán không được mở tài khoản giao dịch ký quỹ bao gồm: Cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh khách do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và những người có liên quan đến các đối tượng trên. Việc mở tài khoản giao dịch của các đối tượng trên được thực hiện chặn trên hệ thống giao dịch của Công ty nên không phát sinh giao dịch. Định kỳ, bộ phận nghiệp vụ thực hiện rà soát các đối tượng được bổ nhiệm mới, bổ nhiệm bổ sung, tuyển mới trong Công ty đảm bảo không bị bỏ sót và phát sinh hoạt động cho vay với các đối tượng không đáp ứng theo quy định.

Giao dịch với người nội bộ và người có liên quan

Trong năm 2025, PSI phát sinh giao dịch với Người nội bộ và người có liên quan của công ty (chi tiết tại mục Quản trị Công ty, Chương IV Báo cáo này).

Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến công ty

Để đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công ty, các quy định Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty cổ phần chứng khoán Dầu khí được thông qua ngày 28/04/2022, cụ thể như sau:

- Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
- Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

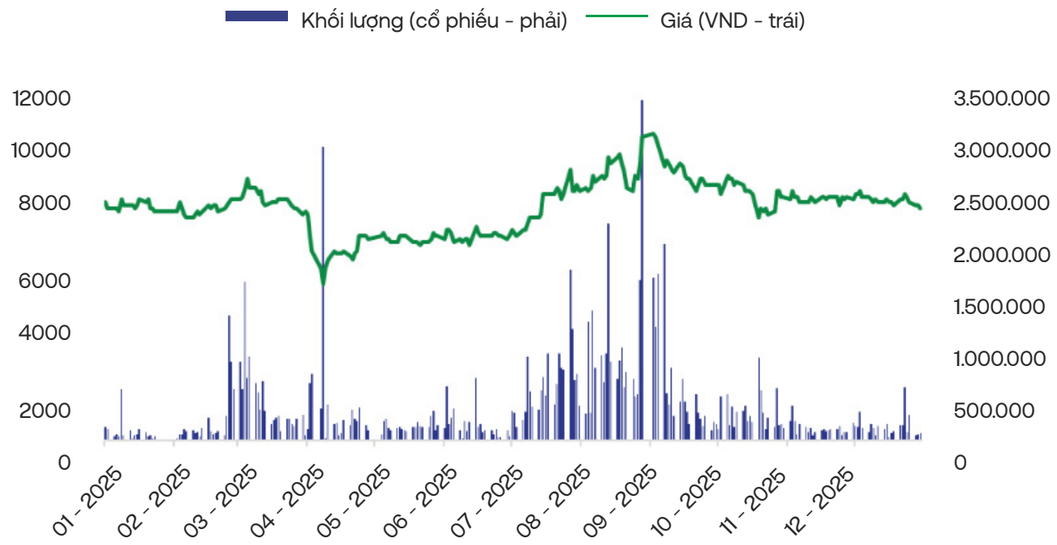
THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Thông tin cổ phiếu PSI năm 2025

Trong năm 2025, cổ phiếu PSI – CTCP Chứng khoán Dầu khí ghi nhận sự dao động đáng kể trong bối cảnh tâm lý thị trường niêm yết trên sàn HNX có nhiều biến động. Dữ liệu giao dịch cho thấy cổ phiếu PSI có biên độ giá khá rộng, với mức giá dao động trong khoảng 5.200–10.200 đồng/cổ phiếu trong vòng 52 tuần.

Yếu tố tâm lý thị trường chung, đặc biệt sự phân hóa mạnh giữa nhóm cổ phiếu lớn và nhỏ, cùng với thanh khoản sụt giảm trên HNX trong tháng 10 và 11/2025 đã tác động trực tiếp tới giao dịch của cổ phiếu PSI. Trong các giai đoạn thị trường kém sôi động, nhà đầu tư có xu hướng chọn dòng blue-chip hoặc nhóm ngành "hút dòng tiền", khiến cổ phiếu PSI gặp áp lực. Mặt khác, kết quả kinh doanh cải thiện của PSI trong năm 2025 phần nào tạo ra kỳ vọng hỗ trợ giá trong dài hạn.

Diễn biến và giá thanh khoản cổ phiếu PSI trong năm 2025



Hoạt động Quan hệ nhà đầu tư năm 2025

Để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư trong việc tiếp cận các thông tin có liên quan một cách chính xác và kịp thời, PSI đã rất chú trọng phân bổ nguồn lực cho hoạt động Quan hệ Nhà Đầu tư. Theo đó, công ty luôn chủ động kết nối với nhà đầu tư để cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác thông qua một số kênh thông tin có sẵn như trang thông tin điện tử của Công ty, các buổi công bố Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, các buổi diễn đàn đầu tư hay các hội nghị chuyên đề, Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm và gửi email đến từng nhà đầu tư.



HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

98 ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PSI

99 ĐỐI TƯỢNG LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

100 NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

05



ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PSI

Định hướng: Trước nhiều biến động khó lường của thị trường tài chính, PSI kiên định chiến lược phát triển bền vững dựa trên mô hình Ngân hàng đầu tư chuyên biệt trong lĩnh vực Năng lượng. PSI cân bằng mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận với việc thực thi nghiêm túc trách nhiệm Kinh tế - Xã hội - Môi trường (ESG), nhằm kiến tạo giá trị dài hạn cho doanh nghiệp và cộng đồng.

Mục tiêu: PSI xác định rõ 03 mục tiêu chính đóng vai trò nền tảng cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp:

Mục tiêu Kinh tế: Duy trì tăng trưởng ổn định và bền vững, góp phần thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và tối đa hóa lợi ích cho cổ đông. Đồng thời, nâng cao thu nhập cho người lao động và áp dụng quản trị rủi ro chặt chẽ nhằm giảm thiểu tổn thất tài chính cho Công ty và khách hàng.

Mục tiêu Xã hội:
Với Khách hàng: Công ty không ngừng cải tiến sản phẩm dịch vụ, nâng cấp hệ thống giao dịch, nhằm mang đến những giá trị và trải nghiệm tốtsự hài lòng cao nhất cho khách hàng.
Với người lao động: PSI chú trọng xây dựng cơ chế lương thưởng hợp lý với mức thu nhập cạnh tranh, tạo động lực để người lao động phát huy tối đa năng lực chuyên môn. Song song với môi trường làm việc chuyên nghiệp, Công ty luôn nâng cao chất lượng đời sống tinh thần và kiến tạo nền tảng văn hóa doanh nghiệp gắn kết, bền vững.
Với cộng đồng xã hội: PSI xác định gắn kết hoạt động kinh doanh với sự thịnh vượng chung của cộng đồng địa phương. Bên cạnh đóng góp ngân sách, PSI luôn chủ động thực hiện trách nhiệm cộng đồng xã hội thông qua các chương trình thiện nguyện thiết thực, kịp thời sẻ chia và hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn.

Mục tiêu Môi trường: Xây dựng môi trường làm việc xanh sạch, khuyến khích cán bộ nhân viên sử dụng các sản phẩm vật tư thân thiện với môi trường; tiết kiệm điện, nước và giấy; phủ xanh không gian làm việc; và thêm vào đó, hưởng ứng tích cực các sáng kiến hoạt động bảo vệ môi trường thông qua công tác truyền thông.

ĐỐI TƯỢNG LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Người lao động
PSI kiến tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp với cơ chế đãi ngộ cạnh tranh và lộ trình thăng tiến công bằng. PSI coi trọng chiến lược thu hút nhân tài song hành với công tác đào tạo chuyên sâu nhằm nâng cao năng lực đội ngũ. Đồng thời, áp dụng hệ thống đánh giá minh bạch để ghi nhận và tôn vinh xứng đáng những đóng góp xuất sắc vào sự phát triển chung của Doanh nghiệp.

Khách hàng
Kiên định với định hướng trở thành Ngân hàng đầu tư chuyên biệt hàng đầu trong lĩnh vực Năng lượng, khẳng định vị thế thương hiệu Chứng khoán Dầu khí (PSI) trên thị trường. PSI cung cấp hệ sinh thái sản phẩm tài chính toàn diện, tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng với tốc độ xử lý vượt trội cùng đội ngũ chuyên gia tư vấn hàng đầu và mức chi phí cạnh tranh.

Cổ đông & Nhà đầu tư
Quyền lợi Cổ đông: Đối xử bình đẳng và bảo vệ tối đa quyền lợi hợp pháp của mọi Cổ đông và Nhà đầu tư.
Minh bạch Thông tin: Đảm bảo thông tin công khai, minh bạch và được cung cấp kịp thời.
Hiệu quả Đầu tư: Chú trọng bảo toàn vốn và tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh nhằm mang lại lợi nhuận bền vững.

Cộng đồng, Xã hội
Thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, xã hội thông qua các hoạt động thiện nguyện. Tích cực thể hiện trách nhiệm doanh nghiệp thông qua dự án phát triển giáo dục với các trường đại học.

Cơ quan Truyền thông, Báo chí
Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật. Hợp tác phát triển công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu.

Cơ quan Quản lý nhà nước
Tuân thủ pháp Luật, áp dụng, triển khai các chủ trương, chính sách, quy định được đề ra bởi các cơ quan chức năng.

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Người lao động: Kiến tạo môi trường làm việc hiệu suất cao và gắn kết

Ổn định nguồn lực & Phát huy dân chủ cơ sở: PSI coi con người là nền tảng cho phát triển bền vững, duy trì thu nhập ổn định và phúc lợi toàn diện. Công ty đặc biệt chú trọng phát huy quyền làm chủ của CBNV thông qua các diễn đàn đối thoại định kỳ như Hội nghị Người lao động và Đại hội Công đoàn, tạo kênh trao đổi cởi mở, tăng cường sự đồng thuận và gắn kết nội bộ.

Đột phá trong Đào tạo & Phát triển năng lực: Trong bối cảnh chuyển đổi số, PSI đẩy mạnh đào tạo và phát triển năng lực. Tháng 11/2025, Công ty triển khai chương trình đào tạo ứng dụng AI trên toàn hệ thống nhằm nâng cao tư duy số và hiệu suất làm việc. Đồng thời, Công ty tiếp tục tài trợ và khuyến khích nhân sự theo đuổi các chứng chỉ quốc tế như CFA, ACCA và các chương trình đào tạo chuyên sâu của UBCK, hướng tới xây dựng đội ngũ chất lượng cao.

Chính sách Đãi ngộ & Thúc đẩy thi đua: Chính sách đãi ngộ được xây dựng minh bạch, gắn với hiệu quả công việc thông qua KPI. Các chương trình thi đua được triển khai thực chất, tạo động lực cho đội ngũ, đặc biệt trong khối kinh doanh. Bên cạnh đó, PSI phát triển môi trường làm việc năng động thông qua các hoạt động thể thao nội bộ, góp phần nâng cao sức khỏe và lan tỏa văn hóa doanh nghiệp gắn kết.

Khách hàng: Từ thấu hiểu đến tối ưu trải nghiệm Khách hàng

Với định hướng lấy khách hàng làm trung tâm, PSI liên tục đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư. Trong năm qua, Công ty triển khai nhiều chương trình ưu đãi như Chương trình kích hoạt "Đặc quyền kép", gói ưu đãi lãi suất margin "Vốn vững vàng - Lãi ngập tràn", giúp nhà đầu tư tiếp cận nguồn vốn chi phí hợp lý, đồng thời khẳng định cam kết đồng hành lâu dài.

Nâng tầm chất lượng Tư vấn & Phân tích: Song song, PSI chú trọng nâng cao chất lượng tư vấn và phân tích. Các báo cáo nghiên cứu và bản tin thị trường được cập nhật kịp thời, cung cấp góc nhìn chuyên sâu, được đối tác Bloomberg đánh giá cao và tin tưởng hợp tác. Sự kết hợp giữa sản phẩm cạnh tranh và năng lực tư vấn đã giúp PSI mở rộng tệp khách hàng, đồng thời củng cố niềm tin và sự gắn bó của nhà đầu tư.

Cổ đông và nhà đầu tư: Tối ưu hóa giá trị cổ đông

PSI tập trung nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động nhằm gia tăng giá trị bền vững cho cổ đông. Công ty chú trọng hoàn thiện các chuẩn mực quản trị theo thông lệ tốt, đảm bảo quyền lợi cổ đông, minh bạch thông tin và xây dựng văn hóa quản trị đạo đức. Đồng thời, PSI phát triển đội ngũ chuyên gia về quản trị rủi ro và tuân thủ, chủ động thích ứng với biến động thị trường, qua đó duy trì hiệu quả kinh doanh ổn định.

Công tác Quan hệ nhà đầu tư (IR) minh bạch và chuyên nghiệp: Hoạt động IR được triển khai bài bản, tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về công bố thông tin. Các thông tin về kết quả kinh doanh và định hướng chiến lược được công bố kịp thời, chính xác trên các kênh chính thức, đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong tiếp cận thông tin. Các kỳ ĐHĐCĐ và Báo cáo thường niên được tổ chức và xây dựng với chất lượng cao, góp phần nâng cao uy tín và niềm tin của cổ đông.

Trách nhiệm đối với Cộng đồng, Xã hội

PSI tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động hỗ trợ giáo dục và cộng đồng. PSI tích cực hợp tác với các đơn vị để tổ chức các sân chơi học thuật quy mô lớn:

- Ngày 14/11/2025: Tại Trường Kinh tế và Quản lý công (Đại học Kinh tế Quốc dân), PSI đã trao tặng 10 suất học bổng "Thắp sáng niềm tin" với tổng trị giá 100 triệu đồng cho các sinh viên xuất sắc có hoàn cảnh khó khăn.
- Sân chơi "The AIVestor 2025": PSI tổ chức thành công cuộc thi "Đấu trường chứng khoán – The AIVestor 2025". Cuộc thi đã quy tụ hàng nghìn sinh viên tài năng trên toàn quốc tham gia tranh tài.
- Ký kết hợp tác chiến lược với Trường Đại học Đại Nam: PSI đem đến nhiều cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp, thực tập tại doanh nghiệp, tiếp cận các công cụ công nghệ và mô hình vận hành thực tế, đặc biệt là hệ thống PS-AI, vào công tác giảng dạy của Đại học Đại Nam.

Chia sẻ trách nhiệm cùng cộng đồng:
PSI tích cực duy trì chương trình thiện nguyện, thăm và tặng quà cho các mái ấm, trung tâm bảo trợ trẻ em và người yếu thế tại nhiều địa phương (Thái Nguyên, Hải Phòng) lan tỏa tinh thần tương thân tương ái và giá trị nhân văn sâu sắc.

Cơ quan quản lý nhà nước

PSI luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán - tài chính, coi đây là nền tảng cho sự phát triển bền vững và uy tín doanh nghiệp. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, góp phần vào sự ổn định và tăng trưởng của nền kinh tế - xã hội Việt Nam

Cơ quan Truyền thông, Báo chí

PSI duy trì mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các cơ quan báo chí và truyền thông uy tín trong lĩnh vực kinh tế – tài chính và năng lượng. Hoạt động phối hợp giúp đảm bảo thông tin về doanh nghiệp được truyền tải chính xác, nhất quán và đúng định hướng

Thông qua hợp tác với các cơ quan báo chí, PSI có thêm người bạn đồng hành trong công tác tuyên truyền, nâng cao uy tín thương hiệu trên thị trường



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 09 năm 2020. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102095561, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14 vào ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 2 Tòa nhà Hanoitourist, Số 18 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Bà	Hồ Việt Hà	Ủy viên
Ông	Trịnh Thế Phương	Ủy viên
Ông	Trần Tuấn Anh	Ủy viên
Bà	Phan Quỳnh Nga	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà	Phan Quỳnh Nga	Giám đốc
Bà	Lưu Thị Việt Hà	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm

Bà	Nguyễn Thị An	Trưởng ban
Ông	Bùi Thế Anh	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Thu	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Anh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Bà Phan Quỳnh Nga - Giám đốc được Ông Nguyễn Anh Tuấn ủy quyền ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 39/UQ-NDD-CKDK ngày 03/12/2024 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Phan Quỳnh Nga

Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO
KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí được lập ngày 18 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Vũ Xuân Biển
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2023-002-1
Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2026

Ngô Hoàng Hà
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 3999-2023-002-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số		Tài sản	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025 (Đã điều chỉnh)
				VND	VND
100	**A.**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**3.107.851.441.264**	**2.554.954.970.038**
110	I.	Tài sản tài chính		**2.995.534.867.956**	**2.457.067.313.017**
111	1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	255.263.780.377	476.646.044.128
111.1	1.1	Tiền		255.263.780.377	326.646.044.128
111.2	1.2	Các khoản tương đương tiền		-	150.000.000.000
112	2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	346.144.863.070	181.917.356.859
113	3.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	800.000.000.000	611.019.178.082
114	4.	Các khoản cho vay	5	1.394.284.157.600	1.018.033.032.249
115	5.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	133.949.984.323	141.599.984.323
116	6.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(61.351.309.178)	(63.508.096.704)
117	7.	Các khoản phải thu	7	103.138.795.507	87.765.014.623
117.1	7.1	Phải thu bán các tài sản tài chính		63.230.030.187	64.731.573.080
117.2	7.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		39.908.765.320	23.033.441.543
117.3	7.2.1	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		20.227.792.552	13.749.840.719
117.4	7.2.2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		19.680.972.768	9.283.600.824
118	8.	Trả trước cho người bán		2.083.316.629	1.326.639.980
119	9.	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	5.957.093.801	7.790.563.815
122	10.	Các khoản phải thu khác	7	30.175.638.746	10.276.192.915
129	11.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(14.111.452.919)	(15.798.597.253)
130	**II.**	**Tài sản ngắn hạn khác**		**112.316.573.308**	**97.887.657.021**
131	1.	Tạm ứng		168.953.560	148.953.560
133	2.	Chi phí trả trước ngắn hạn	9	3.897.619.748	2.717.203.461
134	3.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10	108.250.000.000	95.021.500.000
137	4.	Tài sản ngắn hạn khác		209.000.000	209.000.000
139	5.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác		(209.000.000)	(209.000.000)
200	**B.**	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**35.166.883.083**	**43.678.724.692**
220	II.	Tài sản cố định		9.634.851.739	11.318.566.503
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	11	8.520.391.727	8.889.739.754
222	-	Nguyên giá		37.392.822.821	36.229.105.021
223a	-	Giá trị hao mòn luỹ kế		(28.872.431.094)	(27.339.365.267)
227	2.	Tài sản cố định vô hình	12	1.114.460.012	2.428.826.749
228	-	Nguyên giá		34.164.198.554	34.164.198.554
229a	-	Giá trị hao mòn luỹ kế		(33.049.738.542)	(31.735.371.805)
250	**V.**	**Tài sản dài hạn khác**		**25.532.031.344**	**32.360.158.189**
251	1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	10	1.928.988.160	1.940.511.160
252	2.	Chi phí trả trước dài hạn	9	2.334.267.360	9.218.880.197
254	3.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	21.268.775.824	21.200.766.832
270		**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**3.143.018.324.347**	**2.598.633.694.730**

Mã số		Nguồn vốn	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
				VND	VND
300	C.	NỢ PHẢI TRẢ		**2.391.762.239.729**	**1.890.976.789.478**
310	I.	Nợ phải trả ngắn hạn		**2.391.661.766.987**	**1.820.976.870.905**
311	1.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	1.762.858.641.903	1.566.489.645.946
312	1.1	Vay ngắn hạn		1.762.858.641.903	1.566.489.645.946
316	2.	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	15	69.899.445.831	-
318	3.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	2.792.243.731	2.635.213.823
320	4.	Phải trả người bán ngắn hạn	17	727.873.986	1.159.017.562
321	5.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		788.431.488	663.431.488
322	6.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	7.148.568.404	5.406.311.527
323	7.	Phải trả người lao động		9.456.352.572	883.978.211
324	8	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		288.107.535	425.599.121
325	9	Chi phí phải trả ngắn hạn	19	45.353.809.654	22.430.501.206
328	10	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		100.000.000	100.000.000
329	11	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	491.925.919.879	220.319.052.717
331	12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322.372.004	464.119.304
340	**II.**	**Trả trước cho người bán**		**100.472.742**	**69.999.918.573**
346	1.	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	15	-	69.899.445.831
352	2.	Các khoản phải thu khác		90.000.000	90.000.000
355	3.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		10.472.742	10.472.742
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**751.256.084.618**	**707.656.905.252**
410	I.	Vốn chủ sở hữu	21	751.256.084.618	707.656.905.252
411	1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		624.576.190.150	624.576.190.150
411.1	1.1	Vốn góp của chủ sở hữu	10	598.413.000.000	598.413.000.000
411.1a	a.	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		598.413.000.000	598.413.000.000
411.2	1.3	Thặng dư vốn cổ phần		26.163.190.150	26.163.190.150
414	**2.**	**Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ**		**4.732.088.575**	**4.732.088.575**
415	3.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		4.721.738.575	4.721.738.575
417	4.	Lợi nhuận chưa phân phối	11	117.226.067.318	73.626.887.952
417.1	4.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		117.524.700.387	75.584.361.547
417.2	4.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		(298.633.069)	(1.957.473.595)
440		**TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**3.143.018.324.347**	**2.598.633.694.730**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số		Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
				VND	VND
	A.	**TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT**			
006	1.	Cổ phiếu đang lưu hành		59.841.300	59.841.300
008	2.	Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán		694.026	876.102
009	3.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán		306	10
012	4.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán		13.615.843	13.635.661
	B.	**TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG**			
021	1.	Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư		2.591.528.390	2.443.116.403
021.1	a.	Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		2.216.312.003	2.017.368.218
021.2	b.	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		205.790.934	212.781.744
021.3	c.	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		169.425.395	191.050.852
021.4	d.	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		58	10.673
021.5	e.	Tài sản tài chính chờ thanh toán		-	21.904.916
022	2.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư		9.693.790	2.550.778
022.1	a.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		5.593.228	2.547.158
022.2	b.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		4.100.562	3.620
023	3.	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư		12.543.485	3.043.786
026	4.	Tiền gửi của khách hàng	22	340.278.963.669	175.424.977.681
027	4.1	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		323.076.210.393	170.979.623.393
029	4.2	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		17.202.753.276	4.445.354.288
029.1	a.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		16.976.891.191	3.946.759.560
029.2	b.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài		225.862.085	498.594.728
031	5.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	23	340.278.963.669	175.424.977.681
031.1	5.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		333.483.061.226	175.047.903.558
031.2	5.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		6.795.902.443	377.074.123

Lê Thùy Dương
Người lập

Lê Đức Cường
Phụ trách kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Phan Quỳnh Nga
Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2025

Mã số		Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
				VND	VND
	I.	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG**			
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		121.558.628.258	80.373.238.907
01.1		a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	25.a)	111.363.730.205	72.382.851.363
01.2		b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	25.b)	10.181.656.582	7.349.442.651
01.3		c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	25.c)	13.241.471	640.944.893
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	25.c)	50.804.549.563	35.658.953.829
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	25.c)	182.802.748.378	141.539.568.415
04	1.4	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)		1.000.000.000	500.000.000
06	1.5	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		87.819.050.662	49.540.404.339
09	1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		7.932.869.168	7.895.402.154
10	1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		6.806.704.535	10.730.352.364
11	1.8	Thu nhập hoạt động khác		18.403.364.485	17.298.515.582
20	**Cộng doanh thu hoạt động**			**477.127.915.049**	**343.536.435.590**
	II.	**CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**			
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		100.335.008.746	62.952.849.172
21.1		a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	25.a)	91.746.357.377	57.215.331.009
21.2		b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	25.b)	8.522.816.056	5.573.354.337
21.3		c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		65.835.313	164.163.826
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		5.493.212.474	1.072.732.863
26	2.3	Chi phí hoạt động tự doanh		2.814.429.214	2.799.311.680
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		119.868.306.867	86.354.745.341
30	2.5	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		8.157.260.074	7.686.922.758
31	2.6	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		6.197.460.073	6.144.048.982
32	2.7	Chi phí các dịch vụ khác		(61.000.000)	1.063.014.248
40		**Cộng chi phí hoạt động**		**242.804.677.448**	**168.073.625.044**
	III.	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**	**26**		
41	3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	240.755.297
42	3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		1.675.731.331	1.955.663.328
50	**Cộng doanh thu hoạt động tài chính**			**1.675.731.331**	**2.196.418.625**
	IV.	**CHI PHÍ TÀI CHÍNH**	27		
51	4.1	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	139.105.365
52	4.2	Chi phí lãi vay		113.683.334.362	93.684.694.171
60	**Cộng chi phí tài chính**			**113.683.334.362**	**93.823.799.536**
62	**V.**	**CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**	**28**	**66.167.599.045**	**50.087.445.225**
70	**VI.**	**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**		**56.148.035.525**	**33.747.984.410**

	VII.	**THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**			
71	7.1	Thu nhập khác	29	161.818.183	1.560.007.629
72	7.2	Chi phí khác	30	860.000.000	2.135.230.946
80	**Cộng kết quả hoạt động khác**			**(698.181.817)**	**(575.223.317)**
90	**VII.**	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**		**55.449.853.708**	**33.172.761.093**
91	8.1	Lợi nhuận đã thực hiện		53.791.013.182	31.396.672.779
92	8.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		1.658.840.526	1.776.088.314
100	**IX.**	**CHI PHÍ THUẾ TNDN**	**31**	**10.850.674.342**	**7.268.498.180**
100.1	9.1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		10.850.674.342	7.268.498.180
200	**X.**	**LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN**		**44.599.179.366**	**25.904.262.913**
500	**XI.**	**THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**			
501	11.1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	32	745	433







Lê Thùy Dương
Người lập

Lê Đức Cường
Phụ trách kế toán

Phan Quỳnh Nga
Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025 *(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số		Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
				VND	VND
	I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
01	1.	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		55.449.853.708	33.172.761.093
02	2.	Điều chỉnh cho các khoản		120.977.552.086	99.696.721.136
03	-	Khấu hao tài sản cố định		3.699.554.764	6.894.957.430
04	-	Các khoản dự phòng		5.432.212.474	1.072.732.863
06	-	Chi phí lãi vay		113.683.334.362	93.684.694.171
07	-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.837.549.514)	(1.955.663.328)
10	3.	Tăng các chi phí phi tiền tệ		8.522.816.056	5.573.354.337
11	-	Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		8.522.816.056	5.573.354.337
18	4.	Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(10.181.656.582)	(7.349.442.651)
19	-	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(10.181.656.582)	(7.349.442.651)
30	5.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(592.341.534.490)	(234.595.581.779)
31	-	Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(162.568.665.685)	(66.001.576.160)
32	-	Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		(188.980.821.918)	22.980.821.918
33	-	Tăng (giảm) các khoản cho vay		(376.251.125.351)	(140.247.055.923)
34	-	Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		-	(5.740.200)
35	-	(-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		1.501.542.893	1.560.772.994

36	-	(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	(16.875.323.777)	5.293.117.605
37	-	(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	332.325.680	(1.972.709.152)
39	-	(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	(19.899.445.831)	224.915.627
40	-	Tăng (giảm) các tài sản khác	(88.008.992)	(393.569.337)
42	-	Tăng (giảm) chi phí trả trước	5.704.196.550	(6.945.548.092)
43	-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(10.210.897.578)	(10.568.489.194)
44	-	Lãi vay đã trả	(90.760.025.914)	(83.895.937.699)
45	-	Tăng, (giảm) phải trả cho người bán	(1.187.820.225)	(161.931.256)
46	-	Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	(137.491.586)	(295.201.641)
47	-	Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)	1.102.480.113	74.711.565
48	-	Tăng, (giảm) phải trả người lao động	8.572.374.361	(2.872.611.132)
50	-	Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác	271.763.897.070	83.828.000.208
51	-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	188.370.943.000	315.241.195.250
52	-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(202.729.667.300)	(350.438.747.160)
60	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(417.572.969.222)**	**(103.502.187.864)**
	II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**		
61	1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	(2.015.840.000)	(9.513.304.519)
62	2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	161.818.183	-
65	3.	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.675.731.331	1.955.663.328
70	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(178.290.486)**	**(7.557.641.191)**
	III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**		
73	3.	Tiền vay gốc	94.684.792.325.418	60.294.329.128.756
74	4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	(94.488.423.329.461)	(60.060.278.120.253)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		196.368.995.957	234.051.008.503
90	**IV.**	**Tăng (giảm) tiền thuần trong năm**	**(221.382.263.751)**	**122.991.179.448**
101	**V.**	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**	**476.646.044.128**	**353.654.864.680**
101.1	-	Tiền	326.646.044.128	353.654.864.680
101.2	-	Các khoản tương đương tiền	150.000.000.000	-
103	**VI.**	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	**255.263.780.377**	**476.646.044.128**
103.1	-	Tiền	255.263.780.377	326.646.044.128
103.2	-	Các khoản tương đương tiền	-	150.000.000.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2025

Mã số		Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
				VND	VND
	I.	**Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng**			
01	1.	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		77.872.021.991.391	66.996.038.416.112
02	2.	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(97.755.295.020.442)	(50.758.338.586.088)
07	3.	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		20.056.059.884.207	-
08	4.	Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		-	(16.383.955.237.292)
11	5.	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(7.932.869.168)	(7.895.402.154)
14	6.	Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.743.296.097.022	1.707.469.607.384
15	7.	Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(1.743.296.097.022)	(1.707.469.607.384)
20		**Tăng/giảm tiền thuần trong năm**		**164.853.985.988**	**(154.150.809.422)**
30	**II.**	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng**		**175.424.977.681**	**329.575.787.103**
31		Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		175.424.977.681	329.575.787.103
32	-	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		170.979.623.393	298.031.528.583
34	-	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		4.445.354.288	31.544.258.520
40	**III.**	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng**	**22**	**340.278.963.669**	**175.424.977.681**
41		Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		340.278.963.669	175.424.977.681
42	-	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		323.076.210.393	175.047.903.558
44	-	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		17.202.753.276	377.074.123



Lê Thùy Dương
Người lập

Lê Đức Cường
Phụ trách kế toán

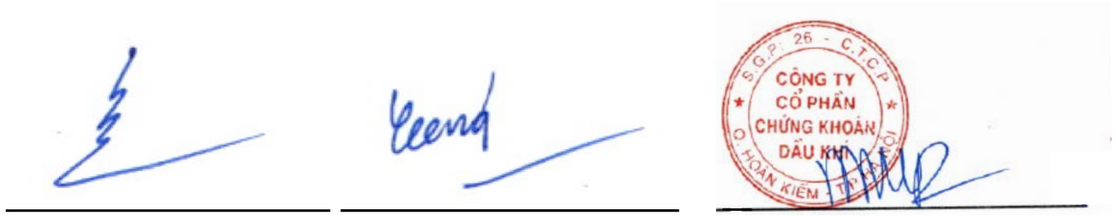
Phan Quỳnh Nga
Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2025

Chỉ tiêu		Thuyết minh	Số dư đầu năm			Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
			01/01/2024	01/01/2025		Năm 2024		Năm 2025		31/12/2024	31/12/2025
						Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
			VND	VND		VND		VND		VND	VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		624.576.190.150	624.576.190.150		-	-	-	-	624.576.190.150	624.576.190.150
1.1	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		598.413.000.000	598.413.000.000		-	-	-	-	598.413.000.000	598.413.000.000
1.2	Thặng dư vốn cổ phần		26.163.190.150	26.163.190.150		-	-	-	-	26.163.190.150	26.163.190.150
2.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4.732.088.575	4.732.088.575		-	-	-	-	4.732.088.575	4.732.088.575
3.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		4.721.738.575	4.721.738.575		-	-	-	-	4.721.738.575	4.721.738.575
4.	Lợi nhuận chưa phân phối		48.722.625.039	73.626.887.952		25.904.262.913	1.000.000.000	44.599.179.366	1.000.000.000	73.626.887.952	117.226.067.318
4.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		52.456.186.948	75.584.361.547		24.128.174.599	1.000.000.000	42.940.338.840	1.000.000.000	75.584.361.547	117.524.700.387
4.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		(3.733.561.909)	(1.957.473.595)		1.776.088.314	-	1.658.840.526	-	(1.957.473.595)	(298.633.069)
	TỔNG CỘNG		**682.752.642.339**	**707.656.905.252**		**25.904.262.913**	**1.000.000.000**	**44.599.179.366**	**1.000.000.000**	**707.656.905.252**	**751.256.084.618**



Lê Thùy Dương
Người lập

Lê Đức Cường
Phụ trách kế toán

Phan Quỳnh Nga
Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 09 năm 2020. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102095561, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14 vào ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 2 Tòa nhà Hanoitourist, Số 18 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 598.413.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 598.413.000.000 VND; tương đương 59.841.300 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 131 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 151 người).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 21 tháng 07 năm 2010 với mã giao dịch là PSI.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Lầu 1 tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Vũng Tàu	Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, Số 47 Ba Cu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Đà Nẵng	Tầng G và Tầng 2 tòa nhà PVComBank Đà Nẵng, lô A2.1, đường 30 tháng 4, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

1.3. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2025 thị trường có nhiều biến động, khối lượng giao dịch tăng dẫn đến doanh thu môi giới và doanh thu cho vay giao dịch chứng khoán tăng với năm trước, đồng thời doanh thu từ hoạt động tự doanh cũng tăng. Đây là những nguyên nhân chính làm cho kết quả kinh doanh trong năm tăng nhiều so với năm trước.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính
- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;

- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá thị trường của các chứng khoán này.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay"*.

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại là sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay"*.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay"*.

2.7. Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.8. Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 07 năm
Các tài sản khác	03 - 05 năm
Phần mềm giao dịch	02 - 06 năm

2.10. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào

chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

- Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí thuê văn phòng, chi phí dịch vụ bản quyền và các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 05 năm.

2.12. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và Chi phí/ thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm (nếu có).

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu năm này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;

- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định hiện hành.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.16. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Côngty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

2.17. Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh

Doanh thu được ghi nhận khi các bên tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh công bố chia doanh thu cho các bên theo điều khoản quy định trong Hợp đồng.

2.18. Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.19. Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái;

- Chi phí lãi vay;

2.20. Các khoản thuế

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2.21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của Công ty Chứng khoán	88.415.731	6.189.703.094.150
Cổ phiếu	2.083.731	84.754.901.970
Trái phiếu	86.332.000	6.104.948.192.180
Của nhà đầu tư	2.422.403.964	86.204.753.404.818
Cổ phiếu	2.242.741.589	32.564.877.614.457
Trái phiếu	179.593.090	53.637.502.623.401
Chứng khoán khác	69.285	2.373.166.960
	2.510.819.695	**92.394.456.498.968**

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	-	2.879.862
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	250.577.766.523	204.977.906.912
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	4.686.013.854	121.665.257.354
Các khoản tương đương tiền	-	150.000.000.000
	255.263.780.377	**476.646.044.128**

5. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Chứng khoán niêm yết và cổ phiếu upcom	16.065.413.939	15.766.780.870	16.240.722.295	14.283.248.700
Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi	330.378.082.200	330.378.082.200	167.634.108.159	167.634.108.159
	346.443.496.139	**346.144.863.070**	**183.874.830.454**	**181.917.356.859**

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	129.049.984.323	70.668.724.374	136.699.984.323	76.161.936.848
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	4.900.000.000	1.929.950.771	4.900.000.000	1.929.950.771
	133.949.984.323	72.598.675.145	141.599.984.323	78.091.887.619

c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 01 năm (*)	800.000.000.000	611.019.178.082
	800.000.000.000	**611.019.178.082**

(*) Bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dưới 01 năm gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4%/năm đến 4,8%/năm. Các hợp đồng tiền gửi này là tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ các khoản vay được trình bày tại thuyết minh số 14- các khoản vay.

d) Các khoản cho vay

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Hoạt động margin	1.226.273.927.514	794.620.146.265
Hoạt động ứng trước tiền bán	168.010.230.086	223.412.885.984
	1.394.284.157.600	**1.018.033.032.249**

e) Tình hình biến động giá trị thị trường (hoặc giá trị 4 loại tài sản tài chính)

Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025
VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	**346.443.496.139**	**183.874.830.454**	**346.144.863.070**	**181.917.356.859**	**1.505.430.000**	**752.715.000**	**(1.804.063.069)**	**(2.710.188.595)**	**346.144.863.070**	**181.917.356.859**
Chứng khoán niêm yết/ Upcom	**16.065.413.939**	**16.240.722.295**	**15.766.780.870**	**14.283.248.700**	**1.505.430.000**	**752.715.000**	**(1.804.063.069)**	**(2.710.188.595)**	**15.766.780.870**	**14.283.248.700**
PAI	5.018.100.000	5.018.100.000	6.523.530.000	5.770.815.000	1.505.430.000	752.715.000	-	-	6.523.530.000	5.770.815.000
PAN	-	9.750.116.561	-	7.599.620.000	-	-	-	(2.150.496.561)	-	7.599.620.000
VPB	-	1.975.867	-	1.593.600	-	-	-	(382.267)	-	1.593.600
VCB	10.035.000.000	-	8.625.000.000	-			(1.410.000.000)	-	8.625.000.000	-
Các chứng khoán khác	1.012.313.939	1.470.529.867	618.250.870	911.220.100	-	-	(394.063.069)	(559.309.767)	618.250.870	911.220.100
Trái phiếu/ Chứng chỉ tiền gửi	**330.378.082.200**	**167.634.108.159**	**330.378.082.200**	**167.634.108.159**	**-**	**-**	-	-	330.378.082.200	167.634.108.159
Trái phiếu CTCP FECON	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
Trái phiếu Tập đoàn Vingroup (VIC12508 và VIC12511)	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-	-	-	-	-	100.000.000.000	-
Trái phiếu CTCP Nông nghiệp BAF VN (BAF12501)	30.378.082.200	-	30.378.082.200	-	-	-	-	-	30.378.082.200	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Hải Phát	-	16.205.024.059	-	16.205.024.059	-	-	**-**	-	-	16.205.024.059
Chứng chỉ tiền gửi	150.000.000.000	101.429.084.100	150.000.000.000	101.429.084.100	-	-	-	-	150.000.000.000	101.429.084.100
AFS	**133.949.984.323**	**141.599.984.323**	**72.598.675.145**	**78.091.887.619**	**-**	**-**	**(61.351.309.178)**	**(63.508.096.704)**	**72.598.675.145**	**78.091.887.619**
Cổ phiếu chưa niêm yết	**129.049.984.323**	**136.699.984.323**	**70.668.724.374**	**76.161.936.848**	**-**	**-**	(58.381.259.949)	(60.538.047.475)	70.668.724.374	76.161.936.848
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (1)	25.392.900.028	25.392.900.028	-	-	-	-	(25.392.900.028)	(25.392.900.028)	-	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh Quảng Ngãi (1)	-	7.650.000.000	-	-	-	-	-	(7.650.000.000)	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Thanh Sơn (1)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (1)	18.750.000.000	18.750.000.000	8.844.346.594	9.467.419.446	-	-	(9.905.653.406)	(9.282.580.554)	8.844.346.594	9.467.419.446
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí	10.835.250.000	10.835.250.000	10.835.250.000	10.835.250.000	-	-	-		10.835.250.000	10.835.250.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn	13.981.000.000	13.981.000.000	9.110.860.378	13.981.000.000	-	-	(4.870.139.622)	-	9.110.860.378	13.981.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex (1)	34.000.000.000	34.000.000.000	34.000.000.000	34.000.000.000	-	-	-	-	34.000.000.000	34.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Việt Nam (PVCI) (1)	16.068.000.000	16.068.000.000	7.855.433.107	7.855.433.107	-	-	(8.212.566.893)	(8.212.566.893)	7.855.433.107	7.855.433.107
Cổ phiếu hủy niêm yết khác	22.834.295	22.834.295	22.834.295	22.834.295	-	-	-	-	22.834.295	22.834.295
Ủy thác đầu tư vào PVCI	**4.900.000.000**	**4.900.000.000**	**1.929.950.771**	**1.929.950.771**	**-**	**-**	**(2.970.049.229)**	**(2.970.049.229)**	**1.929.950.771**	**1.929.950.771**
	480.393.480.462	**325.474.814.777**	**418.743.538.215**	**260.009.244.478**	**1.505.430.000**	**752.715.000**	**(63.155.372.247)**	**(66.218.285.299)**	**418.743.538.215**	**260.009.244.478**

(1) Các khoản đầu tư Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC aành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp. Theo đó, giá trị thị trường của các khoản đầu tư này được xác định bằng chênh lệch giữa giá mua và dự phòng đã trích lập

6. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán	61.351.309.178	63.508.096.704
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn	4.870.139.622	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	25.392.900.028	25.392.900.028
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh Quảng Ngãi	-	7.650.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Thanh Sơn	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	9.905.653.406	9.282.580.554
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Việt Nam	11.182.616.122	11.182.616.122
	61.351.309.178	**63.508.096.704**

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	19.680.972.768	9.283.600.824
Các khoản phải thu các khoản đầu tư đáo hạn (*)	63.230.030.187	64.731.573.080
Phải thu lãi hoạt động Margin	13.098.070.341	6.620.118.508
Phải thu tiền lãi hợp đồng hợp tác đầu tư	7.129.722.211	7.129.722.211
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	5.957.093.801	7.790.563.815
• Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	397.074.314	376.699.994
• Phải thu hoạt động tư vấn	5.192.138.931	6.371.349.931
• Phải thu các dịch vụ khác	367.880.556	1.042.513.890
Phải thu khác	30.175.638.746	10.276.192.915
• Phải thu Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	19.899.445.831	-
• Phải thu khác	10.276.192.915	10.276.192.915
	139.271.528.054	**105.831.771.353**

(*) Khoản phải thu trái phiếu đã đáo hạn thanh toán của tổ chức phát hành. Công ty đã thực hiện ký kết thỏa thuận chuyển giao quyền, lợi ích các lô trái phiếu này với đối tác được đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bằng hợp đồng nhận, quản lý tài sản đảm bảo, hợp đồng thế chấp bất động sản hình thành trong tương lai và thỏa thuận quản lý tài khoản.

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Giá trị phải thu khó đòi	Số đầu năm	Năm Nay: Số trích lập	Năm Nay: Số hoàn nhập/ xóa nợ	Năm Nay: Số cuối năm	Năm trước
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Dự phòng khó đòi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn	**7.129.722.211**	**7.129.722.211**	**-**	**-**	**7.129.722.211**	**7.129.722.211**
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí	7.129.722.211	7.129.722.211	-	-	7.129.722.211	7.129.722.211
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	**6.981.730.708**	**8.668.875.042**	**-**	**(1.687.144.334)**	**6.981.730.708**	**8.668.875.042**
Phải thu hoạt động tư vấn	4.626.638.931	5.992.949.931	-	(1.366.311.000)	4.626.638.931	5.992.949.931
Phải thu các dịch vụ khác	196.880.556	517.713.890	-	(320.833.334)	196.880.556	517.713.890
Phải thu hợp đồng giao dịch ký quỹ Margin	2.158.211.221	2.158.211.221	-	-	2.158.211.221	2.158.211.221
	14.111.452.919	**15.798.597.253**	**-**	**(1.687.144.334)**	**14.111.452.919**	**15.798.597.253**

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Cước thuê kênh internet và dịch vụ cung cấp thông tin	378.496.243	180.794.997
Chi phí cải tạo và thuê văn phòng	394.036.363	655.884.488
Chi phí bảo trì phần mềm	1.686.359.417	897.536.839
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.438.727.725	982.987.137
	3.897.619.748	**2.717.203.461**

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí truyền thông phát triển dịch vụ	-	6.930.000.000
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	325.826.643	439.657.553
Chi phí cải tạo và thuê văn phòng	-	281.858.894
Chi phí trả trước cước leased line Internet	-	11.458.350
Chi phí bảo trì phần mềm	676.666.664	-
Cước thuê kênh internet và dịch vụ cung cấp thông tin	224.916.196	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.106.857.857	1.555.905.400
	2.334.267.360	**9.218.880.197**

10. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

a) Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Đặt cọc hợp đồng đặt mua chứng khoán (*)	108.250.000.000	95.000.000.000
Đặt cọc thuê văn phòng	-	21.500.000
	108.250.000.000	**95.021.500.000**

b) Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng và dịch vụ khác	1.928.988.160	1.940.511.160
	1.928.988.160	**1.940.511.160**

(*) Thông tin về khoản đặt cọc hợp đồng đặt mua chứng khoán:

- Khoản đặt cọc cho các khách hàng theo các hợp đồng đặt mua trái phiếu phục vụ hoạt động kinh doanh giữa Công ty với các đối tác với tổng số dư tại thời điểm 31/12/2025 là 108.250.000.000 VND.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2025	3.398.642.200	32.830.462.821	36.229.105.021
Mua trong năm	1.964.000.000	51.840.000	2.015.840.000
Thanh lý, nhượng bán	(852.122.200)		(852.122.200)
Tại ngày 31/12/2025	**4.510.520.000**	**32.882.302.821**	**37.392.822.821**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2025	2.611.072.900	24.728.292.367	27.339.365.267
Khấu hao trong năm	447.650.116	1.937.537.911	2.385.188.027
Thanh lý, nhượng bán	(852.122.200)	-	(852.122.200)
Tại ngày 31/12/2025	**2.206.600.816**	**26.665.830.278**	**28.872.431.094**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	787.569.300	8.102.170.454	8.889.739.754
Tại ngày 31/12/2025	**2.303.919.184**	**6.216.472.543**	**8.520.391.727**

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.396.656.511 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2025	33.124.198.554	1.040.000.000	34.164.198.554
Tại ngày 31/12/2025	33.124.198.554	1.040.000.000	34.164.198.554
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2025	**30.695.371.805**	**1.040.000.000**	**31.735.371.805**
Khấu hao trong năm	**1.314.366.737**	-	**1.314.366.737**
Tại ngày 31/12/2025	32.009.738.542	1.040.000.000	33.049.738.542
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	2.428.826.749	-	2.428.826.749
Tại ngày 31/12/2025	**1.114.460.012**	**-**	**1.114.460.012**

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 29.879.140.035 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung và lãi phân bổ lũy kế	21.148.775.824	21.080.766.832
Số dư cuối năm	**21.268.775.824**	**21.200.766.832**

14. CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2025	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.566.489.645.946	94.684.792.325.418	(94.488.423.329.461)	1.762.858.641.903
Vay ngân hàng	800.700.000.000	9.418.741.589.041	(9.140.622.589.041)	1.078.819.000.000
Vay đối tượng khác	765.789.645.946	85.266.050.736.377	(85.347.800.740.420)	684.039.641.903
	1.566.489.645.946	**94.684.792.325.418**	**(94.488.423.329.461)**	**1.762.858.641.903**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành (1)	250.000.000.000	245.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà (2)	579.819.000.000	405.700.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nội	-	100.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - CN Thăng Long (3)	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh (4)	199.000.000.000	-
Vay các tổ chức cá nhân (5)	684.039.641.903	765.789.645.946
	1.762.858.641.903	**1.566.489.645.946**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay

(1) Các hợp đồng tín dụng ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: dưới 12 tháng;
- Lãi suất: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành.

(2) Các hợp đồng tín dụng ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: phục vụ hoạt động đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh phát hành;
- Thời hạn của hợp đồng: dưới 12 tháng;
- Lãi suất: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà.

(3) Các hợp đồng tín dụng ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - CN Thăng Long với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: phục vụ hoạt động đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh phát hành;
- Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng;
- Lãi suất: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - CN Thăng Long.

(4) Các hợp đồng tín dụng ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng;
- Lãi suất: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh.

(5) Các hợp đồng vay tổ chức, cá nhân với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: dưới 12 tháng;
- Lãi suất: được xác định trong từng đề nghị cho vay cụ thể theo chế độ lãi suất của Công ty với khách hàng theo từng hợp đồng vay cụ thể;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

15. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

a) Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trái phiếu PSIH2326002 (1)	50.000.000.000	-
Trái phiếu PSIH2426001 (2)	19.899.445.831	-
	69.899.445.831	**-**

b) Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trái phiếu PSIH2326002 (1)	-	50.000.000.000
Trái phiếu PSIH2426001 (2)	-	19.899.445.831
	-	**69.899.445.831**

Thông tin về kết quả phát hành trái phiếu riêng lẻ còn số dư tại 31/12/2025 như sau:

(1) Thông tin về mã trái phiếu PSIH2326002:

- Mệnh giá: 100.000.000 VND/1 trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu đang lưu hành tính đến 31/12/2025: 500 trái phiếu;
- Lãi suất danh nghĩa: Lãi suất cố định từ 9,95 %/năm;
- Ngày đáo hạn trái phiếu: 31/08/2026;
- Mục đích phát hành: cơ cấu lại nợ của Công ty.

(2) Thông tin về mã trái phiếu PSIH2426001:

- Mệnh giá: 100.000.000 VND/1 trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu đang lưu hành có chiết khấu tính đến 31/12/2025: 200 trái phiếu;
- Lãi suất danh nghĩa: Lãi suất cố định từ 8,9 %/năm;
- Ngày đáo hạn trái phiếu: 05/01/2026. Công ty đã thực hiện chuyển tiền thanh toán cho VSD vào ngày 30/12/2025 để VSD làm thủ tục thanh toán cho nhà đầu tư khi đáo hạn trái phiếu;
- Mục đích phát hành: cơ cấu lại nợ của Công ty.

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	-	90.568.515
Phải trả các Sở Giao dịch chứng khoán	2.140.696.785	342.833.039
Phải trả Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	651.546.946	2.201.812.269
	2.792.243.731	**2.635.213.823**

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	-	215.547.946
Công ty Cổ phần Công nghệ tin học và dịch vụ Goline	-	109.900.000
Tập Đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội Viettel	600.000.000	149.790.000
Phải trả các đối tượng khác	127.873.986	683.779.616
	727.873.986	**1.159.017.562**

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	167.552.356	131.730.496
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.572.093.603	2.932.316.839
Thuế Thu nhập cá nhân	3.408.922.445	2.342.264.192
	7.148.568.404	**5.406.311.527**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả cho các khoản vay và trái phiếu phát hành	7.366.175.395	3.733.358.873
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	37.987.634.259	18.697.142.333
	45.353.809.654	**22.430.501.206**

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả cổ tức. lãi cổ tức cho nhà đầu tư	12.669.382.486	13.967.214.732
Phải trả các hợp đồng dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp (*)	477.391.531.264	203.078.500.000
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.027.648.903	1.027.648.903
Các khoản phải trả. phải nộp khác	837.357.226	2.245.689.082
	491.925.919.879	**220.319.052.717**

(*) Khoản phải trả liên quan đến các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng thông qua việc Công ty thực hiện tìm kiếm, giới thiệu mã chứng khoán cho khách hàng có nhu cầu đầu tư; hoặc kinh doanh với mục đích phù hợp theo quy định của pháp luật.

21. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2025	Tỷ lệ	01/01/2025
	(%)	VND	(%)	VND
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam	51.17	306.226.740.000	51.17	306.226.740.000
Vốn góp của cổ đông (dưới 5%)	48.83	292.186.260.000	48.83	292.186.260.000
	100	**598.413.000.000**	**100**	**598.413.000.000**

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	117.524.700.387	75.584.361.547
Lợi nhuận chưa thực hiện	(298.633.069)	(1.957.473.595)
	117.226.067.318	**73.626.887.952**

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	75.584.361.547	52.456.186.948
Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	-	(3.733.561.909)
Lỗ/lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	42.940.338.840	24.128.174.599
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	118.524.700.387	76.584.361.547
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	**117.524.700.387**	**75.584.361.547**

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ - CKDK ngày 25 tháng 04 năm 2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	(%)	VND
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	100.00%	1.000.000.000

22. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	323.076.210.393	170.979.623.393
1. Nhà đầu tư trong nước	323.076.210.393	170.979.623.393
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	17.202.753.276	4.445.354.288
1. Nhà đầu tư trong nước	16.976.891.191	3.946.759.560
2. Nhà đầu tư nước ngoài	225.862.085	498.594.728
	340.278.963.669	**175.424.977.681**

23. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	323.076.210.393	170.979.623.393
1.1. Nhà đầu tư trong nước	323.076.210.393	170.979.623.393
2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	17.202.753.276	4.445.354.288
2.1. Nhà đầu tư trong nước	16.976.891.191	3.946.759.560
2.2. Nhà đầu tư nước ngoài	225.862.085	498.594.728
	340.278.963.669	**175.424.977.681**

24. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	**1.239.371.997.855**	**801.240.264.773**
1.1 Phải trả gốc margin	1.226.273.927.514	794.620.146.265
Nhà đầu tư trong nước	1.226.273.927.514	794.620.146.265
1.2 Phải trả lãi margin	13.098.070.341	6.620.118.508
Nhà đầu tư trong nước	13.098.070.341	6.620.118.508
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	**168.010.230.086**	**223.412.885.984**
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	168.010.230.086	223.412.885.984
Nhà đầu tư trong nước	168.010.230.086	223.412.885.984
	1.407.382.227.941	**1.024.653.150.757**

25. THU NHẬP

a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
					Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
		VND	VND		VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu/ Trái phiếu niêm yết khác	44.300.080	4.943.922.460.970	4.947.252.097.266		7.096.238.344	385.977.730	1.121.554.196	276.100.000
Trái phiếu chưa niêm yết	278.482	677.303.761.189	856.621.476.553		16.658.971.356	5.733.918.638	16.889.185.726	750.503.689
Chứng chỉ tiền gửi và cổ phiếu chưa niêm yết	225.595	3.066.915.354.400	3.066.915.354.400		87.608.520.505	85.626.461.009	54.372.111.441	56.188.727.320
		8.688.141.576.559	**8.870.788.928.219**		**111.363.730.205**	**91.746.357.377**	**72.382.851.363**	**57.215.331.009**

b) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2025			Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2025		Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán	
			Đánh giá tăng	Đánh giá giảm		Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm
	VND	VND	VND	VND		VND	VND	VND	VND
FVTPL	**16.065.413.939**	**15.766.780.870**	**1.505.430.000**	**(1.804.063.069)**		**752.715.000**	**(2.710.188.595)**	**10.181.656.582**	**8.522.816.056**
PAI	5.018.100.000	6.523.530.000	1.505.430.000	-		752.715.000	-	3.211.584.000	2.458.869.000
PAN	-	-	-	-		-	(2.150.496.561)	3.275.466.436	1.124.969.875
VPB	-	-	-	-		-	(382.267)	1.448.350	1.066.083
HDB	-		-	-		-	-	2.587.500.000	2.587.500.000
VCB	10.035.000.000	8.625.000.000	-	(1.410.000.000)		-	-	15.000.000	1.425.000.000
Cổ phiếu khác	1.012.313.939	618.250.870	-	(394.063.069)		-	(559.309.767)	1.090.657.796	925.411.098
	16.065.413.939	**15.766.780.870**	**1.505.430.000**	**(1.804.063.069)**		**752.715.000**	**(2.710.188.595)**	**10.181.656.582**	**8.522.816.056**

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	13.241.471	640.944.893
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	50.804.549.563	35.658.953.829
Từ các khoản cho vay	182.802.748.378	141.539.568.415
	233.620.539.412	**177.839.467.137**

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	240.755.297
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	240.755.297
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.675.731.331	1.955.663.328
	1.675.731.331	**2.196.418.625**

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	-	139.105.365
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	139.105.365
Chi phí lãi vay	113.683.334.362	93.684.694.171
	113.683.334.362	**93.823.799.536**

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	24.921.546.796	19.835.149.166
Chi phí vật tư văn phòng	167.878.050	259.810.065
Chi phí công cụ, dụng cụ	167.434.578	352.976.744
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	2.763.579.081	2.913.561.924
Chi phí thuế, phí và lệ phí	286.833.715	160.743.487
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.127.825.054	18.384.189.281
Chi phí khác	8.732.501.771	8.181.014.558
	66.167.599.045	**50.087.445.225**

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	161.818.183	-
Khoản công nợ bán cổ phần không còn nghĩa vụ phải trả	-	1.560.000.000
Các khoản khác	-	7.629
	161.818.183	**1.560.007.629**

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	860.000.000	2.135.230.946
	860.000.000	**2.135.230.946**

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55.449.853.708	33.172.761.093
Các khoản điều chỉnh tăng	1.475.600.000	2.833.760.008
- Chi phí không hợp lệ	1.475.600.000	2.833.760.008
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.672.081.997)	(2.417.033.207)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.013.241.471)	(640.944.893)
- Điều chỉnh giảm phần lợi nhuận chưa thực hiện	(1.658.840.526)	(1.776.088.314)
Thu nhập chịu thuế TNDN	54.253.371.711	33.589.487.894
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	-	550.600.601
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	**10.850.674.342**	**2.932.316.839**
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.932.316.839	6.232.307.853
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(10.210.897.578)	(10.568.489.194)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	3.572.093.603	2.932.316.839

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	44.599.179.366	25.904.262.913
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	44.599.179.366	25.904.262.913
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	59.841.300	59.841.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**745**	**433**

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

33. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Tổng quan

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	15.766.780.870	-	-	15.766.780.870
	15.766.780.870	**-**	**-**	**15.766.780.870**
Tại ngày 01/01/2025				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	14.283.248.700	-	-	14.283.248.700
	14.283.248.700	**-**	**-**	**14.283.248.700**

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	255.263.780.377	-	-	255.263.780.377
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	800.000.000.000	-	-	800.000.000.000
Các khoản cho vay	1.392.125.946.379	-	-	1.392.125.946.379
Các khoản phải thu	127.318.286.356	-	-	127.318.286.356
	2.574.708.013.112			**2.574.708.013.112**
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	476.643.164.266	-	-	476.643.164.266
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	611.019.178.082	-	-	611.019.178.082
Các khoản cho vay	1.015.874.821.028	-	-	1.015.874.821.028
Các khoản phải thu	92.191.385.321	-	-	92.191.385.321
	2.195.728.548.697			**2.195.728.548.697**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Vay và nợ	1.832.758.087.734	-	-	1.832.758.087.734
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	495.546.037.596	90.000.000	-	495.636.037.596
Chi phí phải trả	45.353.809.65	-	-	45.353.809.654
	2.373.657.934.984	**90.000.000**	**-**	**2.373.747.934.984**
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	1.566.489.645.946	69.899.445.831	-	1.636.389.091.777
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	224.213.284.102	90.000.000	-	224.303.284.102
Chi phí phải trả	22.430.501.206	-	-	22.430.501.206
	1.813.133.431.254	**69.989.445.831**	**-**	**1.883.122.877.085**

34. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	95.751.919.830	121.558.628.258	259.817.366.961	477.127.915.049
Chi phí hoạt động	128.025.566.941	108.642.650.434	6.136.460.073	242.804.677.448
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	1.675.731.331
Chi phí không phân bổ	-	-	-	179.850.933.407
Kết quả hoạt động	**(32.273.647.111)**	**12.915.977.824**	**253.680.906.888**	**56.148.035.525**
Tài sản bộ phận trực tiếp	1.437.557.866.687	438.424.510.983	1.267.035.946.677	3.143.018.324.347
Tổng tài sản	**1.437.557.866.687**	**438.424.510.983**	**1.267.035.946.677**	**3.143.018.324.347**
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	494.718.163.610	-	1.897.044.076.119	2.391.762.239.729
Tổng nợ phải trả	**494.718.163.610**	**-**	**1.897.044.076.119**	**2.391.762.239.729**

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Doanh thu			
Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Bên liên quan của Công ty mẹ	5.454.009.598	4.450.711.985
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Công ty mẹ	12.042.715.789	8.567.579.452
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	5.164.547.564	9.258.539.886
Mua hàng			
Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Bên liên quan của Công ty mẹ	-	361.501.151
Chuyển nhượng trái phiếu			
Ông Trịnh Thế Phương	Thành viên Hội đồng quản trị	7.160.328.770	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2025	01/01/2025
		VND	VND
Tiền gửi			
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Công ty mẹ	2.679.332.029	4.636.006.182
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Bên liên quan của Công ty mẹ	145.848.868	204.848.868
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Công ty mẹ	29.157.911	29.157.911
Phải thu đặt cọc			
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	-	95.000.000.000
Phả trả người bán			
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	-	215.547.946

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	960.000.000	956.195.00
Bà Hồ Việt Hà	Thành viên	108.000.000	120.000.00
Ông Trịnh Thế Phương	Thành viên	108.000.000	120.000.00
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên	108.000.000	120.000.00
Bà Phan Quỳnh Nga	Thành viên	108.000.000	120.000.00
Ban Giám đốc			
Bà Phan Quỳnh Nga	Giám đốc Công ty	1.319.911.854	1.329.286.265
Bà Lưu Thị Việt Hà	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11/09/2024)	1.311.267.054	362.584.725
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Giám đốc (Hết nhiệm kỳ ngày 19/03/2024)	-	215.959.714
Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị An	Trưởng ban BKS	96.000.000	96.000.000
Ông Bùi Thế Anh	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Lê Thùy Dương
Người lập

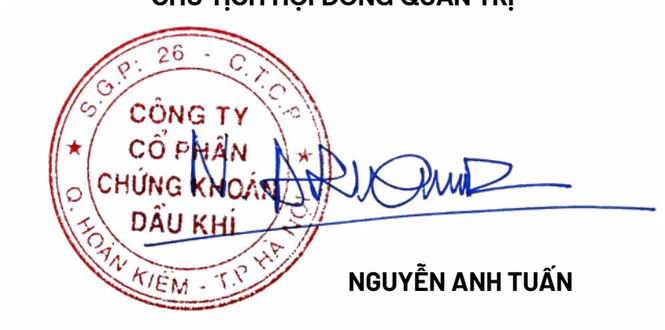
Lê Đức Cường
Phụ trách kế toán

Phan Quỳnh Nga
Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
PETROVIETNAM SECURITIES INC.
Số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
84-24 3987 2888 www.psi.vn dvkh@psi.vn